

F O R U M



Đạo diễn Hồ Quang Minh, tác giả phim *Thời Xa Vắng*
(xem trang 17)

Thư từ Mỹ tháng 7, 2005

VỀ chuyến đi Mỹ của thủ tướng Phan Văn Khải

Tiểu Hằng Ngôn

Bạn quý,

Hẳn bạn đã biết sự kiện nổi bật nhất ở Mỹ trong tháng 6 vừa qua có liên hệ đến Việt Nam là chuyến viếng thăm chính thức của thủ tướng Phan Văn Khải từ ngày 19 đến 25, gần như đúng mười năm sau ngày (11/7/1995) Clinton bình thường hoá quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Tuy chuyến đi này đã được nói đến từ lâu, theo báo *Los Angeles Times* thì Mỹ chỉ chịu mời ông Khải sau khi Việt Nam có những cam kết, vào tháng 4 vừa qua, về tự do tôn giáo.

Trước khi rời Hà Nội, ông Khải cho báo *Washington Post* một cuộc phỏng vấn khá dài. (Bài này có được “trích dịch” trên báo trong nước, chẳng hạn như *VnExpress*. Tuy nhiên, nếu bạn có thì giờ thì nên xem nguyên văn trên *Washington Post* để thấy những chỗ mà báo Việt Nam không dịch, cũng thú vị lắm!). Trong cuộc phỏng vấn này, ông Khải nói rõ năm mục tiêu của chuyến đi. Xin trích *VnExpress* (18/6/2005): “*Thứ nhất là đặt ra khuôn khổ cho mối quan hệ lâu dài trong thế kỷ 21. Thứ hai, tôi mong muốn Tổng thống Bush tuyên bố ủng hộ Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Thứ ba là thiết lập quan hệ thương mại bình thường vĩnh viễn (điều kiện tiên quyết để gia nhập WTO). Thứ tư là công nhận Việt Nam có nền kinh tế thị trường với việc dỡ bỏ đạo luật bổ sung Jackson-Vanik (bác bỏ quy chế tối huệ quốc với những nước không cho phép di cư tự do). Thứ năm là giải quyết những vấn đề còn tồn tại từ chiến tranh. Chúng tôi muốn Mỹ có những hình thức trợ giúp thích hợp để xóa bom mìn và giúp các nạn nhân chất độc da cam. Đó là những vấn đề nhân đạo với Việt Nam.*”

Như vậy, ngoài mục tiêu “chung chung”, trọng tâm của chuyến đi này là thương mại và kinh tế. Phái đoàn có hơn trăm doanh nhân tháp tùng (mà báo chí Việt Nam cho biết ông Khải đã đích thân chọn lọc rất kỹ!) (1).

(xem tiếp trang 8)

Mục lục

- 2 Bạn đọc và Diễn Đàn
- 3 Giới thiệu sách

Thời sự, những vấn đề

- 1 Thủ tướng VN thăm Mỹ Tiểu Hằng Ngôn
- 4 Tin tức – thời sự
- 10 Châu Âu năm zêrô Nguyễn Quang
- 12 Thư gửi ông Nguyễn Khoa Điềm Võ Văn Kiệt
- 14 Chất da cam : v/đ bồi thường Nguyễn Văn Tuấn

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

- 17 Xem phim Thời Xa Vắng Kiến Văn
- 18 Chùm đoàn văn Tuồng Anh
- 20 Tuổi của chó Nguyễn Nguyên Phước
- 22 Về văn hoá, văn nghệ
và giáo dục Việt Nam Lê Thành Khôi
- 25 Thời sơ sử Hàn Thuý
- 28 Về thực chất chiến tranh VN Lữ Phương

TƯỜNG VIỆT NAM ở AVIGNON

Sau khi trình diễn ở Pau (ngày 1 và 2.7), Đoàn Tường Trung ương sẽ tham gia Liên hoan Sân khấu ở Avignon. Khi số báo này lên khuôn, chúng tôi rất tiếc chưa được thông báo chương trình cụ thể.

MÙA LEN TRÁU

Cuốn phim của đạo diễn **Nguyễn Võ Nghiêm Minh** (giải thưởng ở các liên hoan Locarno, Chicago, Amiens, Manaus) đang được chiếu tại nhiều rạp ở Pháp bắt đầu từ ngày 23.3.2005. Xin vào mạng allocine.com để xem thêm chi tiết. Đồng thời **The Buffalo Boy** đang được trình chiếu ở miền Đông Bắc Hoa Kỳ.

Triển lãm tác phẩm của ĐÀO DROSTE

Triển lãm thường trực các tác phẩm hội họa, điêu khắc, bố trí tại xưởng làm việc của tác giả :

Atelier & Galerie Dao

Eppelheim (Đức)

wasserturmstr. 56, letztes haus rechts

Liên lạc trước qua số điện thoại +49 6221 765138, hay thư điện tử về địa chỉ : dao.droste@t-online.de

www.daodroste.de

Lịch trình tấu của NGUYỄN LÊ

Tháng 7 : 9 Torino, với Furio di Castri bigband, 11 > 12 Sunside, Paris, ELB với Peter Erskine, Michel Benita, 15 Guadeloupe festival / Hendrix, 18 > 23 Salzburg Workshop với Peter Herbert, Jim Black, G. Garzone..., 27 và 28 Palermo, với Maria Pia de Vito band, 30 Roma, La Palma, cùng chương trình / **Tháng 8** : 14 Middleheim, với Buzzpuck Geoffroy de Measure, Linley Marthe, Stéphane Galland, 17 > 20 Porto, trio (?), 21 Frankfurt, Hendrix, 30 Korea Hendrix / **Tháng 9** : 1>10 Hàn Quốc và Hồng Kông.

CD mới phát hành : **Walking On The Tiger's Tail** (ACT Music 9432-2) với **Nguyễn Lê Quartet** : Nguyễn Lê, Art Lande, Paul McCandless, Jamey Haddad.

Xem tin sinh hoạt cập nhật thường xuyên trên mạng :

www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Hữu Dũng, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuần Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Văn

Bạn đọc & Diễn Đàn

Về Việt Nam nghỉ hưu ?

Tôi là độc giả trung thành của Diễn Đàn, viết thư này cho Ban biên tập cầu mong trong những số sau này Diễn Đàn đăng những chi tiết về hồ sơ hồi hương để giúp đỡ cho Việt kiều ở Pháp sau khi nghỉ hưu muốn được về sinh sống ở Việt Nam. Xin quý báo cho độc giả biết :

* các thủ tục phải làm tại Pháp trước khi hồi hương

* các thủ tục phải làm sau khi hồi hương

* vấn đề thuế má nên trả nước nào

* nếu có tiền đầu tư ở Việt Nam bằng cách nào để bảo đảm sự an toàn : nên mua tín dụng hay gửi ngân hàng để được lãi hàng tháng, hàng năm.

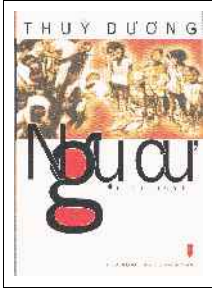
Chúng ta còn nhiều điều kỳ quặc chẳng hạn giá cho Việt kiều đắt hơn cho người trong nước. Tôi muốn biết ở Việt Nam, Nhà nước có tạo điều kiện dễ dãi cho Việt kiều hồi hương hay không. Chẳng hạn ở Pháp có : P.E.L., Caisse d'épargne, P.E.A.

Một độc giả kí tên không rõ (Paris, Pháp)

►► Xin thú thực là trước mắt, chúng tôi không có khả năng đáp ứng nhu cầu chính đáng này của bạn đọc. Một phần vì tuy trong ban biên tập, tỉ số người về hưu ngày càng lên cao, anh chị em chúng tôi chưa quan tâm tới việc này. Hai là vì tuy đã có không ít kiều bào hồi hương ở tuổi nghỉ hưu, nhưng luật lệ và chính sách của Nhà nước Việt Nam chưa có gì mấy và chưa ổn định về vấn đề này. Tuy nhiên, rõ ràng việc kiều bào có hưu bổng về nước sinh sống là một điều "ích quốc lợi nhà" về nhiều mặt. Hi vọng rằng Nhà nước Việt Nam sớm có những quy định thích hợp, vừa để tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào an tâm, vừa thu hút được một nguồn ngoại tệ đáng kể. Riêng về sự chênh lệch giá cả giữa người trong nước và kiều bào về thăm nhà (giá máy bay, xe lửa, phòng khách sạn, vé tham quan du lịch...), từ năm 2002 trở đi, đã quy định một giá và quy định này nói chung đã được tôn trọng ở các nơi.

Nhân đây, cũng xin nói tới một vấn đề độc lập với việc hồi hương song cũng liên quan tới nó : vấn đề quốc tịch. Luật quốc tịch của Việt Nam khẳng định ngay từ đầu là Nhà nước Việt Nam chỉ thừa nhận một quốc tịch. Nhưng thực ra, vậy mà không hẳn vậy. Bộ luật này cũng định rõ một người Việt Nam chỉ mất quốc tịch trong 2 trường hợp : 1/ người đó xin từ bỏ quốc tịch và đơn xin được chủ tịch nước chấp nhận, 2/ người đó làm điều gì phương hại đến tổ quốc và bị chủ tịch nước truất tịch. Trường hợp 1 chỉ xảy ra với kiều bào ở một vài nước như Đức đòi hỏi phải từ bỏ quốc tịch gốc khi xin nhập tịch Đức. Ở Pháp không như vậy, nên theo đúng luật quốc tịch Việt Nam, hầu hết người Việt Nam ở Pháp đã vào quốc tịch Pháp vẫn có quốc tịch Việt Nam. Trên thực tế, đại sứ quán Việt Nam tại Pháp và ở một số nước đã cấp hộ chiếu Việt Nam cho một số kiều bào đã nhập tịch nước sở tại. Và những bà con ấy có thể sử dụng hai hộ chiếu để đi lại Việt Nam, tránh những phiền hà về thủ tục xin chiếu khán (visa). Nhưng vì pháp luật chưa phân minh, việc thừa nhận quốc tịch và cấp hộ chiếu Việt Nam vẫn làm một cách tùy hứng nếu không nói là tùy tiện.

Giới thiệu sách mới



Thùy Dương

Ngũ Cư, tiểu thuyết

Nhà xuất bản Hội nhà văn - 2005

240 trang

Truyện viết về một cõi nhân gian nhỏ nhỏ, gồm mười gia đình sống trong một ngõ hẻm ở ven đô. Như ở trong một xóm nhỏ, đi ra đi vào là gặp nhau,

những người hàng xóm ấy dễ quen biết nhau. Điều khiến cho họ càng dễ gần nhau hơn, là cái góc gác nông thôn của hầu hết cả mọi người. Song cũng vì thế, mà họ sống trong một sự nuối tiếc thường trực, với những kỷ niệm luôn luôn ám ảnh họ về cái đời sống trước kia ở nông thôn. Sống gần như ngoài lề đời sống đô thị, song điều đó, đối với họ dường như không quan trọng lắm. Họ tự coi mình là những người *ngũ cư* - đối với họ, ở đâu cũng là *ngũ cư* cả thôi. Điều quan trọng, là những lo toan trước mắt, là đời sống hàng ngày, là tình người đối xử với nhau.

Ngũ Cư là một bức tranh sinh động thể hiện khá chân thực một mảng nhân gian « nửa tỉnh, nửa quê », trong cái xã hội Việt Nam những năm 2000 này. Đọc **Ngũ Cư**, người ta còn có dịp được nghe kể lại những mối tình cao đẹp, hiem thấy ở thời buổi nay. Thùy Dương là một tác giả có nhiều nhận xét tinh tế về tâm lý người phụ nữ, văn phong của bà (?) sáng sủa, giản dị, cách kể chuyện vui và hấp dẫn.

Văn Ngọc

Nguyễn Trọng Oánh

Mây cuối chân trời

NXB Quân đội nhân dân - Tái bản lần thứ nhất - Hà Nội 2004

Giải thưởng Hội Nhà Văn Việt Nam 2001

Sài Gòn, ngay từ những thời điểm 1940, 1954-55 và những năm trước 1975 khi đang chiến tranh, đã xuất hiện một số "làng nghề"

của những người dân, do nhiều hoàn cảnh, do thời cuộc đưa đẩy, phải bỏ xứ ra đi. Họ đến từ khắp mọi vùng đất nước: Bắc, Trung, Nam. Trong số đó, đặc trưng nhất có thể kể :

(xem tiếp trang 24)



Dã thự Cam Tuyền (Manoir d'Aubonne), trung tâm văn-hoá và nghỉ-mát của Hội Cam Tuyền ở cạnh Deauville Trouville vẫn liên-tục tiếp đón quý-vị. Chi tiết và giá cả có đề trên trạm :

<http://perso.wanadoo.fr/aubonne.hoangxuanhan>

email: aubonnehoangxuanhan@wanadoo.fr

Liên lạc trực tiếp : Ông Nghiêm Xuân Hải,

38 rue de Lozère 91400 Orsay,

điện thoại: 01 60 10 42 25, di động: 06 03 99 12 38

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

.....

.....

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4 416 14 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE, số ngân hàng và tài khoản : 15 1050 1285 1000 0022 5595 5185.

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org



Thi cử, phao và...

(Thi) ném phao tại Quốc học Huế, đẹp và cổ kính... ?

Kết thúc ba ngày thi tốt nghiệp THPT và bổ túc trung học phổ thông (THPT), bộ GD&ĐT thờ phào nhẹ nhõm vì “ kỳ thi đã kết thúc an toàn, nghiêm túc, không có sự cố nào xảy ra ”.

Sau khi đưa tin về lời đánh giá này của bộ giáo dục, báo Tuổi Trẻ ngày 10.6.2005 đặt câu hỏi :

« Những lộn xộn, bất nháo ở một số hội đồng thi (HĐT), sự có mặt của “ phao ” ở khắp nơi, đề thi lọt ra ngoài chỉ sau khi bóc đề 10 phút ... chưa phải “ sự cố ” đáng để phải phản ánh vào trong báo cáo ? ».

Tuổi Trẻ không phải là tờ báo duy nhất đưa tin về hiện tượng « phao » này. Các báo VnExpress, Lao Động, Sài Gòn giải phóng... đều có bài, phóng sự về hiện tượng « phao thi rải trắng sân trường » (do thí sinh bỏ lại sau mỗi buổi thi). Nặng nhất có lẽ là ở hội đồng thi tỉnh Hà Tây, nơi nhiều nhà báo chứng kiến và chụp hình người ta ngang nhiên leo tường ném phao vào phòng thi cho thí sinh, nhưng sự việc xảy ra ở khắp các hội đồng thi, từ thành thị tới thôn quê cả nước : Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế, Nghệ An, Sóc Trăng v.v. Chỉ cần 10 phút tới nửa tiếng sau giờ bắt đầu là đề thi đã được tuôn ra ngoài để được « hỗ trợ », và bài giải được chép rất mau hăn là từ sách những bài mẫu, và đưa đi sao chụp rồi « bán » trở lại phòng thi (người thân ở ngoài trả tiền). Đây là một đoạn ghi chép của phóng viên Tuổi Trẻ ngày 8.6 tại hội đồng thi trường Phùng Khắc Khoan, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây : « Chỉ vài phút sau khi có bài giải, không khí xung quanh trường thi đúng là một cái chợ nhộn nhịp quá sức tưởng tượng : cả trăm người chạy qua chạy lại hò hét âm ỉ và hào hứng. Thanh niên, trẻ em thi nhau trèo tường huỳnh huých nhảy vào trong trường thi. Phụ nữ, người có tuổi thì thuê thang tập nập trèo lên... Thậm chí có cả người trèo rào chạy tới tận cửa sổ phòng thi để ném bài. Còn những phòng thi gần tường rào thì khỏi phải nói, thí sinh hầu như chẳng có ai làm bài mà thi nhau hướng ra cửa sổ để nhặt “phao” từ bên ngoài ném vào rồi chỉ việc chép... ».

Đó tất nhiên chưa kể tới phao được thí sinh giấu sẵn trong người, làm lấy hay mua ngoài « chợ phao » dưới những hình thức ngày càng tinh vi. Ở Hà Nội, dù bộ GD-ĐT đứng ra phối hợp với công an cử người đứng túc trực quanh các chợ “phao”, yêu cầu các cửa tiệm photocopy ký cam kết không in ấn, mua bán “phao”...nhưng “phao” vẫn tồn tại, có những hình thức tiêu thụ mới, kể cả giao hàng

tại nhà, sản xuất “phao” giao liên tinh với khối lượng hàng trăm kg. Riêng ở hai phường Bách Khoa và Đồng Tâm (Hà Nội), trước ngày thi công an đột kích vào các cửa hàng photocopy, đã thu giữ được 800 kg phao...

So với những phóng sự, thông tin nói trên, con số « cả nước phát hiện được 22 trường hợp phạm trường quy » (Thanh Niên 9.6) cho thấy giá trị của những con số thống kê của bộ GD cao tới mức nào ! Điều dễ hiểu : các báo cáo đó dựa trên báo cáo của các hội đồng thi, trong đó những vụ việc mà báo chí phản ánh thường không được nêu ra, như chính ông Trần Văn Nghĩa, phó trưởng ban chỉ đạo kỳ thi THPT năm 2005, thừa nhận khi trả lời báo Sài Gòn giải phóng ngày 7.6. Về phần mình, bộ trưởng Nguyễn Minh Hiền, trong ngày trả lời chất vấn trước quốc hội (9.6), sau khi « nhận thiếu sót là chưa có giải pháp chặn đứng nạn dùng phao », cũng nhấn mạnh hơn vào khía cạnh « đã có nhiều tiến bộ » trong kỳ thi năm nay. Ông thông báo, « Theo đánh giá của nhiều thầy, cô cách ra đề thi đã vô hiệu hoá việc dùng phao, giám thị cũng nghiêm khắc hơn. Nhiều học sinh đem phao nhưng không sử dụng được nên vứt ở cổng trường ». Còn bản thân hiện tượng thí sinh quay cốp hay tìm cách quay cốp ở mức phổ biến đến thế, với kết quả trông thấy được là « những thí sinh hôm nay khi trở thành những công dân và chủ nhân tương lai, lấy sự gian lận làm lẽ sống thực dụng », như nhà sử học Dương Trung Quốc nêu lên (báo Thanh Niên 9.6), hình như chẳng đáng làm ông bận tâm cho lắm. « Sống chung với phao », một triết lý mới (mượn ý từ tiêu tựa một bài báo Tuổi Trẻ 10.6) ?

Đúng là không thể nói rằng các giám thị coi thi đều rất « thoáng ». Báo chí phản ánh không ít trường hợp giám thị cố gắng nghiêm minh, ngăn chặn các gian lận, đã bị thí sinh và phụ huynh họ hăm dọa, thậm chí hành hung. Nghiêm trọng nhất là chuyện xảy ra ở huyện K’Bang, Gia Lai. Sau khi kết thúc buổi thi môn toán, có một thí sinh đã đuổi theo tát một giám thị, trên đường ra khỏi khu vực thi. Sự việc đã kịp thời bị ngăn chặn nhưng đến buổi chiều 8-6, thêm sáu giám thị tiếp tục bị hành hung, trong đó có hai giám thị là nữ bị đánh ngất xỉu. Khi đoàn cán bộ coi thi hơn 40 người rời khỏi huyện K’Bang về Pleiku còn bị một nhóm thanh niên quá khích đuổi theo, dùng gậy gỗ, thanh sắt đánh tui bụi, nhiều người bị thương. Cả đoàn phải vào trụ sở xã Tú An trú ẩn, thuê xe chở về chứ không dám đi xe máy tiếp...

Trong những điều kiện thi cử như thế, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã xin phép bộ giáo dục cho phép tinh tổ chức thi đợt 2 kỳ thi tốt nghiệp trung học cơ sở, vì lý do kết quả quá thấp (64,15 % đỗ, so với « bình thường » là ngót nghét 100 %). Về phía bộ, đơn xin thi thêm của Khánh Hoà đã không được chấp nhận. Và dù hai tỉnh khác (Cần Thơ và Cà Mau) đã lên tiếng chấp nhận kết quả kỳ thi dù cũng không hơn Khánh Hoà bao nhiêu (tỉ lệ đỗ : 65,7 % và 64,22 %), chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hoà vẫn yêu cầu ban giám đốc sở GD-ĐT « kiểm điểm » vì tỉ lệ thấp này. Sự vụ ra sao, xin chờ hồi sau phân giải.

(H.V. soạn theo tin các báo từ 6 đến 25.6.2005)

Tham nhũng : « càng chống càng tăng ! »

Trong kỳ họp quốc hội tháng 6 vừa qua, chính phủ đã trình dự thảo luật « phòng chống tham nhũng » cho các đại biểu xem xét. Được soạn thảo gấp rút cho kịp tiến trình gia nhập Tổ chức thương mại thế giới, văn bản này đã phải đối diện với thực tế của tham nhũng, sau 7 năm thực thi pháp lệnh « phòng chống tham nhũng », là : « càng chống thì tham nhũng càng tăng » - theo lời của đại biểu Chu Quang Hoa. Nguyên tổng bí thư Đảng cộng sản, ông Lê Khả Phiêu, cũng phải xác nhận thực trạng tham nhũng đó : « Đúng vậy, nếu cứ làm như hiện nay thì càng chống, càng tăng ». Cuộc thảo luận ở quốc hội đã cho thấy chỉ ít hai vấn đề quan trọng.

Thành lập ban chỉ đạo hay cơ quan chuyên trách chống tham nhũng ? Dự luật chủ trương thành lập một « ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng » ở cấp trung ương (thủ tướng làm trưởng ban) và ở các tỉnh, thành (chủ tịch uỷ ban nhân dân làm trưởng ban), gồm lãnh đạo các cơ quan của nhà nước (công an, nội vụ, tài chính, thanh tra, kiểm sát, toà án) và của đảng (nội chính, kiểm tra, Mặt trận). Ý kiến này bị phản bác của các đại biểu quốc hội phản bác, bởi vì điều mà hoạt động chống tham nhũng cần đến là một ban chỉ đạo ra được quyết định trong những vụ án cụ thể, « chứ không phải một ban kiểu sáu tháng hay một năm thì ngồi lại với nhau để nghe tổng hợp tình hình, rồi ra kết luận hoặc đưa ra một số chủ trương mang tính chiến lược... » (Nguyễn Hoà Bình). Một đại biểu khác, ông Vũ Thanh Lịch, đặt vấn đề thẳng thừng hơn : thành viên trong ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng là người có chức có quyền, vậy thì hoạt động của thành viên trong ban này liệu có khách quan không ? ».

Nguyên bộ trưởng tư pháp Nguyễn Đình Lộc nêu mâu thuẫn lớn trong chủ trương chống tham nhũng của đảng CS khi nó giao trách nhiệm chống tham nhũng cho các thủ trưởng cơ quan, « mà một thủ trưởng đứng lên chống tiêu cực trong cơ quan mình cũng có nghĩa là chống lại mình ».

Nhiều đại biểu khác nhắc lại rằng trước đây đã từng có ban chỉ đạo chống tham nhũng do thủ tướng đứng đầu, song nó đã phải giải thể do không có hiệu quả. Họ đề nghị lập một uỷ ban « chuyên trách », tương đối « độc lập » với chính phủ và trực thuộc quốc hội, được giao nhiệm vụ đặc biệt và quyền hạn nhất định trên các ngành hữu quan để chỉ đạo hoạt động chống tham nhũng trong phạm vi cả nước (Nguyễn Đức Dũng).

Ông Lộc đặt lại : với việc hình thành cơ quan chuyên trách chống tham nhũng thì chính « cán bộ chuyên trách chống tham nhũng lại đi tham nhũng : vì biết nơi nào có tiêu cực anh ta nhẩy vào, không để chống tiêu cực mà để 'làm ăn' ! ».

Vấn đề thứ hai được các đại biểu QH nêu ra là **Công**

khai, minh bạch đến đâu ? Dự luật qui định những « văn bản phải được công khai » bao gồm báo cáo giám sát, thanh tra và kiểm toán, quyết định xử lý khiếu nại, tố cáo và bản án. Dự luật cũng chủ trương công khai, minh bạch trong « mua sắm công và xây dựng cơ bản », trong « quản lý công ty nhà nước », trong « quản lý và sử dụng đất », trong « công tác cán bộ ». Theo nhiều đại biểu, những quy định này còn khá « chung chung » : công khai như thế nào thì chưa « rõ ràng », công khai đến người nào thì cũng chưa « cụ thể » (Nguyễn Mạnh). Ngoài ra, các qui định về công khai, minh bạch không đề cập đến việc sử dụng ngân sách và phân bổ dự án đầu tư, không nói đến các dự án có tài trợ của nước ngoài, các dự án nghiên cứu khoa học... Riêng việc kê khai tài sản của công chức chỉ có công khai hoá ở nơi làm việc chứ không được thực hiện ở nơi cư trú. Thực tế còn cho thấy các quy định về bí mật thông tin của các cơ quan và tổ chức thuộc khu vực nhà nước đang là cơ hội để những người có chức quyền thực hiện các hành vi tham nhũng.

Đại biểu Nguyễn Ngọc Trân mô tả hệ thống tham nhũng như sau : « Cơ quan, tổ chức nào cũng đều có đảng bộ, chi bộ, có công đoàn, thanh niên..., nhưng thực tế ít có tiêu cực nào được phát hiện từ chỗ này. Sở dĩ như vậy là người ta có 'ăn' một mình đâu, mà 'ăn' tập thể, tham nhũng được chia thành 'nồi com chung' và không ai muốn đụng đến nồi com này cả ».

Hiển nhiên, mâu thuẫn mà ông Nguyễn Đình Lộc nêu trên cũng vẫn gặp ở đây, khi cơ chế quyền lực vẫn là độc tôn, không cho phép bất cứ sự giám sát độc lập nào. Cũng dễ hiểu là suy nghĩ « bình thường » ấy không được các đại biểu QH nêu ra. Song dù sao, tình hình VN đã có những thay đổi quan trọng so với chỉ vài năm trước đây. Điều các đại biểu QH tránh né đã được luật gia Phạm Duy Nghĩa, chủ nhiệm bộ môn luật kinh tế ở trường Đại học quốc gia Hà Nội, nói thẳng ra trong một cuộc trao đổi với báo Tuổi Trẻ chủ nhật (18.6.2005) :

“ Tham nhũng thường bắt đầu từ cái gốc là quyền lực. Một người có thể tham nhũng vì anh ta có quyền. Vì vậy, chống tham nhũng là phải tạo được một cơ chế không chế quyền lực. Bất cứ cơ quan nào, dù là Đảng hay chính quyền, cũng phải có một cơ quan khác giám sát, ví dụ như Chính phủ có quyền tiêu tiền, nhưng Quốc hội có quyền đàn hạch (...) ”.

Trả lời câu hỏi của nhà báo về tính hợp lý của một ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng do thủ tướng làm trưởng ban, ông Nghĩa nhấn mạnh lại :

“ Việt Nam chưa quen có một cơ quan độc lập trong hệ thống hành pháp. Nhiều nước cũng đặt cơ quan chống tham nhũng thuộc chính phủ, nhưng các đảng phái sẽ giám sát nhau. Ở Việt Nam nếu tham nhũng liên quan đến một ông phó thủ tướng hoặc con ông thủ tướng thì uỷ ban chống tham nhũng vốn chịu sự bổ nhiệm của Chính phủ sẽ rất khó làm được việc ”.

Nhận định rằng “ Dự thảo luật đã được làm như chạy đua để kịp tiến độ gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới ”, và “ chống tham nhũng không còn là việc riêng của VN mà còn là mối quan tâm của nhiều nhà tài trợ nước ngoài, vì tiền họ bỏ vào Việt Nam là tiền đóng thuế của người dân nước họ ”, ông đánh giá :

“ Dự thảo luật là một bước tiến. Nhưng triết lý và nội dung còn nhiều điểm chưa ổn. Và tôi không tin luật này có thể đem lại sự thay đổi lớn lao.

“ Tham nhũng ở ta có đặc thù rất phức tạp. Chừng nào nhiệm kỳ của tòa án vẫn bốn năm bổ nhiệm một lần, phụ thuộc vào sự giới thiệu và điều hành của Chính phủ thì tôi không tin sẽ có một ông thẩm phán tự thân dám gửi trát đòi một ông phó thủ tướng ra tòa. Vấn đề nằm ở chỗ ấy chứ không chỉ là kê khai tài sản, tăng hình phạt... Những hình thức trên chỉ là phụ, ở VN chống tham nhũng phải chống bằng thể chế mới có thể thành công ”.

Dự luật phòng chống tham nhũng sẽ được công bố để lấy « ý kiến của dân », chỉnh lí lại và dự kiến sẽ được thông qua tại kì họp quốc hội cuối năm 2005.

[Theo Tuổi Trẻ 19 và 22.5 ; 1 tới 14.6, TTCN 18.6.2005]

Người có chức vụ tham nhũng ngày càng cao

VnExpress ngày 8.6.2005 tường thuật hội nghị tổng kết thực hiện công tác đấu tranh chống tham nhũng, nhấn mạnh trước kia chủ thể của các vụ tham nhũng thường là những người có chức vụ trong các cơ quan quản lý kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, nhưng từ 1993 đến nay, nhiều người tham nhũng khi đang giữ chức vụ rất cao trong cơ quan quản lý nhà nước.

Đã có 1 bộ trưởng, 5 thứ trưởng, 14 chủ tịch và phó chủ tịch tỉnh cùng hàng trăm vụ trưởng, tổng giám đốc... đã bị xử lý hình sự. Hàng trăm cán bộ trung, cao cấp liên quan tham nhũng, buôn lậu đã bị xử lý hành chính.

Trong hội nghị, báo cáo của bộ Công an cho thấy, thiệt hại về vật chất do các vụ tham nhũng gây ra tăng dần.

Những năm 1993-2004, cảnh sát kinh tế điều tra gần 177 000 vụ tội phạm và vi phạm về kinh tế. Trong đó gần 10 000 vụ tham nhũng, gây thiệt hại hơn 7 500 tỷ đồng. Năm 1993 là gần 320 tỷ đồng, năm 2004 tăng hơn gấp đôi, 712 tỷ đồng. Những năm 1990, thiệt hại trung bình 1 vụ khoảng 0,71 tỷ đồng. Nhưng 10 năm sau con số thiệt hại này là 0,81 tỷ.

Theo báo cáo, tham nhũng xảy ra phổ biến trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản. Phần lớn các công trình đều xảy ra thất thoát 10-20 % tài sản do tham ô, cố ý làm trái. Nhiều công trình trọng điểm như đường liên cảng A5, một số hạng mục phục vụ SEA Games 22. v.v. chưa nghiệm thu đã hư hỏng, xuống cấp.

Tham nhũng cũng xảy ra nhiều trong lĩnh vực tài chính, tại các ngân hàng thương mại qua việc cho vay trái nguyên tắc, vượt quá khả năng thanh toán của doanh nghiệp... Trong 4 năm thực hiện luật giá trị gia tăng, hơn 140 vụ cán bộ hải quan lập chứng từ khống giúp doanh nghiệp trốn thuế đã bị khám phá, tổn thất ước tính trên 400 tỉ đồng.

Về hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, bản báo cáo chỉ rõ dấu hiệu tham nhũng qua hiện tượng nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn thua lỗ nhưng giám đốc lại giàu lên nhanh chóng ! Định giá bất hợp lý trong mua bán cổ phần, vi phạm quy chế đấu thầu, nhập thiết bị cũ, lạc hậu dẫn đến nợ quá hạn không có khả năng chi trả... là những

thủ đoạn thường gặp. Ngoài ra, báo cáo cũng nói tới tình trạng tham nhũng ở nông thôn, trong đó nổi lên là tình trạng vi phạm các quy định về quản lý đất đai ; tham nhũng trong hoạt động tư pháp...

Hộ khẩu : những quy định vi phạm luật

Trả lời chất vấn ở QH ngày 11.6, bộ trưởng bộ Công an Lê Hồng Anh đã khẳng định “ bất kỳ nhà nước nào cũng đều thực hiện việc đăng ký, quản lý hộ khẩu dưới hình thức này hoặc hình thức khác ”, trong tình hình hiện nay của VN càng không thể bỏ vấn đề này.

Tuy nhiên, trước than phiền đăng ký hộ khẩu rất phiền hà, nhất là qui định “ phải có nhà hợp pháp, có việc làm ổn định mới được đăng ký hộ khẩu ”, ông Lê Hồng Anh đã cho biết ngoài nhà ở và các điều kiện đăng ký hộ khẩu quy định tại nghị định 51, “ không có quy định nào về người có việc làm ổn định mới được đăng ký hộ khẩu ”. Những quy định như có hộ khẩu mới được khai sinh, đi học, mua nhà, lắp điện thoại..., gây khó khăn, sách nhiễu đối với nhân dân, cũng được bộ trưởng xác nhận là không đúng.

Ông cũng cho biết trong dự thảo sửa đổi nghị định 51, dự kiến sẽ mở rộng đối tượng được đăng ký hộ khẩu vào thành phố, thị xã. Theo đó, người lao động chỉ cần có hợp đồng lao động (thay vì đòi hỏi biên chế như hiện hành) để được đăng ký hộ khẩu vào thành phố...

Về phần mình, bộ trưởng Mai Ái Trục (bộ Tài nguyên và Môi trường) khẳng định Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành “ không có điều khoản nào quy định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thường gọi tắt là sổ đỏ) phải có hộ khẩu ”.

Việc ở nơi nào đó đòi hỏi thêm thủ tục về hộ khẩu, ông Trục khẳng định “ đó là hành vi vi phạm pháp luật về đất đai, cần được chấn chỉnh và xử lý nghiêm túc ”.

Nhà văn Dương Thu Hương sang Ý nhận giải thưởng văn học Grinzane Cavour

Sau 10 năm bị tịch thu hộ chiếu, cấm cản không được đi ra nước ngoài, nhà văn Dương Thu Hương đã được xuất ngoại trở lại, ngày 16.6 vừa qua. Trước sức ép của dư luận Ý, nhà cầm quyền VN đã phải đầu dụ, chịu trả lại hộ chiếu cho chị và để chị đi sang Ý nhận giải thưởng Grinzane Cavour, một trong những giải văn chương hàng đầu của Ý. Giải này do thành phố Castello di Grinzane (gần Torino) trao, qua đề xuất của một ban giám khảo quốc tế, gồm nhiều nhà văn nổi tiếng thế giới. Ba nhà văn Ý và 3 nhà văn nước ngoài được trao giải mỗi năm (4000 euro mỗi người). Trong số này, một ban giám khảo học sinh lại bình bầu ra hai người giải nhất, một Ý và một ngoại quốc (thêm 1000 euro mỗi người). Về phía các nhà văn quốc tế, nhà văn nữ người Tây Ban Nha Rosa Montero đã đoạt giải, với 126 phiếu, hơn Dương Thu Hương 4 phiếu.

Ngày 20.6, Dương Thu Hương gặp bạn bè Ý và VN tại Trung tâm văn hoá VN của nhà văn Sandra Scagliotti. Trên đường về nước, bà đã ghé thăm nước Pháp.

Dung Quất : chậm 7 năm, lãng phí bao nhiêu ?

Khi thảo luận về dự luật *Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* thay cho pháp lệnh cùng tên, nhiều đại biểu QH đã nêu lên tình trạng « càng chống càng tăng » của tệ nạn này (y chang như tham nhũng !), và nhấn mạnh lãng phí gây hiệu quả nghiêm trọng còn hơn tham nhũng. Tuy nhiên, người ta chưa biết các tác giả của dự luật sẽ tiếp thu ra sao ý kiến của đại biểu Hồ Thị Tuyết Vân (Quảng Nam) về việc bổ sung vào điều 1 của Luật yêu cầu *chống lãng phí về thời gian*. Quan trọng, dĩ nhiên, song khó đo lường. Nhà máy lọc dầu Dung Quất là một ví dụ.

Sau gần tháng rưỡi họp tại hội trường, kỳ họp Quốc hội thứ 7 khoá XI đã kết thúc sáng ngày 14.6 bằng việc thông qua nghị quyết tập trung chỉ đạo xây dựng nhà máy số 1 lọc dầu Dung Quất và phê chuẩn ngân sách năm 2003 với hơn 29 nghìn tỷ đồng bội chi.

Thảo luận về nội dung nghị quyết, có ý kiến đại biểu đề nghị nên bỏ hai từ Quốc hội, trong cụm từ “ *khuyết điểm lớn của Chính phủ và Quốc hội* ”. Tuy nhiên, Ủy ban thường vụ Quốc hội vẫn đề nghị thông qua Nghị quyết với nội dung : *Việc chưa tập chung chỉ đạo triển khai xây dựng nhà máy để dự án chậm nhiều năm làm giảm hiệu quả đầu tư ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân là khuyết điểm lớn của Chính phủ và Quốc hội, cần rút kinh nghiệm ở các công trình khác*. Nghị quyết đề rõ thời hạn cuối năm 2008, đầu năm 2009 nhà máy phải hoàn thành, và phân công thêm một số cơ quan khác giám sát dự án. Nếu đúng tiến độ này và không phát sinh thêm gì thì thời gian hoàn thành dự án đã bị chậm 7 năm.

Bây năm chậm trễ ấy tính thế nào cho đủ những mất mát, thiệt hại, những dự án kèm theo không được thực hiện... (không kể các thiệt hại do tiêu cực, tham nhũng, mà phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thay mặt Chính phủ đã khẳng định sẽ kiên quyết xử lý, « *không bao che, dung túng cho bất cứ hành vi, vụ việc tham nhũng nào* »).

Trong cuộc thảo luận, trả lời thắc mắc của các ĐB về tổng vốn đầu tư vào dự án là bao nhiêu, bộ trưởng Công nghiệp Hoàng Trung Hải cho biết tổng số vốn đầu tư là 2,5 tỷ USD do Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam thu xếp và vay thêm ở các ngân hàng trong và ngoài nước. Như vậy, so với tổng mức đầu tư của dự án ban đầu là 1,5 tỷ USD, đã phải chi thêm 1 tỉ đô la, do những thay đổi giá cả trên thị trường, những điều chỉnh cần thiết vì phải điều tra, khảo sát thêm... Chưa kể, phần lớn các công trình phụ trợ của nhà máy như đường giao thông, điện nước, các trạm thông tin... đều đã hoàn thành nhưng phải “chờ” nhà máy, không những chưa phát huy được hiệu quả, mà nhiều khi còn tốn thêm. Một khía cạnh khác : nếu nhà máy hoạt động từ năm 2002 như dự án ban đầu đề ra, VN đã có thể giảm được việc nhập khẩu và giành được một khoản ngoại tệ đáng kể đầu tư vào các công trình khác...

Một số đại biểu cũng đặt lại chọn lựa địa điểm Dung Quất. Trong một thư gửi QH đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 11.6, cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt khẳng định « *Cho đến nay, nếu được xem xét lại, tôi vẫn chọn Dung Quất làm địa điểm xây dựng nhà máy lọc dầu như nhận định ban đầu, góp*

phần rất có ý nghĩa cho khu vực kinh tế miền Trung và cho cả nước trong quá trình đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế. Nếu bây giờ, trước những diễn biến của tình hình, Quốc hội phân tích và kết luận việc lựa chọn đó là sai thì người nhận lãnh hoàn toàn trách nhiệm đó phải chính là tôi, Võ Văn Kiệt, nguyên Thủ tướng Chính phủ »...

ĐB Nguyễn Việt Chúc (Hà Nội) cho rằng nguyên nhân thì đã rõ không cần phải bàn thêm, nhưng giờ tiếp tục triển khai, “ *liệu có lặp lại (sai phạm trước đây) hay không ?* ”

Bộ trưởng Hoàng Trung Hải đáp lại bằng thông tin bảo đảm sau 36 tháng sẽ vận hành cơ khí và chạy thử, sau 44 tháng (đến 2009) sẽ ra sản phẩm dầu. Theo ông Hải, bảo đảm này được nêu rõ trong hợp đồng ký với nhà thầu (ngày 17.5, giữa PetroVietnam và Tổ hợp nhà thầu TPC gồm các công ty Technip (Pháp), Technip Geoproduction (Malaysia), JGC (Nhật Bản) và Tecnicas Reunidas (Tây Ban Nha)). Tính từ năm 2009 thì “ *khả năng trả hết nợ ở dự án này là 11 năm và thời gian hoàn vốn đầu tư là 12 năm* ”. Theo ông Hải, hai phương án « *đấu thầu lại dự án* » và « *dừng dự án lại để chuyển địa điểm khác* » đều không khả thi.

Khánh thành hầm Hải Vân

Sáng 5.6, thủ tướng Phan Văn Khải, ông Norio Hattori, đại sứ đặc mệnh toàn quyền Nhật Bản tại Việt Nam, đã chính thức làm lễ thông xe hầm Hải Vân trên quốc lộ 1.

Tổng chiều dài hầm đường bộ là 15 km, trong đó hầm chính chạy xe dài 6,3 km, ngoài ra còn hầm cứu nạn chạy song song với hầm chính, hầm thông gió hầm lọc bụi tĩnh điện, 15 hầm ngang nối hầm chính và hầm cứu nạn. Từ quốc lộ 1 vào hầm Hải Vân phải qua 6 km đường và 7 cầu.

Tổng vốn đầu tư trên 150 triệu USD từ nguồn vay ngân hàng JBIC, Nhật Bản. Đây là công trình trọng điểm quốc gia, « *1 trong 30 đường hầm lớn, hiện đại nhất thế giới và là hầm đường bộ lớn nhất khu vực Đông Nam Á* », theo các báo trong nước. Công trình do liên danh các nhà thầu Hazama (Nhật Bản) - CIENCO6 (Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 6), liên danh Sông Đà (Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà) - Dong Ah (Hàn Quốc) thi công.

Ngày 20.8.2000, cũng chính thủ tướng Phan Văn Khải đã bấm nút phát lệnh khởi công công trình này. Sau hơn 1 700 ngày đêm đào núi, khoan hầm, ngày 7.11.2003 hầm Hải Vân đã được đào thông nhau, thông xe kỹ thuật. Từ đó đến nay, các hạng mục lắp đặt điện nước, thông gió, hệ thống thiết bị vận hành... được hoàn chỉnh.

Đường hầm Hải Vân rút ngắn quãng đường Huế – Đà Nẵng được 10 km, nhưng thời gian đáng kể hơn, so với việc đi qua đèo Hải Vân. Tuy nhiên, mới thông xe được 3 tuần đã có 4 vụ tai nạn giao thông tại đường dẫn vào hầm cửa nam, trong đó vụ hai xe khách đụng nhau ngày 25.6 đã làm cho một người chết (tài xế Võ Văn Chín) và 55 người bị thương. So với 5 vụ tai nạn xảy ra trên đường đèo trong hơn 5 tháng đầu năm theo cảnh sát giao thông là sự gia tăng đáng ngại. Nguyên nhân hầu hết các vụ tai nạn này là do các phương tiện phóng nhanh, vượt ẩu, chủ quan trước đường tốt.

Về chuyến đi Mỹ của thủ tướng Phan Văn Khải (tiếp theo trang 1)

Theo tôi thì lộ trình của ông Khải là khá tốt cho mục đích của ông. Đặt chân xuống Seattle (bang Washington) sáng chủ nhật 19/6, ông Khải khởi đầu cuộc viếng thăm nước Mỹ từ một bang nổi tiếng về công nghệ tân tiến (trụ sở Microsoft, xưởng ráp máy bay của Boeing, v.v), tự hào là ngưỡng cửa quay ra Châu Á Thái Bình Dương của nước Mỹ. (Ngoài ra, hai nông sản chính của bang này là táo và lúa mì mà châu Á là một thị trường đáng kể). Trong ngày đầu tiên, ông Khải đã đến thăm một gia đình Việt kiều. Hẳn đây là dụng tâm gọi một “thông điệp” (có phần lộ liễu !) đến người Việt ở nước ngoài, tức là nó không tái diễn khi ông Khải đến những thành phố khác (ít ra là theo các nguồn tin công cộng mà tôi được biết). Nhân dịp thăm Boeing, phái đoàn cũng công bố thỏa thuận mua bốn chiếc Boeing 787. Song có lẽ điều làm nhiều người “nhường mày” là bài phát biểu của ông Khải khi gặp Bill Gates. Nếu rảnh thì bạn nên đọc bài này (có đăng lại trên nhiều báo Việt Nam trên mạng), tôi không cần nói thêm ! Dù gì thì có thể xem hai ngày ở Seattle là cách ông Khải bấm gọi một “thông điệp” ngầm cho công luận : Việt Nam muốn phát triển, muốn công nghệ tân tiến.

Tối thứ hai 20/6 thì ông Khải đến thủ đô Washington D.C., và gặp ông Bush sáng thứ ba 21/6. Tôi đoán là bạn đã xem video về cuộc gặp này, có thể bạn cũng đã đọc thông cáo chung của Việt Nam và Mỹ sau cuộc họp. (Thông cáo này hẳn đã được thỏa thuận trước, nhiều chi tiết hơn những trao đổi giữa hai ông trước mặt báo chí.) Tôi chỉ xin ghi lại vài nhận xét trên các phương tiện truyền thông ở Mỹ.

Thứ nhất, ông Khải được Bush hứa là Mỹ sẽ ủng hộ mạnh mẽ Việt Nam gia nhập WTO, nhưng nên để ý là Bush không hứa là sẽ giúp Việt Nam *nhANH CHONG* gia nhập. Theo tờ *Wall Street Journal*, điều này đã làm nhiều quan chức Việt Nam hơi thất vọng. Cũng nên nhớ là một khi Việt Nam kết thúc đàm phán thương mại song phương với Mỹ thì cũng phải chờ quốc hội Mỹ phê chuẩn đạo luật cho hưởng quy chế Liên hệ Thương mại Bình thường Vĩnh viễn (Permanent Normal Trade Relations) trước khi đi xa hơn nữa. Theo luật Mỹ thì quy chế này là một điều kiện để Mỹ chính thức ủng hộ nước nào đó gia nhập WTO. Do đó, tuy được Bush hứa, việc Mỹ chính thức ủng hộ chưa chắc sẽ mát má xuôi chèo, nhất là với sự “khó tính” hơn của quốc hội Mỹ gần đây trong việc phê chuẩn các thỏa ước thương mại (Bush vẫn chưa thuyết phục được quốc hội thông qua Thỏa ước Tự do Mậu dịch Trung Mỹ - CAFTA). Hơn nữa, trong trường hợp Việt Nam, chắc chắn các thành phần bảo thủ Mỹ sẽ đem vấn đề tự do tôn giáo và nhân quyền ra truy vấn. Công nghiệp dệt may của Mỹ cũng rục rịch chống đối vì ngại sự cạnh tranh của Việt Nam.

Thứ hai, nhiều người ngạc nhiên là trong thông cáo chung, cũng như trong phát biểu ngắn sau khi gặp ông Khải, ông Bush chỉ nói một cách gián tiếp, và phớt qua, về vấn đề nhân quyền ở Việt Nam. Theo báo chí Mỹ, điều này làm đa số người Việt chống cộng ở Mỹ khá thất vọng. Họ cũng không vui vì Mỹ ủng

hộ Việt Nam gia nhập WTO và Bush nhận lời mời sang Việt Nam vào năm tới. Ngược lại, cũng không biết là ông Khải đã nói gì với Bush, hay không, về bồi thường cho nạn nhân chất độc màu da cam, hoặc chuyện tôm, chuyện cá ba sa.

Thứ ba, về vấn đề an ninh và quân sự thì có nhiều thỏa thuận tuy nhỏ nhưng nhiều ý nghĩa. Nổi bật là việc Việt Nam sẽ tham gia vào chương trình Giáo dục và Huấn luyện Quân sự Quốc tế (International Military Education and Training – IMET) của Lầu Năm Góc (theo đạo luật thành lập chương trình này, nó là dành cho “ học viên đến từ các nước đồng minh và thân thiện ” !), trao đổi tin tức tình báo trong chiến tranh chống khủng bố và tội phạm quốc tế. Như những tài liệu ngoại giao khác, tuyên bố chung của hai nước chắc chắn sẽ được vô số các nhà bình luận mổ xẻ để “giải mã”. Đã có vài phân tích cho rằng nhiều câu trong đó là nhằm “trấn an” phe “bảo thủ” ở Hà Nội, và Bắc Kinh. Đây là những chuyện ngoài tầm hiểu biết của tôi, chớ dám lạm bàn !

Sau hai ngày ở Washington D.C., phái đoàn ông Khải lên New York. Ở đây, ông tiếp tục gặp các giới tài chính Mỹ, rung chuông khai mạc sàn giao dịch chứng khoán ở Wall Street sáng 23/6 (lại gọi một “thông điệp ngầm” nữa). Sau đó ông lên Boston gặp hiệu trưởng Đại học Harvard và viện trưởng Viện Công nghệ Massachusetts (MIT). “Thông điệp” cuối cùng của chuyến đi : Việt Nam chú trọng đến giáo dục. Rồi cả phái đoàn rời Mỹ, bay sang Canada.

Có hai cách nhìn chuyến đi này của ông Khải. Thứ nhất, tất nhiên, là vị trí của nó trong tiến trình quan hệ song phương Việt Mỹ, nhất là từ khi liên hệ ngoại giao được bình thường hoá. Nhưng thứ hai, và có lẽ đáng chú ý hơn, là vị trí của nó trong loạt viếng Nhà Trắng gần đây của các lãnh tụ Đông và Nam Á : thủ tướng Nhật hai tháng trước, tổng thống Indonesia tháng rồi, và thủ tướng Ấn Độ tháng sau. Về quân sự, phải nhớ rằng vấn đề không phải là chỉ giữa Mỹ và Việt Nam, nhưng quan trọng là bối cảnh chiến lược của Mỹ ở châu Á (và rộng hơn là toàn cầu). Chẳng hạn, không phải tình cờ mà trong báo Mỹ gần đây có nhiều bài ca tụng Ấn Độ, cụ thể là về nền kinh tế của nước này (so với Trung Quốc).

Trở trêu là chuyến đi này của nhà lãnh đạo Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam hầu như hoàn toàn do các đại công ty Mỹ đỡ đầu. Vì ít thì giờ, hoặc ngại an ninh, hay lí do nào khác, ông Khải không có tiếp xúc nào với người Mỹ ngoài phố, cũng không trao đổi rộng rãi với Việt kiều, hay phát biểu cách bài bản trước các trí thức có ảnh hưởng đến chính sách của Mỹ. Nhưng có lẽ chúng ta kì vọng quá nhiều. Dù sao đây cũng là chuyến viếng Mỹ đầu tiên của một lãnh tụ một nước Việt Nam thống nhất, chắc chắn sẽ có nhiều viếng thăm qua lại nữa, trước mắt là Bush sang Việt Nam năm 2006. (Trong cuộc phỏng vấn dành cho CNN, ông Khải cho biết là ông không thấy là hợp thời để viếng Đài Tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam ở Washington lần này, ông sẽ dành nó cho lần viếng thăm khác !)

Nói chung, dư luận Mỹ về chuyến đi này của ông Khải cũng không rôm rả gì lắm. Tường thuật của các báo thì khá giống nhau, đa số viết lại những bản tin của hãng thông tấn *Associated Press*(2). Mười năm trước, khi Clinton bình thường hoá quan hệ, hoặc gần đây hơn, lúc kỉ niệm 30 năm chấm dứt

chiến tranh, thì báo chí Mỹ bàn tán rộn rịp hơn nhiều. Kì này, hầu như không báo nào có những bài xã luận dài hoặc của các nhân vật danh tiếng (chỉ trừ ông Kissinger, có lẽ sợ bị bỏ quên, phải mượn đài BBC để nói vài câu hơi ngược dư luận).

Về bầu không khí của cuộc hội kiến Khải-Bush thì, tuy mọi cảm tưởng phải là chủ quan, hầu hết báo Mỹ đều cho rằng có hơi phẳng lặng, thậm chí lạnh lẽo. Nhiều kí giả cho đó là phản ảnh sự lưỡng lự của Mỹ : không biết phải đối đãi ra sao với một quốc gia không còn là thù nhưng cũng chưa thật là bạn, một quốc gia mà theo họ vẫn là độc tài chuyên chế, nhưng Mỹ cần, và cần Mỹ. Sự kiện bà Condoleezza Rice (ngoại trưởng Mỹ) vắng mặt ở Washington D.C. lúc ông Khải đến vì đang đi hô hào dân chủ ở Trung Đông cũng gây ấn tượng là chính sách của Mỹ thiếu nhất quán.

Rõ ràng chuyến đi của ông Khải là một thắng lợi ngoại giao cho Việt Nam, và hợp với quyền lợi của Mỹ trong chừng mực mà họ muốn “gài” Việt Nam vào liên minh các nước bao quanh Trung Quốc. Đúng hay sai, ấn tượng này sẽ đặt ra một thử thách lớn cho tài ngoại giao của Việt Nam đối với Trung Quốc trong những ngày sắp đến. Riêng đối với ông Bush và đảng Cộng Hoà, đây cũng là cách họ lấy điểm (hoặc trả ơn) các đại công ti Mỹ muốn làm ăn ở Việt Nam. Thất vọng, chỉ ít là hoang mang, có lẽ là những người gốc Việt chống cộng ở Mỹ : sao Bush lại có thể thân thiện với một nước cộng sản độc tài đến thế ?

Khó phủ nhận rằng chuyến đi này là một diễn biến lớn của lịch sử, đánh dấu một giai đoạn mới (như ông Khải nói) trong bang giao Việt Mỹ, nhưng cũng phải nhận rằng đây là một chuyến đi “ nặng phần trình diễn ”, một cuộc viếng thăm nhiều tính xã giao. Không một thỏa ước quan trọng nào được kí kết. Song có thể như vậy là ông Khải đã làm tròn nhiệm vụ của ông. Không hơn không kém.

Thư này được viết vội để Diễn Đàn kịp lên khuôn. Hi vọng trong thư sau tôi sẽ có dịp báo cáo những chi tiết hiện chưa biết về chuyến đi này của thủ tướng Phan Văn Khải. Từ giờ đến đó, xin chúc bạn và gia quyến một mùa hè thư thái, an bình.

Tiểu Hằng Ngôn
25/6/2005

Chú thích của Diễn Đàn : (1) Theo Tuổi Trẻ 16.6, tổng số thành viên tháp tùng Thủ tướng thăm Hoa Kỳ gồm khoảng 240 người. Trong đó có năm bộ trưởng, chín thứ trưởng, năm đại biểu Quốc hội, chín lãnh đạo tỉnh, thành phố, hơn 70 doanh nghiệp và đại diện gần 20 cơ quan báo chí, thông tấn. Ngoài ra còn gần 30 doanh nghiệp sẽ sang Mỹ theo con đường tự túc tham gia các hoạt động dành cho giới doanh nghiệp.

(2) Tuy vậy, số bài báo viết về chuyến đi của ông Khải là « hơi bị nhiều » so với các bài viết về chuyến đi mấy ngày trước đó của ông Nông Đức Mạnh, tổng bí thư ĐCSVN, sang thăm chính thức nước Pháp. Ngay cả báo Pháp, tìm mọi mắt cũng chỉ thấy tờ Nhân Đạo của ĐCS đưa tin về chuyến đi này, trong khi nhiều báo có bài bình luận về chuyến đi Mỹ của ông Khải !

Độc báo trong nước

Muốn tập trung đông người phải đăng ký trước 7 ngày

Việc tập trung đông người tại nơi công cộng phải đăng ký trước với UBND có thẩm quyền nơi diễn ra hoạt động đó và phải thực hiện đúng nội dung đã đăng ký.

Đó là một trong những quy định tại nghị định quy định một số biện pháp bảo đảm trật tự công cộng vừa được Thủ tướng Phan Văn Khải ký ban hành theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an.

Cũng theo nghị định này, nếu tập trung đông người ở nơi công cộng (trừ các hoạt động do các cơ quan Đảng, Nhà nước, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội tổ chức) phải gửi bản đăng ký đến UBND cấp có thẩm quyền.

Bản đăng ký phải có các nội dung cơ bản: nội dung, mục đích việc tập trung đông người; địa điểm tập trung, đường đi, sơ đồ lộ trình sẽ đi qua; số người dự kiến tham gia, cờ, ảnh, phương tiện mang theo, nội dung biểu ngữ, khẩu hiệu nếu có.... Sau 7 ngày làm việc kể từ khi nhận được bản đăng ký, UBND cấp có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, giải quyết việc đăng ký tập trung đông người.

Tuy nhiên, theo nghị định “ *chủ tịch UBND đã cho phép hoặc Chủ tịch UBND cấp trên trực tiếp có quyền tạm đình chỉ, đình chỉ hoặc huỷ bỏ việc tập trung đông người khi xét thấy các hoạt động đó gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng hoặc vi phạm nội dung đã cho phép* ”.

Cũng theo Nghị định, khi tập trung đông người mà xảy ra tình trạng gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự công cộng tùy theo tình hình cụ thể, cơ quan chức năng có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau để ổn định tình hình, bảo đảm trật tự và xử lý người vi phạm: thuyết phục, yêu cầu mọi người chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo đảm trật tự công cộng và chấm dứt ngay hành vi vi phạm; đặt rào cản, chốt giữ các nút giao thông; kiểm tra giấy tờ tùy thân, khám người, phương tiện, tạm giữ người, phương tiện vi phạm; cưỡng chế người có hành vi vi phạm rời khỏi địa điểm tập trung đông người trái pháp luật; sử dụng công cụ hỗ trợ và các công cụ, phương tiện khác để bảo đảm trật tự công cộng...

Nghị định nghiêm cấm tập trung đông người trái quy định của pháp luật ở lòng đường, vỉa hè, trước trụ sở cơ quan, tổ chức, tại khu vực diễn ra các hội nghị quốc tế, kỳ họp Quốc hội, HĐND hoặc các hoạt động chính trị quan trọng khác của Đảng, Nhà nước, MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội hoặc nơi công cộng khác...

Hữu Khôi (Thanh Niên 22.3.2005)

Sau cuộc bỏ phiếu NON ở Pháp

CHÂU ÂU, NĂM ZÊRÔ

Nguyễn Quang

Châu Âu đang mắc bệnh "Pháp". Con bệnh phát ra ngày 29-5 khi cử tri Pháp bỏ phiếu chống dự thảo Hiệp ước Hiến pháp Châu Âu (TCE) với tỉ lệ dứt khoát (55 %) và tỉ số tham gia đầu phiếu cao (70 %). Tiếp theo đó là phản ứng dây chuyền : ngày 1-6, cử tri Hà Lan bỏ phiếu chống còn cao hơn nữa (62 %) ; các cuộc trưng cầu dân ý bị hoãn *vô thời hạn* ở Anh, Đan Mạch, Bồ Đào Nha, Tiệp ; tại các nước mới gia nhập Cộng đồng Châu Âu, dư luận ngày càng tỏ ra hoài nghi (theo một cuộc thăm dò dư luận ở Ba Lan, xu hướng chống lên tới 43 %), ở những nước kỳ cựu và gắn bó với châu Âu cũng thế (45 % ở Luxembourg)... Châu Âu bị ăn đòn đường như chỉ còn biết ngồi đếm đêm, giới lãnh đạo lặn biển : nghị viện Strasbourg, cơ quan chủ xướng dự án hiến pháp, thì "chuyên lừa" sang Hội đồng các nguyên thủ quốc gia và chính phủ, còn Hội đồng... "ghi nhận" kết quả cuộc đầu phiếu và khất hẹn tới... mùa hè 2007 ! Người ta chờ đợi một sự thức tỉnh, một sự vùng dậy. Thay vào đó, trong cuộc thảo luận về ngân sách 2007-2013, người ta được chứng kiến cảnh tượng lái trâu cò kè, phản ánh thực trạng đáng buồn là những quyền lợi quốc gia ích kỉ đã thay thế cao vọng xây dựng cộng đồng châu Âu của thập niên 1950. Nếu dùng từ ngữ quyền Anh để mô tả hiện trạng châu Âu thì có thể nói nó bị "K.O. kĩ thuật", còn dùng danh từ y học : chết "não thuộc" (mort cérébrale). Danh từ chính trị gọi đó là : trùm chăn : "Không có vấn đề nào không bị cạn kiệt bằng cách... không giải quyết" (Henri, Queuille, chính khách Pháp, thế kỉ 20).

NON đối lập và NON phái tả

Nếu nhất thiết phải nêu rõ trách nhiệm, thì trước tiên phải kể tội cặp bài trùng Chirac-Raffarin. Tháng tư 2002, tổng thống Pháp trúng cử với 82 % phiếu bầu vì cử tri muốn ngăn chặn phe cực hữu. Lẽ ra phải thi hành chính sách đoàn kết dân tộc, ông Chirac lại bắt cử tri của mình phải uống những liều thuốc "liberal" của đảng phe hữu, một chính sách không đủ hậu thuẫn xã hội. Các cuộc cải cách lớn nhỏ, thật giả của chính phủ Raffarin (chế độ hưu bổng, an ninh xã hội, dịch vụ công cộng...) không phải tất cả đều vô dụng, nhưng đó toàn là những liều thuốc đắng, bắt con bệnh uống mà không chuẩn bị tư tưởng, không hề có biện pháp kèm theo, mà lại bắt công thiên vị, làm sao mà không nảy sinh thắc mắc, bất mãn, phản đối, thậm chí từ chối thi hành (như vụ bỏ ngày thứ hai nghỉ lễ Hiến xuống). Khi phe đối lập không có cách phát biểu nào khác hơn là xuống đường biểu tình, rõ ràng điều đó thể hiện sự thiếu vắng dân chủ. Thậm chí từ chối dân chủ vì chính quyền, do những động cơ cơ hội chủ nghĩa hoặc vì tin tưởng, đã gây ra cảm tưởng là họ không thèm đếm xỉa đến dân tình

đã thể hiện qua ba cuộc bỏ phiếu (cuộc bầu cử mới đây nhất là bầu các hội đồng vùng, phái hữu đã thất bại thảm hại). Theo cuộc thăm dò dư luận ngày 31-5 của hãng Louis Harris, 78 % dân chúng Pháp "nổi giận" – giận vì "nước Pháp bên trên" làm thình, hình như muốn nhấn cho "nước Pháp bên dưới" hiểu rằng họ muốn làm gì cũng không thay đổi được tình hình, ít nhất từ đây tới các cuộc bầu cử năm 2007. Thế nên có thể nghĩ rằng người Pháp đã nhận cuộc trưng cầu dân ý về châu Âu – cuộc phổ thông đầu phiếu duy nhất từ nay đến năm 2007 – để cho chính phủ một cú đá – nhưng chẳng may, nói như Thủ tướng Bồ Đào Nha, cú giầy lại trúng "mông đít châu Âu". Nhân nói tới dân chủ, kết quả cuộc bỏ phiếu vừa qua ở Pháp ít nhất cũng cho thấy rõ nguy cơ của dân chủ trực tiếp, lợi bất cập hại (lợi : lối bỏ phiếu "votation" của Thụy Sĩ chẳng qua là một cuộc thăm dò ý kiến ở quy mô thực ; hại : nó rất dễ bị tác động của thời cuộc, cũng như của những luận điệu mị dân) (1).

Tuy nhiên, phản ứng "nổi dậy" chống lại giới thượng lưu, dù cộng thêm sự tụt lùi của hình ảnh tổng thống Chirac đối với dư luận (sụt 20 % trong vòng nửa tháng) tự nó không đủ để cắt nghĩa cái NON của cử tri Pháp. Muốn phân tích cận kề hơn, ta phải xét thành phần chính trị của cử tri đã bỏ phiếu chống dự án hiến pháp châu Âu :

* Hạt nhân truyền thống của khối cử tri này là hàng ngũ những người "duy chủ quyền". Lập trường của họ có thể tóm tắt như sau : mối quan hệ giữa Nhà nước hiến pháp và công dân chỉ có thể đặt trong khuôn khổ quốc gia, đặt trên nền tảng những giá trị văn minh và văn hoá dân tộc. Bên tả, đó là những giá trị "cộng hoà" (xu hướng Jean-Pierre Chevènement). Bên hữu, là những giá trị "Ki tô giáo" (de Villiers), hay đơn giản hơn, là bình phong cho thái độ kì thị chủng tộc và bài ngoại (Le Pen).

* Lực lượng bổ sung truyền thống của hạt nhân này là phái tả của phái tả : Đảng cộng sản Pháp, là đảng chống xây dựng châu Âu ngay từ đầu (vì những lí do hiển nhiên, có thể nói là... di truyền) và các đảng trót-kít chống "châu Âu của bọn con buôn" (chính xác hơn : chống cả châu Âu tư bản lẫn châu Âu dân chủ xã hội).

Cộng thêm những đồng minh tạm thời, hai lực lượng này đã bỏ phiếu NON (chống) trong cuộc trưng cầu dân ý năm 1992 về hiệp ước Maastricht (thống nhất tiền tệ), và số phiếu cũng xấp xỉ gần bằng số phiếu OUI (thuận). Lần này bỏ phiếu cho sự thống nhất chính trị, phe NON đã vượt phe OUI tới 8 %. Số này từ đâu ra ? 60 % "nhân dân phái tả" đã bỏ phiếu chống, như vậy là số phiếu ấy đến từ cử tri phái tả truyền thống, từ những người đang tuổi lao động (60 % lứa tuổi 25-59) và từ các giai cấp trung lưu (60 % những người thu nhập bình quân từ 1000 đến 3000 Euro). Nói khác đi, phiếu NON lần này không chỉ đơn thuần là phiếu NON truyền thống, mà còn là phiếu NON phái tả.

Theo những cuộc thăm dò tiến hành ở ngoài phòng phiếu, phiếu chống của cử tri phái tả xuất phát từ những nguyên cơ đa dạng và mập mờ chẳng kém gì 450 hạng mục của văn bản TCE, nhưng có một *leit-motiv* bất biến (điều này cũng đúng cho phiếu chống của cử tri phái hữu) : mạnh mẽ bác bỏ chủ nghĩa liberal mới. Sự bác bỏ này bắt nguồn từ xa và đã biểu

lộ trong các phong trào xã hội và công dân những năm vừa qua chống lại các chính sách *tân liberal*. Tiêu biểu nhất ở quy mô quốc tế là phong trào đấu tranh cho một quá trình "toàn cầu hoá khác" (*altermondialiste*). Tại Pháp, ta thấy rõ chủ nghĩa liberal bị thất nhân tâm như thế nào, bất luận chính phủ nào muốn áp dụng chính sách liberal đều phải đương đầu với làn sóng xã hội phản đối.

Trong suốt cuộc vận động trước ngày bỏ phiếu, phái NON đã dương cao chủ nghĩa liberal như một con ngáo ộp. Họ đã thành công trong việc đóng khung cuộc tranh luận vào vấn đề này. Họ tập trung đã kích phần III của TCE là bảng liệt kê tất cả những hiệp ước Âu châu hiện tồn. Phải nói, theo một ý nghĩa nào đó, phần III này dường như thể hiện tất cả các nguyên tắc của chủ nghĩa *liberal* : điều chỉnh hàng hoá và chủ quyền "trong sự tôn trọng nguyên tắc kinh tế thị trường mở, có tự do cạnh tranh" ; mở cửa cho vốn tư bản và đầu tư lưu thông tự do trên thế giới, "cấm mọi hạn chế lưu thông giữa các nước thành viên cũng như với các nước khác" ; tự do lưu thông hàng hoá trên thế giới, "cấm mọi sự hạn chế về số lượng giữa các nước thành viên hay với các nước khác" ; ưu quyền của tiền tệ thể hiện qua sự độc lập của Ngân hàng Trung ương Âu châu ; các nước thành viên phải nghiêm chỉnh tuân thủ cân bằng ngân sách và ổn định giá cả ; mọi biện pháp nhằm điều hoà thuế má chỉ có thể thông qua nếu có sự nhất trí của mọi thành viên trong Hội đồng Âu châu vân vân... Đối với những người bỏ phiếu NON, đặc biệt là những người chống toàn cầu hoá theo kiểu hiện nay đang liên minh với xu hướng cực tả, nâng những nguyên tắc liberal về kinh tế nói trên thành nguyên tắc hiến pháp, khác nào trao các quyền kinh tế của các Nhà nước cho các công ti đa quốc gia, và thu hẹp vai trò của chính trị thành vai trò thừa hành mệnh lệnh của các thế lực tài chính.

Kinh tế thị trường và chủ nghĩa liberal

Phê bỏ phiếu OUI đã không biết đối đáp, hay đúng hơn, những luận điểm thuần lý của họ không tác động được tới đam mê của những người bỏ phiếu NON. Bây giờ kết quả cuộc bỏ phiếu đã như vậy rồi, phải chăng dễ có thể thảo luận bằng lí trí. Trước tiên, cần nhắc lại rằng phần III của TCE là liệt kê những hiệp ước hiện tồn ; không có Hiến pháp mới thì các hiệp ước này vẫn tiếp tục được áp dụng. Nói cách khác, chưa có một Châu Âu chính trị (2), thì người Pháp (và những người châu Âu khác) vẫn tiếp tục sống và làm việc trong cái châu Âu "liberal" mà những người chủ trương NON rêu rao là họ đã bác bỏ được qua cuộc bỏ phiếu. Nói toạc hơn một chút nữa : Châu Âu hiện nay, ngay từ lúc khai sinh, vốn là châu Âu "buôn bán" và "liberal", với những tên gọi "Cộng đồng Than và Thép", "Thị trường Chung", "Cộng đồng Kinh tế Châu Âu". Và cũng phải thống nhất về ý nghĩa cụm từ "chủ nghĩa liberal". Đầu tiên không nên nhầm lẫn nó với "kinh tế thị trường" là một từ ngữ kĩ thuật (có thể nói là trung tính về mặt chính trị) chỉ định toàn bộ những trao đổi dựa trên luật cung cầu, từ đó, về mặt lí thuyết, giá cả được xác định, sản xuất và tiêu thụ vận hành, cạnh tranh khai triển. Ngày nay (nhất là từ sau thất bại của nền kinh tế chỉ huy theo kiểu Liên Xô) không còn ai có thể phủ nhận rằng thế giới đang sống trong một nền kinh tế thị trường. Một lần nữa, phải nhấn mạnh rằng ở đây

không dính dáng gì – lẽ ra không dính dáng gì – tới vấn đề ý thức hệ. Ý thức hệ đặt ra khi ta nói tới "chủ nghĩa xã hội", "chủ nghĩa xã hội dân chủ", "chủ nghĩa liberal"... Về mặt kinh tế học, "chủ nghĩa liberal" là học thuyết đặt sáng kiến chủ động của cá nhân lên trên hành động của Nhà nước và các lực lượng tập thể. Đứng ở quan điểm này, Cộng đồng Kinh tế Châu Âu là một thực thể liberal, cho dù "nguyên tắc phụ tụy" (*principe de subsidiarité*) (3) cho phép mỗi quốc gia thành viên chọn lựa lấy mô hình xã hội (mô hình Thụy Điển, mô hình Pháp, mô hình Rhenan...). Ngoài trừ những người muốn thườ chống lại, chúng tôi không thấy những người bỏ phiếu NON phản đối gì ở chủ nghĩa liberal đó. Họ chống là chống những biến thể "tân liberal" hay "cực liberal", hay nói đơn giản hơn, chủ nghĩa liberal kiểu Anh-Mĩ của trường phái Chicago, của Reagan-Thatcher, của Bush-Blair, nghĩa là tuân thủ quy luật của thị trường mà không mấy may điều chỉnh bằng những biện pháp xã hội, những biện pháp nhà nước, thứ chủ nghĩa trong đó cô đồng trở thành ông vua con, nghiệp chủ hành xử như côn đồ, các vụ OPA được tiến hành theo luật rừng, các doanh nghiệp làm "dumping" xã hội thả dãn..., để cho kinh tế thị trường tràn lan mọi lĩnh vực (kể cả văn hoá, khoa học, nghệ thuật...), thương mại hoá mọi quan hệ xã hội, điều mà chính Adam Smith đã cảnh báo nguy cơ : "Trí tuệ teo lại, tinh thần không thể nào thăng tiến. Sự học hành bị khinh bỉ, hay ít nhất bị coi nhẹ, chẳng mấy lúc chí khí cũng mai một". Thứ Châu Âu ấy, đương nhiên phải từ khước, và điều này cũng là ý kiến của nhiều người chủ trương bỏ phiếu thuận. Khác nhau là cách diễn giải các điều khoản của TCE, đối chiếu chúng với thước đo "tân" hay "cực" liberal. Hiến pháp chỉ là một cái khung, để cái gì trong khung là do thực tiễn dân chủ. Nếu bình tâm đọc kĩ các phần I và II, có thể thấy đó không phải là cái "gông cùm liberal" mà phe NON đã tố cáo. Thậm chí ngược lại, trong phạm vi một văn kiện đã được thương lượng, nó để mở khả năng tương lai cho một châu Âu cố nhiên nằm trong kinh tế thị trường, nhưng khác với mô hình châu Âu của các lí thuyết gia liberal. Không có hiến pháp nào trên thế giới, kể cả Hiến pháp Pháp, đưa ra được những bảo đảm chống lại chủ nghĩa liberal man rợ như TCE, nêu ra khái niệm "kinh tế xã hội thị trường" (*économie sociale de marché*) (điều I,3) bảo đảm bằng những điều chỉnh và bổ sung có tính chất xã hội (mà phái cực liberal hết sức dị ứng), bằng sự thừa nhận hiển ngôn về vai trò của các dịch vụ công cộng (gọi là dịch vụ lợi ích chung), bảo hộ những lãnh vực phi hàng hoá (đặc biệt về văn hoá) chống lại chủ nghĩa thương mại hoá. Thành ra những người bỏ phiếu NON đã viết ra cái mà Serge July gọi là "kiệt tác khổ dâm (*chef-d'oeuvre de masochisme*)" (4) : mô hình châu Âu mà họ vừa bác bỏ lại mang nhiều nội dung xã hội hơn là châu Âu hiện nay (và có lẽ, của những năm tới đây nữa) ; khi họ không chấp nhận sự thoả hiệp về "kinh tế xã hội thị trường" thì vô hình trung họ đã củng cố cái logic của chủ nghĩa liberal. Đó là món quà bất ngờ tặng cho những phần tử "Âu nghi" (*Eurosceptiques*) ở Anh và đám tân bảo thủ Mĩ : những người chống châu Âu ở Anh rất ghét tinh thần dân chủ xã hội trong văn kiện TCE, còn phái tân bảo thủ Mĩ thì dị ứng với các giá trị về liên đới hàm chứa trong phần hiến chương xã hội. Họ đang phản khởi vì không còn đối thủ. Đúng là phái NON có nói tới Kế hoạch

B và khả năng thương lượng trở lại. Nhưng giả sử rằng có đi nữa, thì thương lượng trên cơ sở nào ? Châu Âu ngày nay đa số ngả theo xu hướng liberal (kể cả ở Hà Lan, phiếu NON ở đây có ý nghĩa khác phiếu chống ở Pháp), sắp tới xu thế này có lẽ sẽ còn nặng hơn (nếu/khi đảng xã hội dân chủ Đức thất cử). Nghĩ rằng nước Pháp, suy yếu và cô lập như thế, có thể áp đặt một văn kiện có nội dung xã hội hơn là TCE, thì quả là kiêu căng và không tưởng.

Nói đến những thời cơ bỏ lỡ, cũng không nên quên thời cơ dân chủ. Với TCE, các định chế của Châu Âu lẽ ra sẽ dân chủ hoá thêm một bước : quyền lực nghị viện Âu châu được củng cố (trong khi hiện nay, Ủy ban Âu châu vận hành thiếu minh bạch), công dân Âu châu có quyền đưa kiến nghị tập thể. Quan trọng hơn cả là Hiến chương về các Quyền cơ bản của các công dân Âu châu (phần II của TCE), lần đầu tiên không những ở châu Âu, mà trong lịch sử nhân loại ! Cụ thể nghĩa là các quyền xã hội – trong đó phải kể : bình đẳng nam-nữ, tự do công đoàn, quyền đình công, thương lượng tập thể, bảo hộ nhân công chống lại lạm quyền sa thải, quyền của những người tàn tật... – lẽ ra sẽ trở thành những quyền được pháp lí thừa nhận, các văn kiện của Âu châu phải tuân thủ những nguyên lí ấy, và công dân Âu châu có quyền khiếu tố để huỷ bỏ mọi quy định đi ngược lại các quyền này. Sau khi mang lại hoà bình và thịnh vượng cho các nước thành viên, lẽ ra Âu châu có thể mở ra một không gian tự do chưa từng có trong lịch sử, trước "cái nhìn khâm phục của công dân thế giới" (Robert Badinter). Bay đi một giấc mơ. Bay đi thì có thể bay lại, hi vọng như thế, bởi vì ít nhất, cuộc trưng cầu dân ý cũng có mặt tích cực là vấn đề châu Âu trở thành trung tâm của cuộc thảo luận dân chủ, không còn chỉ là đặc quyền tranh luận của giới thượng lưu. Công dân Âu châu đã trải qua cuộc thử nghiệm "Âu dương tính" (Europositivité), và kể cả đối với những người đã bỏ phiếu chống, quá trình "Âu hoá" đòi sống chính trị đã trở thành một dữ kiện cơ bản. Trong giả thiết lạc quan nhất, có thể nghĩ rằng giấc mơ Âu châu không tàn phai mà ngược lại, nó đang bước sang một giai đoạn chín mùi mới, như lời tiên tri của Jean Monnet : "Châu Âu sẽ tự làm nên mình kinh qua những cuộc khủng hoảng và nó sẽ là tổng thể của những đáp án giải quyết các cuộc khủng hoảng ấy".

Nguyễn Quang

(Kiến Văn dịch xong, vẫn giữ chủ trương bỏ phiếu NON, và vẫn chia sẻ giấc mơ châu Âu của tác giả).

(1) Phải nói là trong cuộc vận động bỏ phiếu chống TCE, không thiếu những luận điểm mị dân và những khẳng định sai sự thực (về chế độ thế tục, tách bạch Nhà nước với giáo hội, về quy chế li hôn, về quy định phá thai...)

(2) Lịch sử hình như lại nói lấp : năm 1950, trong một cuộc trưng cầu dân ý, người Pháp đã bác bỏ dự án phòng vệ quân sự châu Âu (một hình thức thực hiện thống nhất chính trị. Chính vì thế mà 6 nước sáng lập "thị trường chung" mới chuyển sang sự án kinh tế – thương mại dẫn tới Hiệp ước Roma.

(3) Nguyên tắc phụ tùng : trong những lãnh vực không thuộc chủ quyền của riêng mình, Liên hiệp châu Âu chỉ can thiệp khi các quốc gia thành viên không thể một mình thực hiện các mục tiêu.

(4) Có thể nói cũng vì "khô dân" mà Lionel Jospin đã bị loại ở vòng đầu cuộc bầu cử tổng thống năm 2002.

Lời toà soạn

Như Diễn Đàn số 151 đã đưa tin, bài trả lời phỏng vấn ông Võ Văn Kiệt, nguyên thủ tướng, của báo Quốc Tế, lẽ ra được công bố từ đầu năm, giờ chót đã bị "bóc" đi theo chỉ thị của Ban tư tưởng văn hoá trung ương. Sau khi ông Kiệt viết thư phản đối gửi ông Nguyễn Khoa Điềm, bài phỏng vấn đã được đăng. Và ông Điềm đã viết thư trả lời. Chúng tôi chưa có văn bản này, nhưng xin đăng dưới đây thư phúc đáp của nguyên thủ tướng, qua đó người đọc có thể biết các luận điểm của Ban tư tưởng văn hoá. Chúng thể hiện một quan điểm ngu tối và tai hại về chính trị và văn hoá. Nhưng nhờ đó, mọi bình luận về tình trạng dân chủ ở Việt Nam – và ngay trong nội bộ ĐCS ở mọi cấp – trở thành vô ích.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng Tư năm 2005

Kính gửi : Đ/c Nguyễn Khoa Điềm

Trưởng Ban Tư tưởng Văn hoá Trung ương

Tôi mới nhận được thư đồng chí trả lời bức thư tôi gửi ngày 01 tháng 3 xin cảm ơn sự trao đổi (dù quá muộn) của các đồng chí.

Trước hết tôi muốn nói rõ quan điểm của mình với những gì mà đồng chí trao đổi trong thư :

Thứ nhất : Về thời gian từ khi ngưng không cho đăng bài báo phỏng vấn tôi cho đến Tết và khi tôi có thư hỏi chắc đồng chí còn nhớ là thời gian đó không ngắn. Đồng chí có nhận khuyết điểm, tôi coi thái độ cầu thị đó là tốt. Tuy nhiên, những lý do mà đồng chí biện bạch trong thư về thời gian là không đủ thuyết phục. Đó là tôi nghĩ với tư cách của một công dân bình thường, còn với tôi chắc các đồng chí không xa lạ gì.

Thứ hai : về nội dung bài báo : các đồng chí lý giải rằng do việc xuất bản cuốn sách *Hồi ký không tên* của Lý Quý Chung và những phản ứng từ báo *Quân đội nhân dân* và một số ý kiến khác từ đó các đồng chí đánh giá sẽ bất lợi nếu đăng bài báo ấy. Trong trường hợp này (coi là khẩn cấp) trước hay liền sau đó các đồng chí ít nhất bằng các phương tiện thông tin khác trao đổi lại không khó khăn gì, kể cả gặp trực tiếp tôi.

Như đồng chí đã biết, là người có trách nhiệm bám sát Sài Gòn – Gia Định suốt cuộc chiến chống Mỹ, Khu uỷ Sài Gòn – Gia Định chúng tôi phải vận dụng *chủ trương tập hợp lực lượng chính trị bằng mọi hình thức khác nhau, tranh thủ mọi khả năng có thể tranh thủ*

Võ Văn Kiệt

Thư gửi đồng chí

NGUYỄN KHOA ĐIỀM

được có lợi cho đấu tranh cách mạng miền Nam. Thường vụ Thành uỷ Sài Gòn lúc bấy giờ theo sát từng bước diễn biến tình hình mọi mặt, vừa theo sát diễn biến chiến sự của chiến dịch Hồ Chí Minh, vừa theo dõi sát các động thái của phía địch, về nội tình của chúng và các nhóm chính trị đối lập với Mỹ-Thiệu để kịp thời chỉ đạo cho cán bộ đảng viên, nòng cốt của ta trong các nhóm chính trị, trong binh vận và trong chính phủ Dương Văn Minh. Phương án kết thúc chiến tranh mà Thành phố Sài Gòn còn nguyên vẹn trước sức tiến công của quân ta không có khả năng đảo ngược là phương án chỉ đạo phối hợp tối ưu. Các đồng chí có biết ngay trong đêm 29 và ngày 30/4/1975, chúng tôi và Thành uỷ ở đâu không ? Ở ngay ven thành phố Sài Gòn. Tôi phụ trách bộ phận cán bộ tiếp quản của Trung ương Cục (Quân quản) cùng đồng chí Mai Chí Thọ và bộ máy Thành uỷ, đầu buổi chiều 30/4 chúng tôi đã có mặt trong Thành phố. Tôi muốn nhắc lại một chút để đồng chí hiểu thêm tôi là người trong cuộc chứ không phải đứng từ xa.

Tôi chưa rõ trên cơ sở nào mà các đồng chí cho rằng nhận định của các tác giả của bốn bài báo trên báo *Quân đội nhân dân* được “*dăng liên tiếp*” là đúng, còn bài trả lời phỏng vấn của tôi là không phù hợp, là sai, “*để gây ra hiểu lầm và làm phân tâm thêm bạn đọc*” như các đồng chí kết luận. Chắc là, tôi phải nói theo như báo *Quân đội Nhân dân* nhất nhất làm theo chỉ đạo của các đồng chí thì mới không “*gây ra hiểu lầm*” và không “*làm phân tâm thêm bạn đọc*”, quả là những công việc làm thường ngày thành quen của ban Tư tưởng Văn hoá ! Còn có thể vì *một lý do nào khác nữa mà các đồng chí không tiện nói ?*

Thật ra, tôi đã đọc cuốn hồi ký của Lý Quý Chung lúc còn là bản thảo. Nhà xuất bản đã sửa sang, cho in chính thức lần đầu tôi cũng đã được xem (chỉ có những đoạn đậm [Hồ Ngọc]Nhuận, [Ngô Công]Đức, [Nguyễn Hữ]Hạnh không chịu vì có liên quan, sau đó Nhà xuất bản và tác giả đã cắt bỏ). Anh Phạm Quang Nghị có hỏi, tôi đã trả lời : đây là thể loại hồi ký, mỗi người có cách nhìn và cách đánh giá riêng và phải tự chịu trách nhiệm. Với một trí thức như Lý Quý Chung, về nội

dung chính trị, tôi cho là không có vấn đề gì. Với tư cách là Bí thư Đảng uỷ đặc biệt và là Phó Chủ tịch Uỷ ban Quân quản Thành phố Sài Gòn lúc bấy giờ chẳng lẽ tôi lại để cao địch, phủ nhận lại chính mình.

Về lực lượng thứ ba, các lực lượng đối lập trong chính quyền ngay, cần có sự nhận định thực tế đủ khách quan, không nên tùy tiện quy kết theo chủ quan, phiến diện vì nó liên quan đến một chính sách lớn của Đảng (phải nói là thật sự thành công). Chẳng hạn, chỉ nêu lên một trường hợp Phạm Ngọc Thảo, người được đồng chí Lê Duẩn giao trách nhiệm với danh nghĩa là người công giáo đi kháng chiến chống Pháp trở ra “*hợp tác với quốc gia*” để bằng mọi cách xây dựng được lực lượng chính trị quốc gia (cũng là lực lượng thứ ba, nếu có một Chính phủ quá độ ở miền Nam).

Các đồng chí cho rằng những nhận xét của tôi về công tác của Ban Tư tưởng Văn hoá như “*áp đặt, cửa quyền, thiếu dân chủ, rất ít khi được đối thoại những vấn đề còn ý kiến khác nhau, nặng về quyền lực hơn là thuyết phục*” là không thoả đáng, cũng có nghĩa là không chính xác, cũng có thể là không phải tất cả đều như vậy. Tôi tạm lấy ngay cách các đồng chí xử sự với tôi, một người không xa lạ gì với các đồng chí, lại là người trong cuộc, có trách nhiệm trước Đảng chỉ đạo tại chỗ hàng chục năm ở Thành phố Sài Gòn.

Chắc các đồng chí không lạ gì về công việc mà tôi phụ trách trong một thời gian dài, để từ đó mà có thể có căn cứ đưa ra nhận định như đã nêu trong bài trả lời phỏng vấn, thế nhưng *vì thấy không phù hợp với ý kiến chủ quan của mình thì dùng quyền của Ban Tư tưởng Văn hoá để bác bỏ một cách tùy tiện*, mãi cho đến khi tôi có ý kiến mới trả lời với những lý do không thuyết phục, vậy thì đó là “*thoả đáng hay là không thoả đáng*” ? *Đã có bao nhiêu trường hợp khác bị các đồng chí đối xử tương tự như vậy, hay các đồng chí tự cho mình cái quyền ấy, quyền đứng trên luật pháp, quyền cho ai nói cái gì, viết cái gì là theo sự áp đặt chủ quan, phiến diện của một số rất ít người, song lại nhân danh Đảng !* Đây là một cách làm không minh bạch, gây phản ứng ngầm không ít trong giới cầm bút, kể cả cán bộ, đảng viên trung kiên của Đảng.

Đã đến lúc các đồng chí nên nghiêm túc hơn, soi lại mình, trở lại với nguyên tắc của Đảng, trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Mấy ý kiến vẫn, xin trao đổi lại với các đồng chí.

Kính thư,

Võ Văn Kiệt

Vấn đề bồi thường nạn nhân chất độc da cam

Nguyễn Văn Tuấn

Chiến tranh Mĩ – Việt đã chấm dứt 30 năm. Sau nhiều năm kinh qua khó khăn về kinh tế, Việt Nam đang trên đường phát triển theo chiều hướng kinh tế thị trường. Việt Nam và Mĩ ngày nay có quan hệ ngoại giao tốt. Nhưng đứng trên phương diện đạo lí và trách nhiệm, cuộc chiến Mĩ – Việt vẫn chưa chấm dứt dù bom đạn đã ngừng rải xuống Việt Nam. Những hậu quả của chiến dịch sử dụng hóa chất một cách có ý thức do Mĩ tiến hành với sự hỗ trợ của các công ti hóa chất Mĩ trong thời chiến vẫn còn tồn tại trên nhiều vùng đất Việt Nam. Thảm trạng thực tế này đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến việc bồi thường mà phiên tòa đang diễn ra tại New York phải xem xét đến. Một vấn đề then chốt đặt ra là trong bối cảnh sau chiến tranh và mối bang giao hữu nghị như thế, nước Mĩ hay những thành phần liên đới trong chiến dịch phun chất độc phải làm gì để hàn gắn vết thương chiến tranh ?

Trong thời gian 10 năm (tính từ 1962 đến 1971) qua sự phê chuẩn của Tổng thống John F. Kennedy và sự đồng thuận nhiệt tình của Ngô Đình Diệm, quân đội Mĩ đã phun xuống các làng xã Việt Nam khoảng 77 triệu lít hóa chất, phần lớn là chất độc da cam (Agent Orange), có chứa dioxin [1]. Dioxin là một hóa chất độc hại vào hàng số 1 mà con người từng biết đến, bởi vì nó có khả năng gây ra hàng loạt bệnh tật, kể cả ung thư và dị thai, cho những ai bị nhiễm. Điều đáng chú ý là giới quân sự Mĩ từng biết mức độ độc hại của chất độc da cam trước khi họ đem sang sử dụng ở Việt Nam [1].

Theo thống kê mới nhất của các nhà nghiên cứu Mĩ, tổng số đồng bào Việt Nam, kể cả cựu quân nhân cả hai miền Nam Bắc, bị phơi nhiễm chất độc là 4,8 triệu người. Hơn 25 000 làng xã với 2,6 triệu ha đồng ruộng chịu ảnh hưởng của chất độc. Gần 90% các làng xã bị phun hai lần, và khoảng 11% làng xã bị phun đến 10 lần [1] ! Với một số lượng hóa chất khổng lồ như thế, có thể nói rằng chiến dịch phun hóa chất xuống miền Nam Việt Nam là một cuộc chiến hóa học lớn nhất trong lịch sử chiến tranh trên thế giới, bởi vì từ xưa đến nay, chưa có cuộc chiến

tranh nào và ở bất cứ nơi đâu lại chịu một sự phơi nhiễm chất độc nhiều như thế [2].

Qui ước quốc tế

Qui ước Hague (còn gọi là Hague Convention) năm 1907 cấm dùng “chất độc và vũ khí tẩm chất độc” trong các cuộc xung đột quân sự [3]. Qui ước Hague còn giới hạn quyền của các phe tham chiến sử dụng các phương tiện để gây thương tích một cách không cần thiết cho đối phương [4]. Qui ước Hague 1907 sau này còn được củng cố thêm bằng Nghị định Geneva năm 1925 (Geneva Protocol of 1925). Nghị định Geneva cấm dùng các chất hơi ngạt, các chất độc, và các loại khí độc (nói chung là vũ khí hóa học) trong chiến tranh [5].

Năm 1993, Qui ước vũ khí hóa học (Chemical Weapons Convention) còn thêm vào một số điều khoản trong Nghị định Geneva, như không những cấm sử dụng mà còn cấm sản xuất và tàng trữ các vũ khí hóa học [6]. Mới đây nhất, Đạo luật Rome về Tòa án tội phạm quốc tế (Rome Statute for the International Criminal Court) cấm sử dụng “các vũ khí ... hay phương tiện chiến tranh có khả năng gây thương tích và đau khổ một cách không cần thiết” trong chiến tranh [7].

Trong thời gian chiến tranh Mĩ – Việt, giữa lúc Mĩ phun chất độc xuống Việt Nam, năm 1969 Đại hội đồng Liên hiệp quốc (UN General Assembly) thông qua nghị quyết với tuyên bố rằng chất độc da cam là một vũ khí hóa học và yêu cầu cấm đoán việc sử dụng vũ khí này cũng như các vũ khí sinh học. Như vậy, chính sách và chiến dịch phun chất độc da cam của Mĩ xuống các nơi dân cư tại Việt Nam đã vi phạm các điều khoản về qui ước chiến tranh.

Quyền con người và bồi thường chiến tranh

Các văn kiện quốc tế về quyền con người (human rights) như Qui ước về bảo vệ quyền con người và các quyền tự do cơ bản năm 1953 (European Convention for the Protection of Human Rights and Fundamental Freedoms) [8] và Qui ước của Mĩ về quyền con người năm 1978 (American Convention on Human Rights) đều có liệt kê điều khoản về bồi thường chiến tranh [9]. Theo các qui ước này, các thành phần tham chiến hay lực lượng vũ trang của thành phần tham chiến vi phạm điều khoản của Qui ước Hague 1907, nếu được yêu cầu, phải chịu trách nhiệm bồi thường cho nạn nhân [10]. Quyền được bồi thường là một quyền không thể tách rời khỏi các qui ước quốc tế về quyền con người và qui ước chiến tranh. Quyền được bồi thường sau chiến tranh được ghi nhận và chấp nhận bởi các quốc gia trên thế giới. Gần đây, Đạo luật Rome về Tòa án tội phạm quốc tế cũng thiết lập một quỹ tài trợ (trust fund) cho nạn nhân chiến

tranh và gia đình của họ [11].

Tuy trên văn bản là như thế, song trong thực tế thì rất phức tạp, bởi vì vấn đề có liên quan đến quan hệ chính trị, ngoại giao, và kinh tế giữa các phía lâm chiến. Gần như là một mâu thuẫn với các qui ước quốc tế, còn có qui định rằng vì chủ quyền quốc gia, các nước nạn nhân chiến tranh không thể đâm đơn kiện các nước gây ra tai họa chiến tranh nếu các nước này không chấp thuận ! Thành ra, trong thực tế, rất ít trường hợp nạn nhân chiến tranh được bồi thường; chỉ có những trường hợp cá nhân phạm tội chiến tranh bị truy tố trước tòa án quốc tế dưới áp lực của nước thắng trận như trường hợp ở Rwanda và Nam Tư gần đây.

Sau thế chiến thứ II, các nhà nước đồng minh thắng trận thiết lập một tòa án quân sự (gọi là Tokyo Trial) để truy tố một số người Nhật (chính xác là 28 cá nhân) đã có hành động phạm tội chiến tranh như giết người hàng loạt tàn bạo, hãm hiếp, tra tấn tù nhân chiến tranh, v.v.. Kết quả là một số người bị tuyên án tử hình (bằng cách treo cổ) và tù chung thân. Phiên tòa này làm cho toàn nước Nhật kinh hoàng và sốc, vì người Nhật không tưởng tượng nổi cha ông của họ đã phạm những tội tày trời như thế [12].

Nhưng song song với truy tố tội phạm chiến tranh, các nước đồng minh cũng đề ra Kế hoạch hòa bình Marshall (Marshall Peace Plan), mà theo đó, Mỹ viện trợ cho một Nhật và một số nước châu Á dưới hình thức đầu tư kinh tế và hỗ trợ kỹ thuật.

Trong trường hợp Việt Nam, dù một số lính Mỹ đã phạm những tội ác chỉ có thể gọi là tội phạm chiến tranh (như vụ Mỹ Lai và gần đây nhất là vụ một số lính biệt kích Mỹ sát hại thường dân ở Quảng Nam do tờ *Toledo Blade* phanh phui), nhưng chưa một lính Mỹ nào hay giới chức cao cấp nào trong chính phủ Mỹ bị truy tố vì tội phạm chiến tranh.

Trong Hiệp định hòa bình Paris 1973, Mỹ đồng ý tham gia vào cuộc tái kiến thiết sau khi chiến tranh chấm dứt. Theo Hiệp định này, Mỹ sẽ viện trợ cho Việt Nam 3,25 tỉ Mỹ kim trong vòng 5 năm, và thêm vào đó là viện trợ dưới các "hình thức khác" trị giá 1,5 tỉ Mỹ kim [13]. Không có điều khoản nào nói đến việc bồi thường cho các nạn nhân chất độc da cam. Trong một thư tháng 2 năm 1973 Tổng thống Richard Nixon viết cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng, ông cho biết Mỹ sẽ góp phần giải quyết các trường hợp mất mát, di tản vì chiến tranh và cống hiến vào công cuộc phát triển công nghiệp ở miền Bắc Việt Nam [14]. Nhưng trong thực tế cho đến nay Mỹ chưa thực hiện những lời hứa này.

Phương tiện công lí

Đầu năm ngoái (2004), Hội nạn nhân chất độc da cam đã đệ đơn kiện các công ti hóa chất Mĩ (các công ti này từng có hợp đồng với Bộ quốc phòng Mĩ để sản xuất hóa chất sử dụng trong cuộc chiến). Các công ti này bị truy tố với 10 tội phạm, kể cả tội phạm chiến tranh, làm lợi bất chính, gây thương tích cho thường dân, v.v... Vụ kiện đã gây được chú ý của thế giới về nạn nhân dioxin ở Việt Nam (bởi vì trước đây nói đến dioxin người ta chỉ nghĩ đến cựu chiến binh Mĩ). Dư luận thế giới đồng loạt và nhiệt tình đứng về phía các nạn nhân. Hàng triệu chữ kí của công dân khắp năm châu là một biểu hiện sự ủng hộ của họ dành cho nạn nhân Việt Nam.

Sau một thời gian ngắn nghe bằng chứng từ phía nguyên đơn và bị đơn, ngày 10/3/2005, Thẩm phán Jack Weinstein thuộc tòa án địa hạt Brooklyn, New York, công bố phán quyết trong một tài liệu dài 233 trang [có thể xem tại :

http://www.ffrd.org/AO/10_03_05_agentorange.pdf].

Trong bản phán quyết dài và phức tạp, ông Weinstein đề cập đến các trường hợp kiện cáo trước đây, đến các khía cạnh lí thuyết của luật pháp Mĩ và luật pháp quốc tế, và kết luận rằng : "*Các yêu sách của phía nguyên đơn không có cơ sở pháp lí dưới bất cứ luật nội địa, hay luật quốc gia, hay luật tiểu bang, hay luật quốc tế. Vụ kiện không được xét xử.*" (There is no basis for any of the claims of plaintiffs under the domestic law or any nation or state or under any form of international law. The case is dismissed.)

Phán quyết của Weinstein đang được phía nguyên đơn thách thức bằng một kháng kiện mới. Trong lúc đó, dư luận thế giới cũng lên tiếng đòi chính phủ Mĩ và các thành phần can dự vào chiến dịch phun chất độc phải có trách nhiệm bồi thường nạn nhân Việt Nam. Chính phủ Mĩ tuy không phủ nhận việc làm sai trái của họ trong thời chiến, nhưng cho đến nay họ vẫn chưa có hành động cụ thể trong việc bồi thường chiến tranh. Năm 1997, Đại sứ Mĩ tại Việt Nam lên tiếng chất vấn bằng chứng khoa học về tác hại của chất độc da cam ở Việt Nam [15].

Hiện nay, giới chuyên môn đề cập đến ba "hành lang công lí" cho nạn nhân chất độc da cam tại Việt Nam : Tòa án công lí quốc tế (International Court of Justice, ICJ), các tòa án trong nước (Việt Nam), và một quỹ tài trợ quốc tế. Tòa án công lí quốc tế hay Tòa án tội phạm quốc tế (International Criminal Court) có lẽ không phải là nguồn thực tế trong trường hợp Việt Nam, vì như nói trên, chỉ khi nào Mĩ chấp thuận cho kiện thì Việt Nam mới đệ đơn được. Và lại, cho đến nay Mĩ vẫn không phê chuẩn và công nhận hai tòa án này. Chính phủ Việt Nam có thể khởi tố chống lại các giới chức trong chính phủ Mĩ từng tham dự vào chiến dịch phun chất độc trong thời chiến qua tòa án Việt Nam, nhưng có lẽ điều này cũng không

thực tế, bởi vì các quan hệ địa chính trị và ngoại giao.

Theo suy nghĩ của người viết bài này, chỉ còn một cách thực tế là thiết lập một quỹ tài trợ quốc tế cho nạn nhân chất độc da cam tại Việt Nam. Quỹ này sẽ do các nước trên thế giới từng tham chiến ở Việt Nam, kể cả có lẽ phần lớn từ Mỹ, đóng góp. Quỹ nên được một hội đồng quốc tế đứng ra quản lý và điều hành dựa vào những tiêu chí nghiêm ngặt mà mọi bên đều nhất trí.

Hình thức bồi thường

Khi nói đến “bồi thường”, chúng ta cần xác định rõ rằng bồi thường không có nghĩa đơn giản là cung cấp tiền bạc cho nạn nhân (như Bộ cựu chiến binh ở Mỹ đang làm đối với các cựu chiến binh được công nhận là bị phơi nhiễm chất độc) mà còn phải bao gồm nhiều hình thức cộng đồng khác nữa. Ở đây, tôi xin đề nghị một vài định hướng chung như sau (những ý kiến này đã được phát biểu trong trả lời phỏng vấn của phóng viên báo Lao Động vào tháng 8 năm 2004) mà một quỹ tài trợ quốc tế như đề cập trên có thể làm :

Thứ nhất, bồi thường cho những nạn nhân bị nhiễm chất độc và bị những bệnh được công nhận là do chất độc da cam hay dioxin gây ra. Nên nhớ rằng năm 1984, các công ti hóa học [có liên quan đến việc sản xuất và cung cấp chất độc da cam cho quân đội Mỹ] đồng ý bồi thường cho các cựu quân nhân Mỹ một số tiền khoảng 180 triệu Mỹ kim). Hình thức bồi thường có thể bao gồm việc điều trị những bệnh được công nhận là do phơi nhiễm chất độc gây ra (như ung thư, dị tật bẩm sinh, tiểu đường, bệnh da, v.v.), tạo công ăn việc làm cho những cư dân trong các vùng bị nhiễm (như lập ra những trường hay trung tâm dạy nghề theo mô hình của trung tâm do ông Trần Duyên Hải điều hành ở Hà Nội), lập bệnh xá và trường học để nâng cao đời sống vật chất và trình độ văn hóa cho nạn nhân và cư dân tại những nơi bị nhiễm chất độc.

Thứ hai, quỹ nên bỏ ra một số ngân khoản để làm sạch môi trường tại những nơi bị nhiễm nặng như Biên Hòa, A Lưới, A Sao, v.v. Hiện nay, kết quả của nhiều nghiên cứu cho thấy tại các địa điểm này, nồng độ dioxin rất cao, có khi cao hơn 130 lần nồng độ an toàn cho phép, vì chất độc đã lắng đọng xuống lòng đất, nhất là các nơi bùn lầy. Do đó, nhu cầu làm sạch môi trường tại những nơi này phải được xem là một ưu tiên hàng đầu.

Thứ ba, quỹ tài trợ nên hỗ trợ và giúp đỡ thành lập một viện nghiên cứu quốc tế về chất độc da cam và dioxin. Viện sẽ qui tụ nhiều chuyên gia trên thế giới về hóa học, y học, môi trường học và dịch tễ học để tiến hành những nghiên cứu cơ bản cũng như nghiên cứu lâm sàng xác định cơ chế tác hại của dioxin và chất độc da cam trên con người và môi trường. Viện cũng có thể phục vụ như là một

trung tâm đào tạo các nhà khoa học tương lai chuyên về môi trường học và y tế - môi trường học. Đây là một việc làm mang ý nghĩa quốc tế vì nó sẽ cung cấp thông tin khoa học quý báu vào kho tàng tri thức của con người về tác hại của dioxin.

Thứ tư, ngay bây giờ chính phủ Mỹ và các công ti hóa học Mỹ có thể tài trợ để Việt Nam có thể tiến hành thu thập dữ kiện khoa học về tác hại của chất độc da cam tại Việt Nam. Nghiên cứu này nhằm vào mục tiêu phát triển cho được một phương pháp để ước định mức độ phơi nhiễm chất độc cho từng cá nhân trong những vùng từng bị ảnh hưởng chất độc; thiết lập mối liên hệ giữa mức độ phơi nhiễm chất độc da cam và các bệnh như ung thư, dị tật bẩm sinh, tiểu đường, và ti lệ giới tính ; và thẩm định tác hại của dioxin hay chất độc da cam đối với cấu trúc di truyền (gen) trong các nạn nhân thuộc thế hệ thứ hai và thứ ba. Trong suốt gần 30 năm sau khi chiến tranh chấm dứt, trên các diễn đàn khoa học quốc tế số lượng bài báo khoa học liên quan đến chất độc da cam từ Việt Nam còn cực kì khiêm tốn (chưa đến con số 10). Phần lớn những nghiên cứu này chỉ ở dạng mô tả, chưa đi sâu vào vấn đề. Do đó, đây là một nhu cầu cấp bách, bởi vì dù qui mô lớn như thế nhưng tác hại của chất độc da cam và dioxin trong đồng bào Việt Nam từng bị phơi nhiễm chất độc trong thời chiến cho đến nay vẫn chưa rõ ràng.

Cái nghịch lí của công lí quốc tế là công lí thường thuộc về kẻ mạnh. Cho nên dù văn bản, qui ước quốc tế qui định rõ ràng về tội phạm chiến tranh, cho đến nay chẳng có một quan chức cao cấp nào trong bộ máy chiến tranh của Mỹ bị trừng phạt, hay bị kỉ luật, bởi những tội phạm mà chính họ ra lệnh. Người Mỹ cũng không dạy cho con em họ rằng Mỹ có khả năng vi phạm những qui ước chiến tranh, rằng Mỹ đã từng gây nên những tội phạm chiến tranh. Điều này chẳng những là một sỉ nhục đến những người vô tội đã nằm xuống mà còn là một sỉ nhục đến lịch sử. Nó làm tổn hại đến quyền lợi quốc gia của Mỹ. Nếu những quan chức cao cấp bị trừng trị vì những tội phạm chiến tranh tại Việt Nam, thì có lẽ thế giới sẽ không có những xì-căng-đan trong nhà tù Abu Ghraib ngày nay.

Nhưng ở đây vấn đề còn có một ý nghĩa lớn hơn. Trong tương lai khả năng mà nước Mỹ gây ảnh hưởng tích cực đến thế giới tùy thuộc vào uy tín đạo đức của con người, vào khả năng ghi nhận rằng không chỉ Mỹ mà còn có nhiều người khác trên hành tinh này cũng có quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc như người Mỹ. Nước Đức thời hậu chiến ghi nhận trách nhiệm về tội ác của Đức trong thế chiến thứ II, không chỉ vì nạn nhân của chiến tranh, mà còn vì tương lai nước Đức. Người Đức hiểu rằng một quốc gia không dám

nhìn nhận cái sai trái của mình trước con em mình và trước thế giới thì không thể nào khôi phục đạo đức được.

Nước Mĩ sẽ không thể nào khôi phục vị thế đạo đức trên trường quốc tế hay quên được nỗi ám ảnh cuộc chiến Việt Nam, nếu họ không dạy cho con em họ rằng nước Mĩ là tác nhân tạo nên những thảm trạng ngày nay ở Việt Nam, và Mĩ đã vi phạm các qui tắc chiến tranh. Nếu Mĩ muốn trở thành một quốc gia được xây dựng trên nền tảng sự thật, họ nên bắt đầu với một trong những chân lí quan trọng nhất : đó là phải nhận lãnh trách nhiệm về những cái chết và tác hại do chất độc da cam gây ra tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

[1] Nguyễn Văn Tuấn. *Chất độc da cam, dioxin và hệ quả*. Nhà xuất bản Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh : 2004.

[2] "Vietnam : 'The Biggest Chemical War' in History", *Le Nouvel Observateur*, số ra ngày 14/3/2004. Ngoài ra, Tháng Tư năm 2002, một cuộc hội thảo khoa học tại Đại học Yale, qui tụ nhiều nhà khoa học môi trường hàng đầu trên thế giới, họ xem xét và đánh giá những bằng chứng nghiên cứu khoa học mới nhất, và đi đến kết luận rằng chiến dịch phun hóa chất da cam trong thời chiến là một "*cuộc chiến tranh hóa học lớn nhất trong lịch sử nhân loại*."

[3] Section 2, Chapter 1, Article 23 of Convention (IV) respecting the Laws and Customs of War and Land and its annex : Regulations concerning the Laws and Customs of War on Land. The Hague, 18 October 1907.

[4] Tài liệu đã dẫn số 3, Article 22.

[5] Protocol for the Prohibition of the Use of Asphyxiating, Poisonous or Other Gases, and of Bacteriological Methods of Warfare. Geneva : 17 June 1925.

[6] Herby P. Chemical Weapons Convention enters into force. *International Review of the Red Cross*, vol 317 (1997), page 208. www.icrc.org/ihl (ngày truy nhập : 30/7/2003).

[7] Part 2, Article 8 of the Rome Statute of the International Criminal Court, 17 July 1998.

[8] Article 5 of the European Convention for the Protection of Human Rights and Fundamental Freedomes, 3 September 1953.

[9] Article 10 of the American Convention on Human Rights, 18 July 1978.

[10] Article 3 of the Hague Convention of 1907.

[11] Article 79 of the Rome Statute of the International Criminal Court.

[12] Yahuda M. *The International Politics of Asia-Pacific, 1945-1995*. London : Routledge, 1996, trang 47.

[13] Lưu Văn Lợi và Nguyễn Anh Vũ. *Le Duc Tho – Kissinger Negotiations in Paris : The Gioi Publishing House, 1996. Trang 506-7.*

[14] Sách đã dẫn, tài liệu 13, trang 558-9.

[15] Ha Thang. *US Ambassador denies Agent Orange victims link. Vietnam Investment Review. Issue 296, 16 June 1997.*

Xem phim mới của Hồ Quang Minh

Thời xa vắng

Điện ảnh Việt Nam vẫn chìm đắm trong cơn bệnh trầm kha, nhưng năm qua, đã sản xuất ra hai tác phẩm giá trị, được nhiều liên hoan phim quốc tế vinh danh : *Mùa len trâu* và *Thời xa vắng*. Ngẫu nhiên hai cuốn phim này có nhiều trùng hợp : cả hai tác giả đều tên Minh (đạo diễn phim đầu là Nguyễn Võ Nghiêm Minh, phim sau là Hồ Quang Minh), đều là "Việt kiều" (*) (một ở Pháp rồi Hoa Kỳ, một ở Thụy Sĩ), sau nhiều năm hoạt động khoa học (họ Nguyễn về vật lí, họ Hồ về hoá học), vì đam mê đã chuyển sang điện ảnh. Và họ đều thành công (tuy chưa có bằng... tiến sĩ điện ảnh !).

Khác nhau : *Mùa len trâu* là phim đầu tay của Nguyễn, *Thời xa vắng* là tác phẩm thứ 4 của Hồ. Không kể *Trang giấy trắng* (mà người viết bài chưa được xem), *Thời xa vắng* nối tiếp *Con thú tật nguyền* (câu chuyện xảy ra ở Nam Bộ), *Bụi hồng* (Trung Bộ), hợp thành một bộ ba. Khung cảnh của *Thời xa vắng* (chuyển thể từ cuốn tiểu thuyết cùng tên của Lê Lựu) là nông thôn Bắc Bộ, từ cuối kháng chiến lần thứ nhất đến cuối kháng chiến chống Mĩ. Nhân vật trung tâm là Giang Văn Sài, từ một cậu bé 12 tuổi con nhà "cách mạng" bị tảo hôn, lấy chị Tuyết 18 tuổi (con nhà "phản động"), lớn lên tham gia bộ đội. Sài nhất quyết không yêu vợ mà yêu Hương, cô bạn học. Nhưng để phấn đấu vào Đảng, Sài phải từ bỏ tình yêu, phải thương vợ, đẻ con... Cuối cùng, nhân vật gương mẫu ấy "chưa" được kết nạp cũng chỉ vì lí lịch gia đình "tì vết" của chị vợ.

Qua ngòi bút của Lê Lựu, Sài đã trở thành nhân vật nổi bật và nổi tiếng của văn học Việt Nam. Từ danh từ riêng, Sài đã trở thành một danh từ chung. Chính vì vậy, mà suốt 10 năm qua, nghe tin Hồ Quang Minh, lớn lên ở thành thị miền Nam và Tây Âu, áp ủ dự định đưa Sài và cả một "thời xa vắng" lên màn ảnh lớn, thú thực là tôi rất lo. Làm sao hiểu được thực tế xã hội học – chính trị của nông thôn miền Bắc (tập tục thời "phong kiến", cuộc cải cách ruộng đất, chủ nghĩa lí lịch...) và chia sẻ với khán giả của ngày hôm nay ? Tìm đâu ra diễn viên nào thể hiện nổi vai Sài bất hủ kia ?

Với tất cả sự thận trọng, tôi xin khẳng định là Hồ Quang Minh đã hoàn toàn thành công. Thế giới nông thôn đồng bằng sông Hồng qua mấy thập niên đảo lộn và chiến tranh đã được tác giả thể hiện một cách sống động, đúng mức và hiệu quả. Và nhân vật Sài, từ ngoại hình, giọng nói cho đến cử chỉ, cái nhìn, tất tật đều "Sài" trăm phần trăm. Bên cạnh, các nhân vật khác đều được phân vai đích đáng, đội ngũ diễn viên đều thể hiện đúng mức, không rơi vào nạn "cái lương" của nhiều phim Việt Nam.

Thời xa vắng đã được trao giải Emile Guimet tại Liên hoan phim Á châu tại Vesoul (Pháp) mùa xuân vừa qua, và vinh danh tại Liên hoan Singapore mới đây.

Kiến Văn

(*) Hồ Quang Minh thuộc lứa U60, sang Thụy Sĩ học và làm việc khoảng 15 năm, về nước đã gần 20 năm, nhưng vẫn "được" gọi và coi là "Việt kiều". Tôi trộm nghĩ tới một người 50 tuổi về nước sau 30 năm ở nước ngoài, không thấy ai gọi là "Việt kiều".

Tường Anh

Một chùm đoản văn

Ngôi bệt hay ngôi xôm

– Việt Nam có cái gì không đâu có ?

Anh bạn Tây từng du lịch ba lô khắp năm châu ngẫm nghĩ :

– Cái ghế.

Tây ngồi ghế dựa, salông. Tàu có ký, đôn, sập. Nhật thì ngồi phệt hay quỳ trên chiếu. Thái Lan có gổi tựa... Cái ghế riêng của Việt Nam không thêm giống bất cứ thứ gì như thế.

Nó là cái ghế con, cao hơn mặt đất chừng mười phân, thỏa hiệp giữa ngôi phệt và ngôi xôm. Trước đây nó được đóng bằng gỗ, bây giờ đúc nhựa, hình dáng chất liệu có thay đổi, nhưng cái chiếu “cao không tới, thấp không thông” vẫn được bảo lưu. Ngôi trên cái ghế con, trừ bọn trẻ lên hai lên ba không kể – mà bọn này lại chẳng bao giờ chịu ngồi – thì người thấp bé đến đâu cũng thấy chân mình còn dài, đầu gối quá tai, lưng gù xuống, bụng ép lại, ăn uống hay làm gì cũng bất tiện. Ấy thế mà ghế con nhà ta cứ nghiêm nhiên trường tồn.

Bà bác tôi ngoài 70 tuổi, theo con cháu sang định cư ở Mỹ, trong nỗi nhớ nhà ngày nào cũng ước ao có cái ghế con. Tưởng tượng bà già nhặt rau muống giúp con mà đứng sòng lưng bên bàn bếp, hay ngồi so chân trên salông... kiểu gì cũng không hợp. Bà phải ngồi xôm, đặt rổ rau xuống đất ngút từng cọng mới đã ghiền. Mà ngôi lâu thì mỏi, lại thiếu lại thêm cái ghế con cao nửa gang tay vừa vặn in vào mông.

Tưởng tượng một cái bếp lửa nhà quê với ba ông đầu rau mà thiếu ghế con, làm sao ngôi lâu hàng giờ củi rơm canh lửa, sang đến thời bếp tổ ong, bếp dầu cũng thế. Thiếu ghế con biết ngôi thế nào để bằm bèo, sàng gạo, để mạng áo rách hay xõa tóc trước sân cho trẻ con nhổ tóc sâu ? Có hàng bún miến rong nào thiếu mấy cái ghế con lủng lẳng đầu quang gánh, hàng ăn vỉa hè, quán chè chén... nào cho khách ngôi ghế cao ? Ghế con hơn mọi thứ ghế trên đời ở cái đúc cơ động và gọn nhẹ, vừa rế lại bền, nói khoa trương thì nó linh động hợp cơ chế thị trường. Có thể mà Tây Tàu Mĩ Nhật, cả dân chuyên ăn ngoài đường như Thái Lan cũng không nghĩ được ra !

Ghế con là sản phẩm đặc Việt, giống như chổi lúa chổi tre, tạo cái dáng đặc biệt cho người sử dụng nó là... lom khom. Bảo bất tiện thì không hẳn, mà tiện nghi cũng chẳng phải, một thứ nhanh trí “cái khó ló cái khôn”, vẫn minh thỏa hiệp nửa vời.

Thương lắm cái ghế con như thương một thời lam lũ, thương bà mẹ mình giữa buổi thừa tiện nghi vẫn nhặt nhanh từng vỏ hộp, biết đâu nhỡ khi cần. Nhưng cũng giận cái ghế con giữ người luẩn quẩn ngồi bệt hay ngồi xôm, chẳng cất mình, thẳng vai lên nổi.

Bao giờ cái khôn đi trước chứ không chỉ ló ra từ cái khó, để có thể triu mến nhìn ghế con xếp trang trọng ở bảo tàng ?

Một bát đầy đủ

1. Vào hàng, Y thường đồng dạc gọi “Một bát đầy đủ”.

Bát bún đầy đủ gồm có : giò bì, thịt bò tái, chả cá, đậu phụ rán, ốc to ốc nhỏ, hành phi, cà chua, giá, ớt chung, hành răm... Chị bán hàng nêm mắm tôm, bột gia vị, nhanh tay hắt vào thìa mì chính đầy. Tấm biển gỗ treo đầu gánh viết phấn nguệch ngoạc : “Bún Riêu gánh đặc biệt”. Nó không nói thì khách cũng khó biết mình đang ăn gì. Bời bát bún riêu ấy có đủ cả, chỉ thiếu đúng một thứ, đó là riêu.

2. Gà Diêu Trì năm 1980, lần đầu tiên Y được ăn và nguyên con gà. Con gà ri độ một cân, trong mắt Y – đưa trẻ đến lúc ấy chỉ biết miếng thịt gà vào dịp lễ tết – là một khối ngọt ngào vĩ đại, ấm nóng, với làn da căng vàng óng mỡ, ngậy ngậy mùi cốm nếp. Y chén ngấu nghiến cổ cánh, chậm dần ở phần ức nhiều nạc, từ từ đến hai đùi thì ngắc ngư dừng lại. No quá không thể ăn thêm miếng nào. Y cầm khur khur miếng thịt gà, rom róm nước mắt không buông xuống được. Bớ Y an ủi thôi để bữa sau. Bữa sau hai cái đùi gà bị thiu vì trời nóng. Y vừa khóc nước nỏ, vừa tự tay quẳng đi cái phần mình thích nhất nên đã cố nhịn để dành. Đang thiếu mà bị thừa, cũng là một bi kịch.

3. Hai cái đùi gà thiu mấy chục năm còn nguyên trong ký ức, thủ thi thủ thi rằng đừng có dại mà để dành. Bây giờ chỉ sợ thừa không sợ thiếu. Thịt bò với giò bì ở ạt xâm lảng vào hầu hết các loại bún. Hành tỏi phi, dầu mỡ ngập vông các đĩa xào. Một bát đầy đủ, hoành tráng, có thịt có cá, có cả rau đậu, chua cay mặn ngọt, thượng đế thích gì cũng chiều. Nói chung chẳng có gì để phàn nàn, chỉ thiếu một thứ, giống như là bún riêu đầy đủ thiếu tí riêu.

4. Hàng Bún Riêu quen của Y dọn ngay dưới bia Cầm Thù, tưởng niệm những nạn nhân từ hồi Pháp đánh vào Hà Nội. Nửa thế kỷ, nhiều thứ lớn lao hơn còn thay đổi cho hợp thời cuộc, hưởng hồ một bát bún riêu. Chị bán hàng tuy thế không ngày nào quên đặt hoa dưới chân bia cầu buôn may bán đắt. Khói hương quyện với khói từ nồi nước dùng có dấm bỗng và mắm tôm níu chân người qua đường.

Gánh bún Riêu không riêu cứ đất hàng.

Xin tí tình nhân loại

Chuyện xảy ra ở một quán đặc sản thịt dê.

Hôm ấy ba cô giáo dạy văn rủ nhau đi nhậu. Các cô

kén chọn mãi mới được địa điểm phù hợp, nghĩa là vừa có cái phóng túng của một quán nhậu đích thực, vừa lãng mạn tình quê, mà giá cả lại hợp túi tiền. Các cô vừa nhỏ nhẹ nhúng rau vào nồi lẩu, vừa tâm sự chuyện chị em. Lúc ấy thì xảy ra sự cố.

Có một gã mặt nhăn thính ngời bàn bên tự dung cầm chén nháy sang :

– Em xin thưa với các bà chị là mấy thằng bạn em nó về trước, em ngồi một mình cô đơn quá nên xin phép các bà chị cho em ngồi cạnh.

Ba cô giáo nhìn nhau. Cô áo đỏ lịch sự :

– Xin lỗi anh, nhưng chúng tôi đang nói chuyện riêng tư, có lẽ không tiện lắm...

Gã xoa tay, cười hình hịch :

– Không sao. Các bà chị cứ vô tư đi. Em chỉ xin ngồi đây cho đỡ cô đơn thôi.

Nói chung văn chương thích cô đơn, nhưng đây là chuyện chị em khó chia sẻ, nên các cô giáo dạy văn cố gắng chuyển khối cô đơn sang bàn khác :

– Anh thông cảm sang bàn bên kia. Đây, toàn đàn ông để nói chuyện với nhau hơn.

Bàn kia 3 nam nhi nói với sang :

– Ấy, không được. Ở bên ấy cho có âm có dương, âm dương cân đối mới hay.

Không có cách gì bày được kẻ cô đơn đi chỗ khác. Câu chuyện của ba cô giáo vẫn chết tắc ở đoạn sâu thẳm nhất. Các cô dần lòng nói sang chuyện nắng mưa. Kẻ cô đơn xăng xái rót rượu, vụng to nồi lẩu của các cô, gọi phục vụ tiếp rau tiếp nước dùng, tự nhiên như đã quen từ thuở nào :

– Hầy, các bà chị cứ tâm sự tự nhiên. Em chỉ xin ngồi đây thôi. Em cũng không ăn gì của bà chị. Em chỉ xin tí tình nhân loại... Bà chị ghét thằng em, nhưng cũng có lúc phải cần đến đàn ông đấy. Bà chị không sống một mình được đâu. Nào, chạm cốc với bà chị cái !

Ba cô giáo có thể làm gì với cái tình nhân loại phùng phục hơi men này ?

Những lời tục tĩu tuôn ra mỗi lúc một phong phú. Không ai dây vào cả. Cũng không ai ngạc nhiên chuyện vật vạ quán xá này.

Ba cô giáo nhăn nẻi chạm cốc với gã, cười méo miệng. Các cô vẫn giảng văn cho học sinh về nỗi cô đơn, thèm tình người của Chí Phèo làng Vũ Đại, gã vừa xấu, vừa nghèo, lại bị Bá Kiến ức hiếp nên tha hóa... Còn bây giờ, các cô giáo phải tập làm quen với anh Chí thời nay, mặt mày nhăn nhui, không thiếu tiền, chỉ thiếu tí tình nhân loại xin đều ngoài đường.

Truyện không dám viết

Ông nhà văn ngồi trước bàn thịt chó đây ụ mà mặt không tươi. Cô em cùng đi kín đáo bảo phục vụ dọn bát rửa mặt ninh nhừ, phòng khi anh ấy răng bất tòng tâm, không nhai được cũng còn tí nước chấm mát. Nhưng nhà

văn vẫn tự lự, vậy là biết không phải vì những thứ trần tục như thịt chó.

- Không viết thì nó cứ anh ách trong bụng...
- Anh ăn đi !
- ...mà viết ra chắc không thẳng nào dám in.
- Miếng này mềm đây này.
- Hóc, hóc thật đấy... Không, anh không nói chuyện thịt. Văn chương, em không hiểu được đâu.

Truyện để đời mà ông nhà văn định viết là về một tình yêu sét đánh. Chàng trai đi rừng, gặp cô gái, gặp mưa, và gặp hang. Không, ông nhà văn thế là không bịa tí nào. Đây là định mệnh, giống như trên tivi, phim ảnh, bao giờ trai gái yêu nhau cũng có mưa dầm dề, nhất là với những mối tình chân chính và ngang trái. Trở lại chuyện cái hang trú mưa, trai tài gái sắc suôi ấm cho nhau triệt để, đến lúc tạnh mưa thì cô gái phải đi gấp. Cô đi rồi chàng trai mới phát hiện ra một cái túi đầy hàng lậu quý giá. Rồi chàng lại phát hiện thêm mình chẳng biết gì về cô gái cả, tên, tuổi, địa chỉ, hoàn toàn không. Phát hiện sau cùng choáng váng nhất, là chàng thấy mình phải lòng cô gái vô danh có bọc hàng lậu ấy. Suốt mười lăm năm, ngày nào chàng cũng đến cái hang để chờ cô quay lại. Chàng sợ cô không tin chàng, sợ cô nghĩ chàng đã lợi dụng thân xác cô để chiếm đoạt bọc hàng lậu, hay chàng sẽ bắt cô vì tội buôn lậu... chẳng nào thì kết thúc cũng éo le.

- Tường gì. Anh ăn đi. Chuyện yêu đương bây giờ in đây, cả chùa hoang cũng có.
- Nhưng mà đây nó khác. Nhân vật của anh là lính. Lính, em hiểu chưa ?
- Lính thì sao ?
- Lính ngủ với gái buôn lậu. Em hiểu không ? Vấn đề là ở chỗ ấy. Ai dám in, nào !
- Ừm. Rắc rối nhi... Hay là anh chữa đi, cho làm dân thôi. Dân thường thì ngủ với nhau không vấn đề gì đâu.
- Em chẳng hiểu gì cả. Phải là lính mới hay. Phẩm chất. Trong sáng. Đấu tranh quyết liệt giữa tình yêu và trách nhiệm. Ý nghĩa ở đây, chứ dân thường thì còn gì là tư tưởng nữa, hờ giờ !
- Ừ thì lính. Nhưng đừng để ngủ, chỉ cầm tay thôi vậy. Cầm tay thì vẫn còn trong sáng chứ ?
- Em có hiểu gì về lính không hả ? Lính tráng vào hang với gái mà đụt thế à ? Phải thế nào mới làm gái buôn quên cả bọc hàng lậu chứ ! Trời ơi, nó khỏe khoản, hùng tráng, hết mình ! Chứ lại chịu cầm tay suông à ! Hừ !
- Khổ thân cái cậu lính nhà anh. Đầu tiên thì khăng khăng lính không được ngủ, rồi lại phải ngủ mới đúng là lính. Thế cuối cùng phải làm sao ?

Ông nhà văn thờ dài. Đĩa thịt chó cuối cùng cũng hết.

TƯỜNG ANH

Tuổi của chó

Nguyễn Nguyễn Phước

Bạn tôi tên là Tiến. Đó không phải lỗi của anh. Trong nhà anh, tất cả đàn ông đều tên là Tiến. Đàn bà tất nhiên chẳng ai tên là Tiến. Đàn bà trong nhà Tiến không có tên. Vì họ là đàn bà. Người ta không gọi đàn bà bằng tên. Người ta gọi đàn bà là đàn bà.

Tiến là sinh viên của một trường đại học nào đó mà tôi không biết tên. Thực ra tất cả các trường đại học đều giống nhau. Bởi vậy trường đại học không có tên. Người ta gọi trường đại học là trường đại học. Tiến say mê văn hóa cổ đại. Đây là tôi nghe nói thế, chứ tôi chưa bao giờ thấy Tiến nhắc đến văn hóa cổ đại. Đôi khi rất bất tiện nếu phải gọi điện đến nhà anh, sẽ chẳng biết gặp ai vì tất cả đàn ông đều tên là Tiến.

Bạn tôi tên là Tiến. Những người đàn ông tên là Tiến đều có khuôn mặt ưu tư. Họ lo lắng điều gì, tôi chẳng biết. Tôi hay nghĩ, nếu Tiến không tên là Tiến, hẳn anh sẽ không thể sống được trong cái gia đình mà tất cả đàn ông đều tên là Tiến. Tất nhiên đó chẳng phải lỗi của anh. Ở lớp học chúng tôi có ba người tên là Tiến nhưng điều đó chẳng gây ra một rắc rối nào. Cũng có khi thầy giáo gọi Tiến lên bảng, cả ba đều giật mình. Năm học lớp tám, vì một cuộc cãi vã với gia đình, Tiến bỏ nhà ra đi. Cậu sống cùng một đứa bạn cũng tên là Tiến, bỏ học từ năm lớp sáu. Cả hai sống trong một căn nhà ổ chuột ngoài đê sông Hồng và kiếm sống bằng nghề gánh than thuê cho đến khi gia đình Tiến tìm thấy cậu. Vì có một sự nhầm lẫn đặc biệt nào đó, hay cũng có thể một phép màu đã xảy ra, đứa trẻ mà bố mẹ Tiến đưa về không phải con trai của họ, mà là thằng bé gánh than sống ở ngoài đê sông Hồng. Sự nhầm lẫn này lẽ dĩ nhiên chẳng ai phát hiện ra vì cả hai đều tên là Tiến và sau gần hai tháng sống chung, chúng giống nhau như hai giọt nước.

Bạn tôi tên là Tiến. Năm lớp tám, tôi và cậu đi bộ trên cầu Thăng Long. Đến giữa cầu, Tiến trèo lên thành cầu, nhằm thẳng sông Hồng nhảy xuống. Xác Tiến được vớt lên, không ai nhận ra, nhưng những người thân, bằng linh cảm, đều khẳng định đó là xác Tiến. Tôi cũng nghĩ đây là xác Tiến. Đám ma Tiến, hoa toàn màu trắng. Đến khi làm

giỗ bốn chín ngày thì Tiến trở về. Chẳng ai nhớ đến cậu. Người ta chỉ nhớ một đám tang rất to và đang bận làm cỗ bốn chín ngày. Tiến không chết, vì một lý do nào đó tôi không rõ. Năm Tiến mười chín tuổi, cậu được học bổng du học tại Pháp. Tiến có một người bạn gái học kinh tế ở Mỹ. Họ quen nhau qua một forum, biết mặt nhau qua những file ảnh jpeg, và nói chuyện với nhau qua Yahoo Messenger. Thình thoảng họ giận dỗi nhau vì những chuyện không đâu. Tiến mong đến ngày ra trường và đi làm ở Thụy Sĩ. Cậu hy vọng sẽ có một triệu Mỹ kim trước tuổi ba mươi và nghỉ hưu non ở một trang trại ngoại thành Hà Nội. Bạn gái Tiến mơ ngày mở một quán café ở một phố nào đó gần khu trung tâm; hàng ngày, cô sẽ quản lý quán café và nếu có thời gian rảnh rỗi cô sẽ ngồi đọc những tác phẩm văn học và triết học cổ điển phương Tây.

Bạn tôi tên là Tiến. Anh bốn mươi hai tuổi và hiện làm giám đốc chi nhánh tại Hà Nội của một công ty đa quốc gia có trụ sở chính đặt tại Sài Gòn. Anh có một vợ và hai con, đứa con trai mười tuổi đang học tiểu học và một đứa con gái bốn tuổi đang học mẫu giáo lớn. Anh có một cô bồ là sinh viên năm cuối trường Đại học Ngoại thương, quê Nam Định, làm part-time tại công ty tôi. Đó là một cô gái tóc xoăn, trán dô, mũi hếch và nhiều cá tính. Họ làm tình với nhau vào những buổi trưa tại một khách sạn cách chỗ làm của anh ba con phố. Đôi khi vào những ngày nghỉ cuối tuần, anh tìm được một lý do đặc biệt nào đó để đi với cô về một vùng quê ngoại thành Hà Nội nhưng những ngày cuối tuần kiểu như vậy rất hiếm vì thông thường Tiến phải dẫn vợ và hai đứa con đi ăn tối, uống cà phê, và xem phim vào mỗi tối thứ bảy. Anh hầu như chẳng nhớ nổi tên phim và thường đổ tại tính đang trí. Vợ Tiến làm phó giám đốc văn phòng đại diện của một hãng dược phẩm của Pháp. Chị mặc bộ vest màu xám, đi giày cao gót màu đen khiến tôi nghĩ đến ngoại trưởng Mỹ, Tiến sĩ Condoleezza Rice, và tự hỏi chị sẽ thế nào nếu khóa thân trên giường ngủ.

Bạn tôi tên là Tiến. Anh tin rằng có kiếp sau nên cứ vui vẻ mà sống. Anh theo đạo Phật, ăn chay vào ngày rằm và mồng một. Cũng có khi những ngày rằm và mồng một trùng với một đám cưới hay đám giỗ nào đó mà anh không thể từ chối. Anh đành phải ăn mặn và lùi ngày ăn chay chậm một ngày. Tiến tin rằng con người ta sinh ra trên đời là để mắc sai lầm. Bởi vậy thay vì lẩn tránh những lỗi lầm, anh luôn cố tình tìm đến nó. Anh phạm hết sai lầm này đến sai lầm khác, thình thoảng lại tự an ủi rằng nếu tránh được sai lầm này tất sẽ phạm sai lầm khác lớn hơn.

Vợ Tiến bắt đầu mệt mỏi. Chồng cô không phải là người như cô mong đợi. Cô bắt đầu chán những lời âu yếm trên giường trong những cuộc làm tình chớp nhoáng như một nghi thức xã giao. Cô chán những buổi tối thứ

bày đi xem phim cùng chồng và hai đứa con hay những ngày nghỉ cuối tuần ở Đồng Mô vào mùa hè. Cô chán những ngày chủ nhật và mong chóng đến thứ hai nhưng đến trưa thứ hai cô lại bắt đầu ngóng đợi ngày thứ bảy. Sếp cô là một người đàn ông khô khan. Anh tốt nghiệp Đại học ở Việt Nam, Cao học tại Pháp, lấy vợ năm ba mươi hai tuổi và có một đứa con trai đang học trường Quốc tế Pháp ngữ. Thịnh thoảng họ đi ăn trưa với nhau, anh than phiền về người vợ quá quắt của mình nhiều đến mức cô gần như thuộc lòng. Một thời gian sau, anh bỏ vợ và họ không còn ăn trưa với nhau nữa mặc dù cô đã rú rẩy nhiều lần nhưng anh đều kiếm cớ từ chối.

Bạn tôi tên là Tiến. Tiến đã gần bảy mươi tuổi. Ông hay nhớ đến thời kỳ cải cách ruộng đất, người bố chết trong tù và món com độn khoai của một bà góa làng bên. Sau cải cách, ông lên Hà Nội làm cu-li khuân vác ở bến Phà Đen rồi làm công nhân nhà máy dệt. Ngày mồng 9 tháng 12 năm 1989, người ta cho ông về hưu non với một tờ giấy ghi những điều mà ông không thể hiểu nổi. Ông sống cùng một con chó già trong căn nhà mười mét vuông cộng với bốn mét vuông coi nói thêm; nhà có một cái giường, một cái bàn nhỏ và ba cái ghế đẩu. Nhà tắm kiêm toa-let được làm thêm cách đây hai năm vì nhà xí công cộng của khu tập thể bị phá. Con chó già vốn là của một người bạn quá cố ; Tiến không biết nó bao nhiêu tuổi. Chỉ biết rằng nó rất già, lông rụng gần hết. Con chó già mỗi ngày ăn chỉ ăn được một bát com. Tiến ăn nhiều hơn nó hai bát. Mùa hè Tiến ăn ít hơn. Mùa hè từ con chó già bốc lên một mùi hôi thối tòm lợm. Con chó già chết vào một ngày mùa đông. Xác nó lạnh ngắt và không còn bốc lên bất cứ mùi hôi thối nào.

Bạn tôi tên là Tiến. Tôi không biết anh bao nhiêu tuổi. Anh làm thầy cúng ở một làng ngoại thành. Đôi khi theo yêu cầu của khách, anh lên đồng. Dân làng đồn rằng mỗi khi anh lên đồng, không những giọng nói, như thường thấy ở những đồng cô, thay đổi mà cả tính cách anh cũng thay đổi theo. Theo quán tính, Tiến sống cuộc đời của khách cho đến tận mấy ngày hôm sau. Nhiều khi anh lẫn lộn. Chẳng hạn, ngày hôm nay, anh lên đồng vào vai một cô gái trẻ, nếu còn sống đến ngày hôm nay thì có lẽ đã là một bà lão, bị chết đuối ở sông Hồng; rồi ngày hôm sau, anh nhập đồng thành một người đàn ông trung niên bị chết trong một tai nạn ô tô ; ngày hôm sau nữa, anh lại là một chàng thanh niên du học tự tử vì chứng trầm uất. Sẽ chẳng có gì đáng nói nếu như người đàn ông trung niên, giám đốc của một công ty trách nhiệm hữu hạn, không đột nhiên có những suy nghĩ của đứa trẻ con, chàng thanh niên chưa vợ suốt ngày than thở mệt mỏi như một người đàn ông có gia đình và cô gái nhỏ thì ưu tư như một bà già

sắp chết.

Bạn tôi tên là Tiến. Ngày mồng 1 tháng 4 năm 1997, vợ anh, chẳng có một lý do nào cả, cùng hai đứa con bỏ anh ra đi với một người đàn ông nào đó mà anh không biết tên. Từ đó trở đi anh sống một mình với con chó nhỏ. Vào buổi tối, Tiến hay mua com bụi ở quán bà Năm béo đầu ngõ, gói vào túi nylon rồi mang về nhà chia cho con chó cùng ăn. Một năm sau, Tiến bỏ việc, kiếm sống bằng nghề bán sách cũ. Phần lớn thời gian anh ngồi đọc những cuốn sách cổ của Tàu ; dần dần anh trở thành một người xem tướng nổi tiếng. Anh vẫn sống ở ngôi nhà cũ cùng với con chó nhỏ. Anh không còn ra quán bà Năm béo mua com bụi, hàng ngày có người đưa com hộp đến tận nhà anh. Một buổi sáng mùa hè, người ta tìm thấy con chó nằm ú rú bên xác Tiến tím ngắt vì lạnh.

Bạn tôi tên là Tiến. Anh là một diễn viên kịch nói nổi tiếng. Có lần anh vào vai một thầy bói đạt đến nổi từ đó trở đi anh không thể làm diễn viên trở lại được nữa. Anh đành về quê làm thầy bói. Cũng có khi anh nói đúng, cũng có khi anh nói sai nhưng người ta luôn tin anh vì họ tìm thấy ở anh một thứ niềm tin nhiệm mầu mà họ không tìm thấy ở bất kỳ một người nào khác ; niềm tin ấy mãnh liệt đến mức nó khiến anh và tất cả mọi người tin rằng nghề xem bói là nghề duy nhất mà anh có thể làm và làm tốt hơn tất cả bất kỳ thầy bói nào trên đời, rằng nếu anh có nói sai thì đó là ý muốn của Thượng Đế chứ không phải là lỗi của anh.

Bạn tôi tên là Tiến. Đó là điều duy nhất tôi biết chắc chắn về anh. Anh qua đời ba ngày sau cái chết của con chó già của người hàng xóm mà không ai biết tuổi.

Nagoya 05/2005

Nguyễn Nguyên Phước

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

18939 Magnolia Ave, Fountain Valley, CA 92708 USA

Tel (714) 965-4651 • Email : hopluu@saigononline.com

<http://www.hopluu.org/>

♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước

♦ nơi gặp gỡ những tâm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : Mme Nguyễn Thị Xuân Sương

60 Av. Romain Roland, F-93200 Saint Denis France

Tel : 33 (0) 1 48 27 13 45

LÊ THÀNH KHÔI
Vài ý ngắn về
văn hoá, văn học
và giáo dục Việt Nam

Về văn hoá

Trong xã hội gọi là "truyền thống", và nói một cách chung chung, cơ sở kinh tế ảnh hưởng lớn đến văn hoá. Văn hoá của ta xây dựng từ xưa trên nông nghiệp. Cho tới nay, tuy rằng đất nước đã bắt đầu công nghiệp hoá, vẫn còn 70 % dân số sống ở nhà quê, không ở thành thị.

Nhưng có nhiều thứ nông nghiệp. Có nông nghiệp dùng hoàn toàn chân tay, có nông nghiệp dùng ít hay nhiều máy móc. Giữa ta và người Hán trước đây ba bốn nghìn năm, nông nghiệp khác nhau vì cốc loại khác nhau. Người Hán trước đây đầu tiên sống ở lưu vực sông Hoàng Hà trồng kê là một thứ cốc trồng khô. Người Việt ở miền Nam sông Dương Tử trồng lúa nước. Người Hán gọi nước là *quốc*, nghĩa là một nơi có thành trì 城, có tường xây xung quanh để bảo hộ hệ thống chính trị 國. Ta gọi nước là *nước*, hay *đất nước*, đủ biết chất tự nhiên này quan trọng biết bao cho sự sống còn của dân tộc.

Sự khác biệt giữa trồng khô và trồng nước đưa đến hiệu quả khác nhau về xã hội. Trồng khô là công việc của đàn ông, do đó cho đàn ông ưu thế, chế độ phụ hệ sớm nở. Trồng nước có sự hợp tác giữa đàn ông và đàn bà. Đàn ông cày bừa, đàn bà cấy. Do sự hợp tác giữa đôi bên, địa vị người đàn bà ở ta cao hơn là ở người Hán. Một bằng chứng là sự tôn thờ các Mẫu ở ta hãy còn thực tại. Lúc đến nước ta, Phật giáo đã sáp nhập các Mẫu vào chùa tức là tứ Pháp. Ta gọi trời là Bà, trăng là Ông, trong khi người Hán cho trời là dương, trăng là âm. Sau này khi người Hán chiếm nước ta, dần dần ta mới nói Ông trời, chế độ mẫu hệ dần dần mất đi cho chế độ phụ hệ.

Địa vị cao của đàn bà rất rõ trong xã hội ta. Nó biểu hiện trong tục ngữ ca dao và trong luật lệ. Trong luật Hồng Đức, trước khi luật Gia Long chịu ảnh hưởng của Trung Quốc nhiều hơn, con gái và con trai đều được thừa kế bình đẳng. Con gái có quyền hương khói cho cha mẹ nếu cha mẹ không có con trai. Nếu chồng bỏ rơi vợ trong 5 tháng, người vợ có quyền bỏ chồng*.

Một điểm tích cực khác của văn hoá nông nghiệp cộng với ngôn ngữ dân tộc là sự phong phú của văn học dân gian, văn học truyền miệng.

Ít nước có một kho tàng tục ngữ ca dao tuyệt diệu như ta. Nếu so sánh với Pháp chẳng hạn, thì văn học bình dân của Pháp chẳng thấm đâu với văn học bình dân của ta.

Nhưng hiện tượng nào cũng có hai mặt : mặt phải và mặt trái, mặt tích cực và mặt tiêu cực. Người nông dân có óc thực

tế, gần gũi sự việc, không có óc trừu tượng hoá. Những ý niệm hay khái niệm trừu tượng của ta đều lấy chữ ở nước ngoài, trước đây phần nhiều ở chữ Hán bây giờ thì mượn ở tiếng Pháp hay tiếng Anh. Trước thế kỉ XX, ta không có một nhà khoa học nào (trừ Lãn Ông) mà cũng không có triết học nếu ta trừ một vài nhà thơ thiên thời Lý-Trần, trong đó xuất sắc nhất là vua Trần Thái Tông. Có nhiều người gọi Lê Quý Đôn là một nhà triết học. Sự thực ông ấy viết rất nhiều về đủ các loại, nhưng không đi sâu vào đâu cả, có khi chỉ là những liệt kê về địa dư và lịch sử (nói thế không có nghĩa là không có ích cho người nghiên cứu). Thật sự Lê Quý Đôn có viết về triết học : trong *Vân đài loại ngữ* có một chương về lí khí, tuy lí thú thật nhưng không đủ để gọi Lê Quý Đôn là một nhà triết học. Riêng tôi cũng đã viết về một vài nhà triết học, từ Khổng Tử đến Marx và Engels, và phê bình họ. Nhưng tôi không coi tôi là một nhà triết học.

Trở lại vấn đề bản tính khoa học, có thể nói người Việt xưa không có óc khoa học nên nhiều khi cầu thả. Cha ông chúng ta đã không biết lợi dụng triệt để một dụng cụ có hiệu lực lớn : nghề in. Nghề in không phổ biến, người ta cứ chép tay. Mà người chép có phải lúc nào cũng là nhà học rộng đâu. Không hiểu chữ gì thì viết bừa hay đổi ra chữ khác. Do đó mà một tác phẩm có nhiều bản in hay chép khác nhau mà bây giờ các nhà nghiên cứu phải mất bao nhiêu công lực để tìm xem bản nào là bản chính thức, câu nào là câu chính thức của tác giả.

Phải nói rằng cái tính không khoa học đó bây giờ hãy còn, trộn với những di tật của thời chuyên chính. Tôi thấy ở bên ta, khi đăng lại một bài đăng ở ngoại quốc, người ta nhiều khi cắt đi một hai đoạn mà không xin phép tác giả hay không nói là đã cắt.

Cũng về vấn đề khoa học hay không khoa học, phải nói rằng ta nhiều khi bị một hệ tư tưởng nào đó chi phối và đánh lạc. Ngày xưa, thời Lê-Nguyễn, có sách bị cấm hay phải sửa đổi. Ngày nay vẫn thế tuy rằng hệ tư tưởng đã thay đổi. Năm 1959, nhóm Văn Sử Địa cho ra cuốn *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, quyển IV, trong đó họ xếp Nguyễn Du vào thế kỉ XVIII tuy biết rằng Nguyễn Du đến 1820 mới chết. Gia Long lên ngôi năm 1802. Có phải tại lúc bấy giờ nhà Nguyễn bị coi là một triều đình bán nước không ? Trong khi đó, cuốn *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* của nhóm Lê Quý Đôn, tập II, đã đúng sự thực hơn khi xếp Nguyễn Du vào thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX. Cả hai cuốn đều đánh giá một tác phẩm theo nội dung tiến bộ hay không của nó, phẩm chất văn học không kể đến hay đứng sau.

Cả đến ngày nay, một số người viết về sử văn học vẫn bị hệ tư tưởng đó chi phối, làm giảm bớt tính khoa học của những gì họ viết. Viết về văn hiện đại họ lờ những người có tài nhưng không "chính giáo", họ dẫn một người, nhưng xén cắt một hai dòng, v.v... Trong một công trình đồ sộ như *Tổng tập văn học Việt Nam*, tôi không thấy có một kiệt tác là *Văn tế trận vong tướng sĩ* mà Phan Huy Ích đã viết cho Nguyễn Văn Thành năm 1804. Quên hay cố ý ? Trong khi đó thì có 5 tập dành cho văn học cách mạng những năm 1930-45, một số tác phẩm có tính cách tuyên truyền hơn là văn học thực sự.

Về vấn đề bản sắc văn hoá dân tộc

Đây là một vấn đề phức tạp. Tôi cho rằng ý niệm "bản sắc

* Ở Pháp, trong luật Napoléon, người đàn bà không có những quyền này.

văn hoá" không phải là một ý niệm khoa học, hay là một ý niệm ít khoa học mà nhiều chính trị. Người ta nói đến bản sắc dân tộc để khẳng định ý chí độc lập của mình đối với nước ngoài. Tinh thần yêu nước rất rõ ràng trong văn học Việt Nam, là đặc trưng số một của nền văn học của ta từ thế kỉ X đến bây giờ.

Nhưng cái gì là Việt Nam, cái gì không phải là Việt Nam ? Trước khi người Hán đến nước ta, ta có văn hoá Đông Sơn, có dấu hiệu của mình và dấu hiệu chung với nhiều văn hoá đồ đồng ở Đông Nam Á Châu, nghĩa là ở miền Nam sông Dương Tử (tiện đây nên nói rằng chữ Hán "giang" không phải là chữ Hán thật, mà thuộc về ngôn ngữ Nam Á).

Cuối thời Đông Sơn, ta tiếp thu nhiều ảnh hưởng ở ngoài vào : Phật giáo từ Ấn Độ sang, rồi từ Trung Hoa xuống (bằng chứng là ta có 2 chữ để gọi đức Phật : *Bụt* từ tiếng Phạn, *Phật* từ tiếng Hán), cùng thời với Phật giáo (khoảng thế kỉ 1-2 Công nguyên) Không giáo và Đạo giáo. Ta tiếp thu nhưng cũng hiểu và thay đổi phần nào theo ý ta. Rồi đến thế kỉ XIX ảnh hưởng của Pháp, đến thế kỉ XX thêm ảnh hưởng của tất cả hoàn cầu. Có thể nói văn hoá Việt Nam là một tổng thể dựng trên sự hiểu, giải và tổng hợp một số sự kiện của mình và của người ngoài theo những đặc trưng của môi trường mình. Và phải nói rằng cái bản sắc văn hoá đó cũng như các bản sắc văn hoá khác không cố định mà luôn thay đổi, khi chậm khi nhanh theo sự thay đổi kinh tế, chính trị, kĩ thuật, khoa học v.v... của thế giới và của mình.

Nói thế nghĩa là ta phải luôn luôn học và theo đuổi thế giới, những nước đi nhanh hơn mình, để khỏi bị lạc hậu. Ta đã bắt đầu công nghiệp hoá, kĩ thuật hoá, nhưng tôi có cảm tưởng rằng về phương diện chính trị và khoa học, chúng ta chưa đi nhanh. Về chính trị, đó là vấn đề dân chủ hoá. Về khoa học, đó là vấn đề óc khoa học. Không có óc khoa học, thì chỉ biết nhập khoa học của người ngoài một cách máy móc, không sáng tạo, không biết làm sao cho hợp với môi trường của mình. Khi đã có óc khoa học thì ta sẽ biết gìn giữ cái mà ta gọi là bản sắc văn hoá dân tộc, cái bản sắc mà, như tôi đã nói ở trên, không thể đứng im mà phải thay đổi để đi kịp với trào lưu thế giới.

Về giáo dục

Đây là vấn đề giáo dục. Đây tôi nghĩ là vấn đề số 1 của tất cả các nền giáo dục trên thế giới. Tất cả các nhà giáo dục học đều công nhận rằng phải giáo dục tinh thần và phương pháp khoa học từ tuổi sớm nhất, nghĩa là từ mẫu giáo. Tôi nói tinh thần và phương pháp phải dạy trong tất cả các môn hay khoa, cần hơn là những kiến thức khoa học, vì kiến thức có thể thay đổi.

Tinh thần và phương pháp khoa học nghĩa là gì ? Nguyên tắc thứ nhất là không khẳng định gì nếu không có bằng chứng. Cái đó không hiển nhiên như người ta tưởng. Có bao nhiêu người đã viết về "công xã nguyên thủy" vì Marx đã viết thế ! Sự thực chính Marx cũng không biết nó là cái gì. Mà không thể biết được vì không có bằng chứng khảo cổ hay chữ viết. Người ta chỉ có thể lấy nó là một giả thuyết. Ai cũng có quyền đưa ra một giả thuyết, nhưng không được coi giả thuyết là một sự thực mà ai cũng phải công nhận. Nó sẽ thành sự thực lúc nào có đủ bằng chứng. Tôi lấy một thí dụ. Ở ta, có nhiều người đã viết rằng nhà Tây Sơn đã thống nhất nước

Việt Nam. Sự thực, sau khi thắng nhà Nguyễn, ba anh em Tây Sơn đã chia đất nước thành ba vùng. Sau khi thắng Trịnh-Lê và quân Thanh, Nguyễn Huệ chỉ làm chủ miền Bắc và miền Trung cho tới đèo Hải Vân. Miền dưới chia cho Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ. Lữ bắt lặc, mất miền Nam cho Nguyễn Ánh ngay đầu năm 1789 (Nguyễn Huệ mất tháng 9-1792).

Tôi không biết rõ tình trạng giáo dục ở Việt Nam nên chỉ nhắc lại vài nguyên tắc mà đại đa số các nhà giáo dục đồng ý :

1. Giáo dục bao gồm tất cả các lĩnh vực : tri thức, luân lí, thể dục, thẩm mỹ. Ngày xưa người ta nói Tiên học lễ, hậu học văn. Con người phải được phát huy ở mọi diện. Nếu ta chú trọng quá về diện kinh tế, thì sẽ mất cân bằng.

2. Giáo dục ở nhà, ở trường, trong xã hội. Trường dạy theo chương trình, xã hội và đời dạy không hình thức. Hai bên không được mâu thuẫn. Dạy dân phải lương thiện mà người lãnh đạo tham nhũng thì dân sẽ không nghe. Lầy tự do làm quý mà không cho dân những quyền dân chủ thì dân sẽ không hiểu. Không thể nuôi dưỡng một tinh thần xã hội chủ nghĩa trong một kinh tế thị trường.

3. Cấu trúc nền giáo dục xây trên tiểu học chứ không phải trên đại học. Đại học không thể mở mang thật sự nếu tiểu học và ngay cả mẫu giáo đã không rèn luyện con người. Dĩ nhiên đại học có thể nảy nở một phần nào, nhưng sẽ chỉ cho một thiểu số nếu không có một nền tảng vững chắc.

4. Giáo dục trẻ em phải ăn nhịp với sự trưởng thành. Có người đi chậm có người đi nhanh, nhưng nói chung không nên dạy những gì mà ở một tuổi nào óc không thể hiểu được. Nên đi từ cụ thể đến trừu tượng. Một đằng khác không nên nhồi sọ. Phải để cho trẻ em có thời giờ chơi đùa, nảy nở. Học bằng làm hơn là học bằng sách. Và lại khoa học kĩ thuật tiến rất nhanh. Không nên nhồi sọ với những kiến thức không cần thiết, có thể thay đổi rất nhanh hay không cần để hiểu đời nay. Nên dạy những gì làm cho con người có thể dùng để tự học lấy, để chính mình đổi kiến thức của mình với sự tiến hoá của khoa học kĩ thuật. Phải đào tạo óc khoa học, không chỉ truyền kiến thức khoa học.

5. Giáo dục phải dựa vào những giá trị quý nhất của văn hoá dân tộc. Thế không có nghĩa là đề cao văn hoá của mình trên các văn hoá khác. Văn hoá nào cũng có diện tiêu cực và diện tích cực của nó. Thế cũng có nghĩa là phân tích văn hoá của mình, học kinh nghiệm của ngoại quốc, nhưng không chép họ một cách máy móc.

6. Thành đạt của giáo dục phần lớn dựa vào thầy dạy. Cho giáo dục ưu tiên thì phải đào tạo thích hợp người giáo viên, cho họ đủ điều kiện để hành nghề và luôn luôn tự học. Đại học phải nghiên cứu để nâng cao trình độ dạy, đào tạo cán bộ cần cho các ngành kinh tế xã hội.

Tinh thần khoa học đưa đến sự kính trọng kẻ đối lập, đến dân chủ. Trong đời người không chỉ có khoa học, còn có gia đình, có xã hội. Sự thực xã hội phức tạp hơn sự thực khoa học. Không ai có thể nói rằng chỉ có mình là đúng, người khác lầm. Một sự thực hôm nay có thể trở thành một sự không thực ngày mai, cũng như ở khoa học vậy. Vì khoa học cũng luôn biến đổi. Trước đây có bao nhiêu người tin là quả đất vuông !

Cho nên tinh thần khoa học cũng là một lợi khí để chống

bảo thủ, chống tri trệ, biết sống với thời đại. Tinh thần đó sẽ dẫn ta đi tìm những phương tiện để cải tiến giáo dục, học những kinh nghiệm thế giới, tổ chức những chương trình học tập, v.v... Cố nhiên nói không đủ. Phải luôn luôn nghiên cứu, học xã hội mình và xã hội người. Đó là một nguyên tắc không thể không có.

Với tinh thần đó, tôi đang viết một cuốn *Lịch sử và tuyển tập văn học Việt Nam*. Mục đích đầu tiên là để giới thiệu văn học nước mình cho ngoại quốc. Hiện giờ người ta chỉ biết Trung Hoa và Nhật Bản ; Triều Tiên và ta thì biết hơi hợt. Tôi mong rằng quyển sách sẽ được dịch sang tiếng Anh có nhiều người đọc hơn là tiếng Pháp.

So sánh với các nước khác, tôi thấy đặc thù của văn học Việt Nam là sự quan hệ mật thiết của nó với lịch sử chính trị. Cố nhiên ở đâu cũng có sự quan hệ đó. Nhưng theo tôi biết thì không ở đâu mật thiết như ở Việt Nam. Ta có thơ văn thiên, Khổng, Lão, thơ văn tình cảm, thơ văn về lao động, sản xuất, lễ hội, thơ văn ca tụng thiên nhiên và nhân hạ, nhưng đặc trưng số một là tinh thần yêu nước chống ngoại xâm. Đất nước là đề tài số một của văn học Việt Nam.

Vì vậy tôi đã chia lịch sử văn học theo lịch sử chính trị. Phần thứ nhất từ 938, năm chiến thắng Nam Hán trên sông Bạch Đằng, có mấy câu còn lại của Ngô Quyền, đến 1428 với *Bình Ngô đại cáo* và chiến thắng quân Minh. Đây là thời kì dựng nước với sự đóng góp của vua chúa, nhà sư và nhà nho. Phần thứ nhì từ 1428 đến 1918. Thời kì này khác với thời kì trước vì nhà Lê lập một chế độ quan liêu dựa trên Khổng giáo và thi cử. Khác thời kì trước vì các quan thời Lý Trần phần nhiều là con cháu nhà vua, ảnh hưởng của Phật giáo trong 3 thế kỉ mạnh hơn là ảnh hưởng Nho giáo. Thời kì II này chấm dứt năm 1918 với sự bãi bỏ hệ thống thi cử dựa trên Nho giáo. Thời kì thứ ba là thời kì văn học hiện đại với chữ quốc ngữ, từ 1865 đến bây giờ. Nó trùng một phần với giai đoạn trước, vì trong một thời gian nhà văn cổ điển dùng chữ Hán và chữ nôm, nhà văn mới dùng chữ quốc ngữ. 1865 là năm ra đời của *Gia Định báo*, báo đầu tiên dùng chữ quốc ngữ. Cố nhiên chưa có tác phẩm. Ngôn ngữ phải hình thành trước khi có tác phẩm. Tác phẩm, ngược lại, sẽ giúp ngôn ngữ trưởng thành.

Tôi không chấp nhận chữ "trung đại" của một số tác giả (cũng như tôi không chấp nhận ý niệm "phong kiến" ở nước ta). Ý niệm "trung đại" có nghĩa ở Âu Châu vì là thời giữa (trung) Cổ đại và Phục hưng, giữa sự sụp đổ của La Mã và sự Phục Hưng bắt đầu từ thế kỉ XV. Người Âu gọi là Phục Hưng vì cho rằng có một sự đổi mới văn hoá hoàn toàn đối với thời Cổ đại bị Kitô giáo chi phối. Nhưng ở ta có gì có thể gọi được là Phục Hưng, có gì là hoàn toàn đổi mới văn hoá ? Như trên đã nói, ở ta hai thay đổi lớn là sự xuất hiện của một nhà nước quan liêu với Khổng giáo là chủ nghĩa thống trị và thi cử là phương tiện tuyển lựa viên chức. Khổng giáo đã bắt đầu mạnh từ thế kỉ XIII-XIV và chế độ thi cử cũng đã có từ thế kỉ XI nhưng lúc ấy thì thi Tam giáo. Không có gì có thể gọi được là Phục Hưng hay Trung đại ! Đó là những ý niệm "ngoại nhập" không có cơ sở trong lịch sử Việt Nam.

LÊ THÀNH KHÔI

điểm sách

(tiếp theo trang 3)

Làng rên Vân Chàng ở khu Ngã Ba Vườn Lài (nằm giữa 2 đường Minh Mạng, nay là Ngô Gia Tự, đường Vĩnh Viễn) và khu Xóm Chà (đường Lý Thái Tô), về sau trở thành khu chuyên sản xuất đồ gia dụng bằng nhôm và các loại phụ tùng Honda, xe đạp. Làng mọc từ Bình Lục, Phủ Lý.... cũng ở khu đường Ngô Gia Tự, chuyên cung cấp tủ-giường-bàn-ghế cho cả Sài-gòn và toàn miền Nam. Một làng khác cũng rất nổi tiếng và đã từng đóng một vai trò quan trọng trong nền kinh tế VNCH thời trước 75, đó là làng dệt của bà con Quảng Nam tại khu Ngã Tư Bảy Hiền. Bảy Hiền nhưng thật ra chẳng "hiền" chút nào vì trong đó có cả một ổ Việt Cộng nằm vùng to tướng !

Quyển tiểu thuyết *Mây cuối chân trời* cho người đọc hiểu thêm ít nhiều về lai lịch, xuất thân của khu dệt Bảy Hiền. Nhưng trọng tâm không chủ yếu nói về cuộc sống và sản xuất của bà con gốc gác Quảng Nôm từ Duy Xuyên, Điện Bàn, Trà Kiệu..., nơi hai phe Quốc-Cộng phân chia rạch ròi từ đời thuở nào đó hình như xa lắm, lâu lắm rồi... ít ra cũng 6, 7 chục năm về trước, từ khi có các đảng Cộng sản, VN Quốc dân đảng ra đời. Hai khuynh hướng chính trị, đều muốn làm Cách mạng, đều muốn "bài phong, đá thực", nhưng lại "chơi nhau tới bến", đấu nhau ra trò, như thể có một mối thù truyền kiếp từ một lời nguyện nào đó ?! Họ đã từng đấu tranh với nhau, diệt nhau, trả thù nhau không mấy khoan nhượng ngay từ lúc còn ở Quảng Nam cho cả đến khi đã kéo nhau vào làm ăn sinh sống ở khu Ngã tư Bảy Hiền, Sài Gòn. Tuy là một quyển sách viết về chiến tranh nhưng nó không kể nhiều về chiến sự, nó trình bày chiến tranh, sâu xa là nó muốn lý giải chiến tranh hai mươi năm với không gian từ một làng quê bên sông Thu Bồn ở Quảng Nam đến khu dân cư Ngã Tư Bảy Hiền ở Sài Gòn. Câu chuyện xoay quanh hai tuyến nhân vật rõ ràng, một bên là hai anh em tên ác ôn Sáu Tinh, Bảy Hồ, một bên là gia đình cô Út Tân cùng các cơ sở cách mạng.

Sáu Tinh và Ba Mạnh vốn là bạn thân học chung từ thời thơ ấu ở trường làng, bao nhiêu năm cả hai cùng đi qua một con đường, một bến đò với nhau, cùng tắm chung một dòng sông, vui đùa thoải thích... Ngày Cách mạng Tháng Tám thành công cả hai cùng sinh hoạt trong đội thiếu niên, lớn lên cùng yêu một cô gái làng. Nhưng cuối cùng, vì chính kiến, vì lập trường, họ trở thành kẻ thù của nhau... rồi vì sự nghiệp của đôi bên, họ phải thanh toán nhau "có khoan nhượng" (biết tấy gia đình Mạnh ủng hộ Cộng sản, biết Út Tân theo Việt Cộng nhưng không bắt vì chưa đủ chứng cứ !), cho đến khi chiến tranh kết thúc.

Quyển truyện độc đáo và cũng khá bất ngờ ở chỗ nhà văn Nguyễn Trọng Oánh (1929 - 1993) khá khách quan khi mô tả hai nhân vật phản diện này là hai nhân vật có học thức, đẹp trai, nhiều tài năng, đã chọn thế đứng của mình vì lý tưởng, vì ý thức hệ rõ ràng chứ không phải vì tiền tài danh vọng, công danh phú quý, họ không phải là những kẻ xôi thịt như đám chính khách, tướng lãnh của chế độ VNCH. Cũng vì có lý tưởng nên khi bại trận, khi miền Nam đầu hàng vào những ngày cuối tháng tư 1975, Bảy Hồ không chịu bỏ nước ra đi theo bọn cấp trên của hắn. Hắn chấp nhận ở lại, dù không biết phải làm gì, không biết tương lai sẽ ra sao, mà chỉ để được chứng kiến sự cáo chung thảm hại, nhục nhã của chế độ mà hắn xây dựng và bảo vệ. Đọc *Mây cuối chân trời* người ta có cảm giác tác giả phải là một con người công bằng, nhân hậu, có một trái tim trong sáng, một lý trí lạnh mạnh. Và cũng có lẽ vì vậy mà cuốn tiểu thuyết được viết từ năm 1985, mãi đến năm 2001 mới được xuất bản; theo Trần Huy Quang thì: Hiện bản thảo *Mây cuối chân trời* có ba bản, nhưng nhà thơ Giáng Vân, ái nữ của Nhà văn Nguyễn Trọng Oánh cho công bố bản đầu tiên. Hai bản sau cũng chính Nhà văn Nguyễn Trọng Oánh sửa chữa, nhưng sửa chữa theo sự góp ý của nhà xuất bản, bản thân ông không ưng lắm nên *Mây cuối chân trời* để đến mười bảy năm sau mới được công bố (trang 280)". Để kết thúc bài giới thiệu này, xin được trích lời của chính tác giả: "Nói về quá khứ một cách nghiêm túc và trung thực thì không sợ không có điều gì để nói với hôm nay" (tr.292/293).

Trần Kung

Thế giới quan khoa học

Thời Sơ Sử, Từ tiếng nói đến chữ viết

Hàn Thuỷ

Thời sơ sử, cũng thường được gọi là thời đại đồ đồng, có những đặc trưng như : nền kinh tế nông nghiệp, sự xuất hiện thành thị, nghề đúc đồng mun, thương mại có tổ chức trên những địa bàn rộng, mẫu hệ trở thành phụ hệ, xuất hiện chữ viết (*)...

Qua những đặc trưng ấy, liệu chúng ta có thể mừng tượng độ phức tạp trong tư tưởng con người thời sơ sử là như thế nào ? Những chứng từ cụ thể của hoạt động tư tưởng, như các hiện vật và những hình thức kiến trúc mà khảo cổ học đã phát hiện, cho thấy một trình độ kỹ thuật thủ công khá cao. Còn lại, vừa trừu tượng hơn vừa gần với tư duy hơn, là ngôn ngữ ; được ghi lại qua những hình thức chữ viết từ sơ khai đến hoàn chỉnh. Tuy nhiên, bài này chưa đề cập đến những hiểu biết về xã hội loài người thời ấy, đã được người đương thời ghi lại bằng chữ viết. Vì đó đã là những sự thật lịch sử rồi (tuy rằng những hiểu biết này cần được phê phán và điều chỉnh, vì quan niệm ngày xưa về lịch sử cũng không hẳn như hiện nay). Chi riêng việc hình thành chữ viết, và ảnh hưởng của chữ viết trên tư tưởng con người, đã là một chủ đề quan trọng và thú vị cho bài này.

Nhưng trước đó cũng xin nhắc lại : ở đây chỉ nói về mặt « hình nhi thượng », tức về những « di truyền » văn hoá mà con người được thừa hưởng cho tới nay, trong những môi trường khá khác biệt. Còn về mặt di truyền sinh học thì những thay đổi về khả năng tư duy bẩm sinh giữa các chủng tộc loài người (đặc biệt là giữa những chủng tộc có chữ viết và những chủng tộc không có chữ viết) là hoàn toàn không đáng kể.

1. Nguồn gốc các chữ viết hiện nay :

Theo nhà nhân chủng học Jack Goody [1, tr. 44-53], thì ở các cựu lục địa chỉ có 7 hệ thống chữ viết cổ :

- Chữ của người Sumer-accadien (Uruk) tại vùng lưỡng Hà, khoảng từ năm -3100 đến năm +75 theo mốc Tây lịch ; biến thiên từ hình vẽ sang cách viết « ấn góc » (cunéiforme) trên đất sét, có thể nung để giữ.
- Chữ của người Elam, cũng tại vùng này, khoảng từ -3000 đến -2200 ;
- Chữ Ai Cập , từ khoảng -3100 đến khoảng +200 ;

(*) Xem Diễn Đàn số 142, 7.2004

- Chữ của người Indus cổ, khoảng từ -2200 đến -1000 ;
- Hai loại chữ tuyến tính ở vùng đảo Crète và Hy Lạp (Linéaire A và Linéaire B) khoảng từ -2000 đến -1100 ;
- Chữ của người Hittite, vùng Anatolie (Syrie) khoảng từ -1500 đến -700 ;
- Chữ Hán, kể từ khoảng -1500, là thứ chữ duy nhất được phát triển liên tục từ thời sơ sử mà không chết.

Trong số 7 loại chữ này có 3 loại hiện chưa giải mã được, đó là chữ Elam, chữ Indus và chữ Linéaire A.

Ngoài ra tại châu Mỹ cũng có bốn thứ chữ cổ của người Maya, người Zapotèque, người Aztèque và người Mixtèque [1, tr. 36-39], chưa được giải mã đầy đủ.

























Word	Meaning	Original Form	Rotated 90° ca 3000 B.C.	Early Dynastic 2500 B.C.	First Millennium B.C.
SAG	head				
KA	mouth				
KU(A)	fish				

Hình thành và biến dạng của chữ « ấn góc » [3, tr. 590]

Tất cả những chữ viết thời hiện đại chỉ có hai nguồn gốc độc lập mà thôi. Thứ nhất là loại chữ tượng hình / biểu ý : chữ Hán với các biến thể như chữ Nhật, chữ Triều Tiên và chữ Nôm. Thứ hai là các loại chữ tượng thanh bằng một số mẫu tự rất nhỏ (trên dưới 30) trong một bảng chữ cái, tất cả đều thoát thai từ chữ của người Phénicien (Bờ Đông của Địa Trung Hải : Israël, Palestine, Liban ngày nay). Hiện nay người ta nghĩ rằng vào khoảng thời gian -1300, xuất hiện chữ Phénicien [4], với chỉ có 22 ký tự. Đây là một đột biến táo bạo, nảy sinh sau một thời gian cọ sát giữa nhiều thứ chữ cổ giao lưu với nhau qua vùng ngã tư Cận Đông, khi các thứ chữ đó đều đang trên quá trình đi từ tượng hình đến tượng thanh (**). Chữ Phénicien được truyền đi, biến dạng theo nhu cầu, để ghi lại được mọi loại tiếng nói. Ba nhánh chính là : Ở tại chỗ thành hình các loại chữ Do Thái, Ả Rập ; đi về phía Tây thành loại chữ Hy Lạp - Latinh - Cyrillic ; truyền

(**) Quy luật tổng quát cho mọi thứ chữ viết, kể cả chữ Hán, là bắt đầu bằng tượng hình, sau chuyển dần sang tượng thanh, bằng cách dùng một chữ duy nhất, có âm X, để biểu thị âm X trong mọi chữ khác. Một thí dụ rất vui : chữ @ (a công) vốn là một tự dạng của chữ « aleph », có nghĩa là « con bò » và nó xuất phát từ chữ tượng hình cổ, vẽ cái đầu bò. Có phải chữ Hán do đơn âm nên đã tiến triển theo cả hai hướng tượng thanh và biểu ý, và không đi đến cùng ?

sang phía Đông thành các loại chữ Pali và Sanscrit của Ấn Độ, và các biến thể khác ở Đông Nam Á (Lào, Thái, Campuchia, Indonesia...).

	bœuf (<i>'aleph</i> = /ʾ/)		aiguillon (<i>lamed</i> = /l/)
	maison (<i>beth</i> = /b/)		eau (<i>mem</i> = /m/)
	chameau (<i>gimel</i> = /g/)		poisson (<i>nun</i> = /n/)
	porte (<i>daleth</i> = /d/)		poisson (<i>sâmekh</i> = /s/)
	[<i>hê</i> = /h/]		œil (<i>'ain</i> = /ʾ/)
	clou (<i>waw</i> = /w/)		bouche (<i>pe</i> = /p/)
	arme (<i>zain</i> = /z/)		[<i>san</i> = /s/]
	[<i>heth</i> = /h/]		[<i>qoppa</i> = /q/]
	[<i>thet</i> = /t/]		tête (<i>resh</i> = /r/)
	bras (<i>yodh</i> = /j/)		dent (<i>sin</i> = /s/)
	paume (<i>kaph</i> = /k/)		croix (<i>tau</i> = /t/)

22 chữ cái Phénicien, từ nguyên, cách đọc, và hậu duệ latin [4]

Qua tóm tắt trên đây và nhìn lại lịch sử bành trướng của người Hán [5, tr. 90-95], của văn hoá Hy Lạp - La Mã tại châu Âu, ta thấy rằng : a) trong những điều kiện kinh tế xã hội nhất định của loài người thì việc nảy sinh ra chữ viết là một quy luật tự nhiên. b) Nhóm dân cư đầu tiên có chữ viết trở nên ưu việt hơn hẳn những nhóm dân cư chung quanh, họ dễ dàng bành trướng hay/và chữ viết của họ được dễ dàng đón nhận. Đó là lý do tại sao có rất ít nguồn gốc chữ viết : sê có, và chỉ có, những hệ thống chữ viết khác nhau khi các tập đoàn dân cư biệt lập với nhau và đạt đến một hình thái xã hội nhất định (trường hợp châu Mỹ).

Vậy những yếu tố nào đã thúc đẩy sự hình thành chữ viết ? Và tại sao việc có chữ viết đã đem lại những ưu thế ghê gớm như thế ? Nói bằng khái niệm hiện đại thì cũng đơn giản : chữ viết là một phương tiện lưu trữ và xử lý thông tin bền vững và hữu hiệu. Thế mà, tự cổ xưa cho đến nay, xử lý thông tin là một đòn bẫy phổ quát cho mọi hoạt động của con người : kinh tế, quân sự, giáo dục... dù người ta xử lý thông tin một cách có ý thức hay không.

Ở thời sơ sử, khi nền kinh tế nông nghiệp được ổn định và bắt đầu hình thành các đô thị và thương nghiệp, thì nhu cầu xử lý thông tin cao hơn trước, và hệ thống chữ viết thoả mãn được những nhu cầu cao ấy : tính toán, mua bán (« văn tự » vừa là « chữ nghĩa » mà vừa là « giấy mua bán ruộng/nhà... » !) v. v. Đồng thời ý thức về cộng đồng cũng được củng cố qua việc truyền bá dễ hơn các huyền thoại và sử thi, một nguồn gốc của văn chương.

Phải nói rằng ngôn ngữ truyền khẩu cũng đã là một phương tiện xử lý thông tin rất cao rồi. Các xã hội không có chữ viết vẫn giữ lại được từ đời này sang đời kia những huyền thoại tuyệt vời, cũng như những hiểu biết

thực tế về toán học, về thiên văn, về y học. Điều này bây giờ đã hiển nhiên, qua những nghiên cứu nhân chủng học người ta hiểu rõ các phương thức « di truyền văn hoá » như các nghi thức sinh hoạt sản bản, hội hè, tế lễ..., với những vai trò đặc biệt của các « thầy mo », « phù thủy », « già làng »... Phương tiện truyền tin là tiếng nói, « bộ nhớ » là những bộ óc của các nhân vật đó, cộng với một số phương tiện cụ thể giúp trí nhớ khác như hình vẽ, nét khắc, tiền thân của chữ viết.

Rồi sau mấy nghìn năm loài người có chữ viết, dần dần huyền thoại trở thành lịch sử, ma thuật trở thành khoa học, và đồng thời xã hội phân hoá mạnh hơn. Đó là những điểm ta sẽ tiếp tục nói đến sau đây.

2. Huyền thoại và sử thi

Hai hình thức tồn tại của huyền thoại (myth, mythe) và sử thi (tên khác là anh hùng ca) là một, người ta chia ra hai loại văn chương truyền khẩu này do nội dung của chúng : Anh hùng ca, hay sử thi, (epic, épopée) nhằm kể lại những đấu tranh của bộ lạc, gây ý thức về cộng đồng. Cũng như những chuyện biến trong quan hệ nam/nữ. Nó nói nhiều đến quan hệ giữa các nhóm người. Trong khi đó huyền thoại là một hình thức giải thích thế giới và sự hiện hữu của loài người, nói nhiều đến quan hệ giữa người và tự nhiên. Để gộp chung lại hai khái niệm thật ra cũng không phân chia rạch ròi này, xin dùng chữ « huyền sử »

Huyền sử chiếm một vị trí bản lề đặc biệt trong các nghiên cứu về sự chuyển biến từ văn hoá truyền khẩu đến văn hoá chữ viết. Chính vì người ta biết huyền sử đã có từ các nền văn hoá truyền khẩu, sau được ghi lại khi con người có chữ viết. Nhiều nơi trên thế giới chưa có chữ viết nhưng đã có những huyền sử dài và đẹp, thí dụ như những sử thi Tây Nguyên ở Việt Nam... Và, theo các nghiên cứu nhân chủng học, các bộ tộc chưa có chữ viết tại châu Phi, châu Úc, châu Mỹ, đều có huyền thoại hay/và sử thi cả.

Huyền thoại (myth, mythe) là một hình thức giải thích thế giới và sự hiện hữu của loài người. Muốn có giải thích tức là đã có câu hỏi, có câu hỏi tức là đã có quan sát. Nhưng ở huyền thoại việc quan sát thế giới được dính liền với nhiều tưởng tượng chủ quan, và việc giải thích thì không bận tâm về những mâu thuẫn lôgic nội tại. Đó là những cấu trúc xây dựng tùy tiện khi cần thiết, theo dòng các câu hỏi đặt ra : người ta sáng tạo một vị thần ở đằng sau mỗi hiện tượng cụ thể như thần sấm, thần gió... theo mô hình con người, với cả hỷ nộ ái ố, cộng thêm những khả năng siêu nhiên.

Như thế là tư duy thần thoại đã đạt đến một trình độ trừu tượng nào đó, nếu hiểu tư duy trừu tượng là biết dùng « biểu tượng », dùng một hình tượng cụ thể để nói về một hiện tượng tự nhiên khác. Tuy nhiên, biểu tượng trong thần thoại chính là lấy mẫu từ con người với những dục vọng và tình cảm của nó, chỉ có những hoạt động cụ thể trong những hoàn cảnh cụ thể, không bao giờ lặp lại giống hệt nhau. Để đạt đến việc sáng tạo những biểu tượng bất biến, với những thao tác lặp lại được, như những hoạt động của biểu tượng khoa học sau

này thì con đường còn dài. Cho nên những giải thích trừu tượng trong thần thoại nhằm đến sự yên ổn về tâm lý chứ không nhằm sự hữu hiệu trong hành động, khác với khoa học ở chỗ đó.

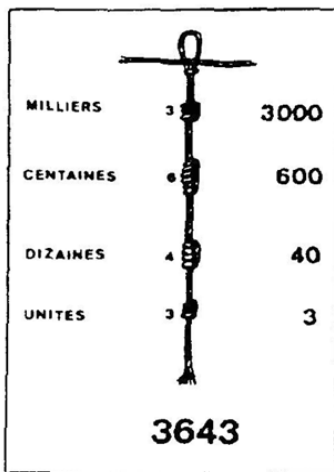
Tuy rằng ngày nay đã được tách ra khỏi tư duy khoa học, huyền sử, qua những biểu tượng của nó, vẫn là một kích thích không thể thiếu trong tư duy thẩm mỹ và ý thức về bản sắc của con người. Do đó các huyền sử trên thế giới vẫn được nghiên cứu nhiều, và các nhà nghiên cứu vẫn dựa trên huyền sử để đưa ra nhiều giả thiết khác nhau về tâm lý sâu thẳm của con người.

Nhận xét cuối cùng về huyền sử là : Có sự khác biệt lớn giữa những huyền sử được ghi âm lại từ lời kể của các bộ tộc hiện còn sống theo văn hoá truyền khẩu, và những pho huyền thoại đồ sộ của Hy Lạp, của Ấn Độ... đã được truyền lại hàng nghìn năm nay qua hình thức chữ viết rồi. Điều này chứng tỏ những huyền thoại « viết » đã được « viết lại » bởi những bộ óc chọn lọc của một nền văn hoá cao, có chữ viết giàu về mặt khái niệm và phức tạp về cơ cấu, có toán học, y học hiệu quả. Và như thế phải nói rằng tư duy huyền sử không phải chỉ là « giai đoạn trước » của tư duy khoa học, khi đã có khoa học rồi thì không cần đến nữa. Mặt khác những huyền sử truyền khẩu tuy không đồ sộ nhưng cũng đã quá phức tạp để có thể tự nhiên có ngay một hệ thống chữ viết để ghi lại. Bước nhảy vọt của con người không thể xa thế. Rất lâu sau khi có những chữ đầu tiên mới có thể có văn chương.

3. Quá trình hình thành chữ viết

Về mặt lịch sử tư duy khoa học thì vấn đề quan trọng là sự chuyển tiếp từ tư duy bằng huyền thoại đến tư duy bằng lý tính (từ *mythos* đến *logos*). Tuy nhiên, nói như thế chỉ đúng một nửa. Bởi vì, ngoài tư duy bằng huyền thoại với các biểu tượng « hướng nhân » (anthropomorphe) rất trừu tượng, như đã nói ở trên, con người tiền/sơ sử còn dùng những biểu tượng khác, tạm gọi là biểu tượng vật chất, đến thẳng từ những sinh hoạt cụ thể, và chính từ đó mới nảy sinh chữ viết.

Hình vẽ sau cho thấy hệ thống kế toán của người Inca, trong đó mỗi sợi dây là một con số, Người Inca không phải là những người độc nhất dùng giây thắt nút để làm



Nút giây ghi số của người Inca, hệ thập phân [6, tr.15]

kế toán, ghi nhớ nợ nần... có lẽ dùng nhiều là để ghi nhớ số con trong một đàn cừu hay đàn bò. Và người ta đã thấy những người sử dụng thường là không biết chữ, ngay cả khi họ sống trong một nền văn hoá có chữ viết.

Tương tự như vậy, cái bảng đất sét (nung hay phơi khô) ở trang bên cạnh, là của người Sumer, trong đó người ta đọc được ở dòng đầu : 145 cái túi (đựng gì đó không giải mã được) ; dòng thứ nhì



Bảng đất sét nung của người Sumer, các con số theo cơ số 60 [6, tr.15]

là: 15 con (gà ?). các dòng sau chưa giải mã được. Có thể đây là một hợp đồng đổi chác, hay một bản ghi nhớ của cái, của ai đó. Bảng này thì rõ ràng là ở thời sơ khai của văn minh chữ viết. Với thời gian, các hình vẽ được « chuẩn hoá » dần và trở thành chữ, số. Chuẩn hoá, có nghĩa một sinh hoạt xã hội rất có trật tự, có bàn thảo, so sánh chọn lựa... đi đến đồng thuận (quá trình này có thể không tự giác), hoặc qua mệnh lệnh, hoặc qua bắt buộc nhau... Phải có tổ chức xã hội cao lắm mới có được chữ viết. Kể cũng hay, công việc chuẩn hoá chữ viết này tính ra thì chưa bao

giờ ngưng nghỉ trong xã hội loài người. Chuẩn chữ viết quan trọng được thực hiện gần đây nhất chính là chuẩn Unicode, với nó người Việt Nam viết và đọc trên máy tính được dễ dàng, như giờ đây tôi đang viết bài này hầu bạn đọc...

Trở lại những nhu cầu xử lý thông tin mà chỉ có chữ viết mới giải quyết được trong một xã hội nông nghiệp : Để mua bán, kiểm soát của cái... người ta cần các biểu tượng vật chất, chứ không chỉ dựa trên trí nhớ. Cũng như vậy, công việc làm lịch, rất quan trọng cho cày cấy... cần đến quan sát thiên văn và ghi nhớ vị trí các vì sao để đo thời gian... Chính ở đây mà các nhà nhân chủng học, như Jack Goody [7, tr. 160], nhận thấy một điều độc đáo : ngay từ đầu, chữ viết đã không phải chỉ là sự ghi nhớ tiếng nói. Trong ngôn ngữ viết có những điều không có trong ngôn ngữ nói. Đây là điều quan trọng mà ngay cả những nhà ngôn ngữ học lớn nhất, như Ferdinand de Saussure, cũng không thấy (« Lý do hiện hữu độc nhất của chữ viết là để ghi lại tiếng nói », F. de Saussure viết trong *giáo trình ngữ học tổng quát* ; trích theo [7, tr. 144]). Thật vậy, chữ viết đem lại cho nội dung thông tin những cấu trúc rõ ràng hơn tiếng nói rất nhiều. Cụ thể là những hiện vật khảo cổ mang chữ viết sớm nhất đều là những danh sách, bảng biểu, tức là những thông tin hai chiều, chứ không phải chỉ có một chiều tuyến tính như tiếng nói. Cũng có thể nói thêm, ngay trong chiều tuyến tính thì với các dấu ngắt câu... chữ viết cũng đã chính xác hơn tiếng nói nhiều rồi. Ngược lại với câu của de Saussure, những phát biểu quan trọng nhất trong lịch sử loài người hiện nay đại đa số là đọc bài viết sẵn, trong đó tiếng nói chỉ là cái phát ra chữ viết. Những sai lầm của các bác học lớn đều phong phú.

Đến đây chúng ta chạm đến ảnh hưởng ngược lại của chữ viết lên trên đời sống con người, trong phát triển văn học, khoa học, kinh tế, học thuật... Vì vấn đề quá lớn, mà bài đã dài, sau đây chỉ có thể xới lên vài điểm.

4. Ảnh hưởng của chữ viết trên đời sống con người

Trước hết, chúng ta không nên quên là văn hoá truyền khẩu vẫn tồn tại một cách sống động, song song với chữ

viết, trong một thời gian rất dài. Trước khi mà chữ viết trở thành phổ quát trong thời hiện đại – *Cách mạng Pháp 1789 thiết lập cường bức giáo dục với hiến pháp 1793 ; vậy có thể nói khoảng 200 năm trước đây không ở đâu trên thế giới có số người biết chữ nhiều hơn số người mù chữ. Việt Nam, trước Cách Mạng tháng tám... – thì nó vẫn chỉ là công cụ của một số người tương đối nhỏ trong dân số. Vậy thật ra xã hội hiện đại là xã hội phân hoá, trong đó người không biết chữ bị thiệt thòi và bị bóc lột. Chỉ cần nhớ đến những tiểu thuyết mô tả sự chiếm hữu đất đai của nông dân : sau khi họ khai phá rừng hoang, bỗng một ngày có người đến chia ra tờ giấy chứng minh người ấy là chủ sở hữu của mảnh đất ấy...*

Điểm thứ hai quan trọng là sự chuyển đổi từ giáo dục truyền khẩu sang giáo dục qua sách vở thế nào cũng có ảnh hưởng đến sự phát triển của bộ óc con trẻ. Người không biết chữ tư duy theo một cách, và người biết chữ tư duy theo một cách khác. Sản phẩm của những tư duy đó là học thuật, văn chương, cũng khác nhau. Thơ có vần chủ yếu là di sản của thời truyền khẩu, với văn hoá nặng về chữ viết thì thơ không vần đã này sinh. Nền giáo dục nhồi sọ và bắt học sinh học thuộc lòng quá nhiều cũng do cái truyền thống truyền khẩu ấy.

Và hình như hiện nay chúng ta lại đang chuyển từ văn hoá chữ viết sang văn hoá hình ảnh. Khoa học tâm lý giáo dục còn rất nhiều điều phải làm để làm chủ được những chuyển đổi này.

Chẳng hạn, gần đây người ta đã đo hoạt động điện từ trong bộ óc các học sinh các nước khi học viết chữ, và thấy rằng học sinh trung quốc sử dụng bán cầu phải của não nhiều hơn học sinh Tây Âu. Bán cầu phải nặng về tư duy tổng hợp, âm nhạc, nghệ thuật ; và bán cầu trái nặng về lý luận, phân tích. Cũng dễ hiểu, vì chữ biểu ý có tính tổng hợp cao hơn.

Vậy phải chăng do chữ viết mà đã có khác biệt Đông Tây trong di truyền văn hoá từ mấy ngàn năm nay rồi ?

Hàn Thuỷ

Tài liệu tham khảo

- [1] Jack Goody, *Entre l'oralité et l'écriture*, NXB PUF, 1994 ; Nguyên bản tiếng Anh : *The interface between the written and the oral*. Cambridge University Press, 1993
- [2] *Tim về cuối nguồn chữ Hán* ; Lý Lạc Nghị ; nxb Thế Giới, Hà Nội 1998.
- [3] *Understanding Early Civilisations* ; Bruce G. Trigger ; Cambridge University Press, 2003.
- [4] Trang Web của Thư viện quốc gia Pháp : *L'invention de l'écriture, và écriture phénicienne* :
<http://classes.bnf.fr/dossiecr/chr-ecri.htm>
<http://classes.bnf.fr/dossiecr/in-phenii.htm>
- [5] Lê Thành Khôi, *Quelques pas au sud des nuages*, nxb Les Indes Savantes, Paris 2005
- [6] Marie-Claire Amouretti & George Comet : *Homme et techniques de l'Antiquité à la Renaissance* ; nxb Armand Colin, Paris 1993
- [7] Jack Goody, *La raison graphique*, Les éditions de minuit, Paris 1979. Nguyên bản tiếng Anh : *The domestication of the savage mind*. Cambridge University Press, 1977.

LTS : Bài nghị luận của Lữ Phương được đăng trên báo điện tử Talawas ngày 30.05.2005. Theo chúng tôi đây có lẽ là một phân tích đáng kể nhất trong những bài chúng ta thấy xuất hiện trên cùng chủ đề này, nhân kỷ niệm 30 năm ngày 30.04.1975. Vì khuôn khổ có hạn Diễn Đàn xin đăng lại một số trích đoạn quan trọng nhất để giới thiệu. Xin đọc giả xem toàn văn ở :

www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=4594&rb=0307

Vi bài này được đăng làm hai kỳ nên có các chú thích nằm giữa bài. Để cho dễ đọc và dễ qui chiếu chúng tôi để nguyên như vậy. Đồng thời xin đánh số thêm các tiểu đoạn, đánh số trong các tiểu đoạn là của tác giả. Các tiểu đoạn bị lược bỏ được tóm tắt nhanh, viết thật hàng và đổi kiểu chữ, như ở đây.

Mặt khác chúng tôi hy vọng độc giả và các cây bút của Diễn Đàn sẽ tham gia thảo luận về bài biết này. Để gọi hứng, Hàn Thuỷ xin chấp bút đặt ra mấy nhận định và câu hỏi « khiêu khích » ở cuối tài liệu.

*

1. Thực dân Pháp và cuộc đấu tranh giành chủ quyền và thống nhất của Việt Nam

Đoạn này nhắc lại lịch sử. Trong đó Lữ Phương nhận định trong thời chống Pháp không có "nội chiến ý thức hệ", nhưng có "độc quyền chính nghĩa dân tộc"

2. Ý thức hệ cộng sản và không cộng sản ở Việt Nam

(...)

2. Ý thức hệ cộng sản thường được xem là bắt nguồn từ học thuyết Marx. Nhưng thứ "chủ nghĩa Marx" du nhập vào Việt Nam đó chỉ là chủ nghĩa Lenin của Quốc tế Ba, một hình thức vận dụng Marx vào những nước thuộc địa cũng với mục đích chống chủ nghĩa thực dân để hiện đại hoá xã hội. Khi phổ biến sang những nước chống đế quốc, nội dung của nó chính là chủ nghĩa dân tộc toàn trị stalinít. (...) thứ chủ nghĩa Stalin đó khi đi vào Việt Nam đã mang màu sắc Mao Trạch Đông khá rõ rệt. Một thứ chủ nghĩa Stalin đã "Trung Quốc hoá".

3. Cái gọi là "chủ nghĩa cộng sản Việt Nam" này như vậy thật sự chỉ là người anh em song sinh với cái gọi là "chủ nghĩa không cộng sản Việt Nam" : cả hai đều ra đời từ cái nôi cách mạng của nước Trung Hoa hiện đại. Không phải lúc nào chúng cũng đối lập nhau, trái lại đã có thể cùng nhau hợp tác trong việc hình thành các tổ chức cách mạng chống thực dân, nhất là trong những năm 1925-1927 ở Quảng Châu (Nguyễn Hải Thần đã hoạt động khá thân thiết với Hồ Chí Minh). Sự bất hoà đưa đến xung đột giữa hai bên chỉ xảy ra trong thời gian giành giật chính quyền quyết liệt (1945, 1946), đặc biệt khi Việt Nam được chọn như địa bàn tranh chấp giữa Mỹ và phe cộng sản quốc tế sau khi Chiến tranh Thế giới II chấm dứt.

4. Tuy là một thực tế, nhưng nhìn chung, sự khác nhau giữa các ý thức hệ trong thời kỳ chống thực dân không phải là những mâu thuẫn sinh ra từ bản thân xã hội Việt Nam. (...) Sự chuyển động của Việt Nam không phải là cuộc chuyển động được "ủy nhiệm" từ bên ngoài mà đã đi theo cái lôgích nội tại của bản thân : giành lại chủ quyền từ bên ngoài để thống nhất và hiện đại hoá dân tộc. Tính

Chiến tranh Việt Nam: Chủ quyền quốc gia, xung đột ý thức hệ và hoà giải dân tộc

chất hai mặt đó trong cuộc tranh đấu của Việt Nam là đặc điểm quan trọng nhất trong thời kỳ lịch sử mới của Việt Nam trong thế kỷ 20.

5. (...) Theo viễn cảnh này, sự chiến thắng hay thất bại của những lực lượng chống thực dân Pháp chủ yếu chưa phải là sự đúng hay sai của các ý thức hệ khác nhau mà là vấn đề biện pháp huy động được sức mạnh truyền thống của dân tộc để đạt mục đích của mình. Và cũng trong viễn cảnh đó, có thể nói sự chiến thắng của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với chủ nghĩa thực dân Pháp chính là sự chiến thắng của một biện pháp đấu tranh có khả năng huy động được truyền thống để thực hiện mục đích riêng đó, trong khi đó các xu hướng chống thực dân khác vì không làm được nên đã thất bại ^[4]

3. Siêu cường Mỹ và cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai

Vấn đề đặt ra trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ hai này là Đảng Cộng sản Việt Nam có còn giữ được ngọn cờ dân tộc đó hay không? Câu trả lời không đơn giản vì sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam lần này không giống với người Pháp trước đây.

1. Sự can thiệp đó đã diễn ra dưới một hình thức hoàn toàn khác. Thay vì xâm chiếm đất đai, tạo ra thuộc địa để trực tiếp cai trị và khai thác như Pháp đã làm thì Mỹ lại sử dụng những thủ đoạn gián tiếp để dựng nên một chính quyền bên ngoài độc lập nhưng bên trong phụ thuộc qua đó thực hiện chính sách của mình, cụ thể vào lúc bấy giờ là đường lối đối ngoại thời Chiến tranh Lạnh: chia cắt lâu dài Việt Nam, qua đó “be bõ”, không cho chủ nghĩa cộng sản bành trướng xuống Đông Nam Á ^[5]. Tất cả đều không bắt nguồn từ đâu ngoài cái mà người Mỹ gọi là “lợi ích” của Mỹ với tư cách là một siêu cường, chứ không phải là một cái gì khác. Chắc chắn, không ai hiểu rõ điều này cho bằng những “đồng minh” Việt Nam của Mỹ từ 1954 đến 1975, khi họ nhớ lại những biện pháp mà Mỹ đã sử dụng để khống chế, áp lực từ đe dọa cắt giảm viện trợ đến đảo chính, bỏ rơi v.v... đối với họ như thế nào.

2. Quả thật vấn đề ý thức hệ ở đây đã được đưa lên hàng đầu nhưng đó lại là thứ ý thức hệ của Mỹ chứ không phải của ai khác: gương cao ngọn cờ “dân chủ” của “thế giới tự do” để chống lại chủ nghĩa cộng sản quốc tế độc tài, đảng trị. Thật sự khi gọi cộng sản là “độc tài, đảng trị” thì chẳng có gì là oan, nhưng khi nhân danh lý tưởng “tự do” và “dân chủ” để bảo vệ cho những chính quyền như chính quyền Ngô Đình Diệm (thí dụ) do Mỹ tạo ra thì đó là một thứ huyễn hoặc quá sẵn sù, thô lậu. Một chính

quyền độc tài, sát máu chẳng khác gì với chính quyền cộng sản bao nhiêu: cũng dựa vào một ý thức hệ ngoại lai để tạo ra một chế độ độc đảng, duy trì quyền lực độc tôn bằng những cuộc thanh trừng, trấn áp vô cùng tàn khốc những lực lượng khác (không chỉ với cộng sản mà cả với cả những người cùng chia sẻ ý thức hệ “không cộng sản” với mình). Với một sự khởi đầu như vậy, sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp.

3. Tuy vậy, khi nhìn vấn đề từ một khía cạnh khác, người ta phải nhận rằng sự can thiệp ấy không hoàn toàn chỉ là tiêu cực, như chính sách “be bõ” chủ nghĩa cộng sản. Đây không chỉ là một chiêu bài mà chính là ý chí muốn ngăn bước tiến của một ý thức hệ thật sự đang mang tai hoạ cho thế giới. Ý thức hệ này nhân danh cách mạng, tự cho mình là “đỉnh cao của trí tuệ loài người”, là một “học thuyết khoa học giải phóng nhân loại khỏi mọi áp bức lầm than” nhưng thực chất chỉ là một thứ ý chí luận về sự nhất thể hoá đời sống, thực hiện bằng huyễn hoặc và áp chế, thanh trừng kiểu Stalin và Mao Trạch Đông... Với một thứ chủ nghĩa cộng sản tàn tệ như vậy thì không phải chỉ có Mỹ mới muốn ngăn lại.

4. Cũng không thể không quan tâm đến một số mặt chính đáng trong cái mô hình “không cộng sản” mà Mỹ dự định xây dựng cho những nước nằm trong quỹ đạo của nó. Nhất là với những nước thuộc Thế giới Thứ ba được coi như chiến trường thử thách việc “ai thắng ai” giữa “hai con đường”. Với chủ đích đó, mô hình do Mỹ đề xuất cho những nước chậm tiến rất khác với mô hình thống trị thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cổ điển. Đó là một mô hình về phát triển đặc biệt dành cho những nước chậm phát triển, với mô hình ấy, những nước này có thể có được cơ hội để cất cánh nhanh chóng trong tự lực. Cái giả định cho rằng nếu Mỹ không vấp phải những sai lầm ở Việt Nam thì tương lai của cái thực thể chính trị mang danh là “Việt Nam Cộng Hoà” sẽ hoàn toàn có khả năng đứng ngang hàng với những thực thể khác cùng nằm dưới cái dù bảo trợ của Mỹ (như Nam Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Indonesia v.v...), cái giả định ấy không phải là không mang tính hiện thực ^[6].

4. Việc Đảng Cộng sản đánh bại Mỹ ở Việt Nam

(...)

3. Nhìn lại mọi việc từ một khoảng lùi về thời gian, chúng ta thấy về phía Mỹ, ý định xây dựng ý thức hệ cho sự can thiệp của mình vào Việt Nam đã hội đủ nguyên nhân để thất bại. Sự thất bại ấy biểu hiện trước nhất ở chỗ Mỹ không tạo nên được một chính quyền không cộng sản ở miền Nam có đủ năng lực và chính nghĩa để đương đầu với phong trào nổi dậy tại chỗ do trung ương Đảng Cộng sản từ miền Bắc chỉ đạo ^[7]. Chính sự thất bại đó (chính phủ Ngô Đình Diệm là sự khởi đầu) đã khiến Mỹ phải từ bỏ vai trò giấu mặt để trực tiếp nhảy vào giải quyết bằng chiến tranh. Một cuộc chiến tranh mà tác dụng đầu tiên của nó là càng làm cho những chính quyền sau Ngô Đình Diệm trở thành những hình nộm của Mỹ. Và cũng là một cuộc chiến tranh mục đích không phải chỉ để giết hại những người cộng sản cầm súng mà là để tiêu diệt tất cả những gì nằm dưới tầm roi của bom Mỹ, dù đó là con bò, cành cây hay một đứa bé. Chính hành động can thiệp khủng khiếp này đã đập vỡ

toàn bộ những dự định xây dựng, những hứa hẹn của Mỹ cho Việt Nam, làm cho hình ảnh của Mỹ ở Việt Nam trở thành một đế quốc tàn bạo trước mắt thế giới.

4. Chính cái hình thức và quy mô can thiệp trắng trợn và dữ dội nói trên của Mỹ đã giúp những người cộng sản miền Bắc có cơ hội làm lắng xuống những tai hại về ý thức hệ mà họ đã gây ra trong những cuộc đấu tố, cải cách ruộng đất, đàn áp trí thức... để giương lại ngọn cờ dân tộc mà họ đã chiếm giữ được từ thời chống thực dân, sau đó ô ạt đưa người vào Nam " đánh Mỹ ". Sự thắng lợi của cộng sản Việt Nam hoàn toàn không phải là sự thắng lợi về ý thức hệ (chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng) như những nhà lý luận cộng sản đã khoe mà chính là sự thắng lợi của ý chí chống ngoại xâm mà Đảng cộng sản Việt Nam đã biết khơi dậy để lôi những người Việt Nam " không cộng sản " vào cuộc chiến đấu của mình. Thật đáng ngạc nhiên khi nghe nhắc lại chuyện đã qua, chúng ta chỉ thấy người phía bên này chửi rủa những người phía bên kia, người thất bại cãi cọ với người chiến thắng nhưng không mấy ai nhắc đến một cách đúng mức vị trí của những người khởi đầu chẳng theo bên này lẫn bên kia (những người " không cộng sản " thứ thiệt), nhưng cuối cùng đã phải đứng lên "chống Mỹ như những người Việt cộng sản" vì không thể ngồi nhìn bom đạn Mỹ dội xuống đất nước như một sự huỷ diệt, tiến hành bởi một đoàn quân viễn chinh mà sứ mạng " bảo vệ tự do " của nó rút lại là đồng nghĩa với huỷ diệt [8].

[4] Vấn đề tranh cãi giữa những người cộng sản hay không cộng sản ở đây không phải là ai yêu nước hơn ai mà là tại sao những lực lượng chống thực dân không cộng sản lại để ngọn cờ dân tộc ấy rơi vào tay Đảng Cộng sản. Chính những người không cộng sản – chứ không phải là ai khác – phải có nhiệm vụ trả lời cho thoả đáng câu hỏi này (...). Đối với quá trình phát triển của đất nước, sự chiến thắng đó chỉ là những sự kiện mà lịch sử phải ghi nhận như tất cả những gì đã xảy ra trong quá khứ, không bao hàm một giá trị có ý nghĩa quyết định nào cả.

[5] Về đề tài này xin đọc cuốn *The Pentagon Papers* do Bentam Books xuất bản năm 1971 theo bản in của *The New York Times*. Đây là công trình của 36 tác giả giấu tên (do Mc. Namara, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ thời Johnson chỉ thị thực hiện), (...) Phúc trình đã vạch rõ chính sách của Hoa Kỳ với Đông Nam Á từ những lời tuyên bố của Tổng thống Roosevelt tới giai đoạn khai diễn cuộc hoà đàm về Việt Nam vào mùa hè 1968. Hồ sơ bí mật này đã bị Daniel Ellsberg, một người góp phần soạn thảo, tiết lộ (...). Nhà thơ Diễm Châu của tạp chí *Trình bày* ở Sài Gòn đã dịch một phần (từ thời Truman, sau lá bài Bảo Đại cho đến thời Kennedy, sau khi Diệm đổ), đăng liên tục từ số 26 tháng 8-1971 đến số tháng 9-1972. Đây là một tài liệu phải có cho bất cứ ai muốn nghiên cứu về chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

[6] Lê Xuân Khoa, talawas 29-4-2005.

[7] Hãy thử đọc một câu trong Phúc trình nghiên cứu mật nói trên : "... American intelligence estimates during the nineteen-fifties show that the war began largely as a rebellion in the South against the increasingly oppressive and corrupt regime of Ngo Dinh Diem" (Tài liệu đã dẫn, tr. 67).

[8] Có thể nói đây là sự phản ứng đích thực nhất những người "không cộng sản" với cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt

Nam: trước nguy cơ dân tộc bị huỷ diệt, sự khác nhau về ý thức hệ sẽ không còn quan trọng nữa. Đảng Cộng sản đã khai thác triệt để tình cảm này và đã lôi kéo rất nhiều người vào hàng ngũ của họ, nhưng cũng phải nói rằng chính cái hình thức can thiệp bằng chiến tranh huỷ diệt của Mỹ đã đẩy rất nhiều người về phía cộng sản từ đó trở thành những người thân cộng. Thiết tưởng, nhắc lại cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam không thể bỏ qua hiện tượng quan trọng này.

*

5. Những cựu thù, ai thắng ai ?

Đoạn này ghi lại nhận định của tác giả, có lẽ cũng rất phổ biến, đại ý là VN đã thắng trong chiến tranh, nhưng ngay sau đó đã thua trong hoà bình, không xây dựng nổi đất nước và gây ra bao nhiêu thảm cảnh, do " Tất cả những sai lầm từ miền Bắc mệnh danh " xã hội chủ nghĩa " sau khi thắng Pháp nay đã được lập lại nguyên vẹn ở miền Nam sau khi thắng Mỹ ".

Và hiện nay thì " chủ nghĩa tư bản đã thắng (...) tất cả những nô nức hứa hẹn thắng tiến cuộc sống xen lẫn với nghèo đói, ma tuý, mại dâm, tội ác, tham nhũng... ồn ào, chộp giật, rùng rú, vui buồn đủ thứ nhưng đó vẫn là " chủ nghĩa tư bản " chứ chẳng phải là cái gì khác ".

6. " Đồng hồ đã dừng lại sau ngày 30.4.1975 " !

Trong đoạn này tác giả phân tích thái độ của hai thành phần cần hoà giải với nhau, những người được coi là " bề đồng hồ " : Đảng CS VN với cung cách " chơi kéo trên ", và " những người " Việt Nam Cộng Hoà " " thất bại " phải di tản ra " hải ngoại " ".

7. Cơ sở nhận thức cho cuộc hoà giải giả tưởng

(...) vấn đề này sẽ không thể tiến được một bước nào nếu trước nhất hai bên không chấp nhận " nhìn lại " những việc đã qua một cách khách quan, bình thản.

1. Về phía những người Việt Nam Cộng Hoà, điều khó nhất trong nhận thức là (...) không thể nào nhìn ra được thực chất của cái thực thể gọi là Việt Nam Cộng Hoà ấy (từ chính phủ của Ngô Đình Diệm đến Nguyễn Văn Thiệu) chỉ là sản phẩm của cuộc Chiến tranh Lạnh toàn cầu do Mỹ dựng nên để thông qua đó can thiệp vào Việt Nam, từ đó nhận ra rằng sự thất bại của họ cũng chính là sự thất bại trong cuộc chiến tranh đó chứ không phải là cái gì khác. Họ cũng không thể nào lay chuyển được cái quan niệm về chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, coi đó chỉ là tội tở trung thành của bọn ác ôn " Nga, Hoa " chuyên nghề cướp của giết người và nô dịch các nước – hoàn toàn không cần biết rằng sự xuất hiện của phong trào cộng sản thế giới trước nhất là để chống lại những áp bức, bất công do chế độ tư bản gây ra [5] ; cũng chẳng cần quan tâm gì đến cội nguồn của phong trào cộng sản Việt Nam là sự nổi dậy của những người bị lệ thuộc chống lại chủ nghĩa thực dân, tuy có dựa vào Quốc tế Ba, bị nước này nước nọ trong phe o ép, lôi kéo, nhưng để đạt được mục đích riêng của mình, chưa bao giờ chấp nhận để các thế lực ngoại bang này biến thành một công cụ hoặc một thứ tay sai ngoan ngoãn [6].

2. Phần những người cộng sản chiến thắng thì (...) không bao giờ thấy được độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là hai chuyện không có cùng một bản chất, không thể dùng cái này để biện minh cho cái kia. Nếu việc những người cộng sản đánh đuổi được thực dân, đem lại độc lập và thống

nhất cho đất nước đến nay đã được coi là hiển nhiên với lịch sử thì cũng chính qua cuộc đấu tranh giành độc lập ấy, việc họ mang về cho đất nước cái “ của nợ ” ý thức hệ mệnh danh là “ chủ nghĩa xã hội ” gây ra bao nhiêu tai hoạ cho người Việt Nam ngay sau khi chiến thắng cũng đã trở thành hiển nhiên như vậy. Chính vì cứ bám víu quyết liệt vào cái ý thức hệ có được nhờ chiến tranh đó, dựa vào nó để biện minh cho chế độ chuyên chính đương quyền hoàn toàn bất lực trong công cuộc hiện đại hoá đất nước mà những người lãnh đạo Đảng đã đưa dân tộc sau ngày sau 30-4-1975 vào một cuộc chia rẽ mới, đau đớn và tuyệt vọng chưa từng có. Những người cộng sản không thể nào hiểu được thái độ thù hận quyết liệt của một bộ phận người Việt hải ngoại hiện nay, khởi đầu chỉ là kết quả của cuộc chiến tranh thất bại của Mỹ, nhưng cùng với thời gian đã được tô đậm thêm nhiều lần để trở thành cực đoan là đã bắt nguồn từ những sai lầm do chính những người cộng sản gây ra cho đồng bào trong nước của mình, những người gọi là “ được giải phóng ”, chứ không phải là cái gì khác.

3. Thật đáng buồn, (...) Chưa bên nào chịu bước tới một bước để ngồi lại cùng nhau tìm ra nguyên nhân đích thực đã biến những người anh em thành những “ anh em thù hận ”. Nói như một nhà văn hải ngoại : “ đồng hồ đã dừng lại sau 30-4-1975 ” [1] ! Tình trạng căng thẳng kéo dài ấy (...) chỉ có tác dụng làm ung thối cái không gian văn hoá của mọi người, bắt đồng đảo những con người bình thường ở hai bên, không màng đến ý thức hệ, hoặc không coi ý thức hệ là cái vì nó mà người ta phải bắn giết nhau – trong đó rất đông là lớp người trẻ tuổi sinh ra trong thời kỳ sau chiến tranh – phải hít thở cái không khí truyền thông đầy khói súng của hai bên, tràn ngập những thứ ngôn ngữ thoá mạ, chửi rủa, bôi nhọ, sỉ vả, những thứ ngôn ngữ kết dệt bằng bịa đặt, vu khống, bất chấp sự thật, bất chấp lý trí... (...) để tiếp tục cuộc chiến tranh mang tên “ nội chiến ý thức hệ ”, một cuộc chiến tranh chưa bao giờ thật sự xảy ra trên đất nước.

8. Hãy cho đồng hồ chạy lại !

Có thể có một cuộc hoà giải hiện thực trong tương lai không ? Cái gì sẽ tạo ra cơ sở hiện thực cho cuộc hoà giải đó ? Câu trả lời tích cực cho những vấn đề này tất yếu sẽ phải gạt sang một bên cuộc xung đột cân não ồn ào của những cựu binh chủ chiến của hai bên mà chỉ có thể tìm thấy nơi những xu hướng tư duy mới, thoát khỏi được sự xiềng xích của cuộc chiến tranh cũ, đang hình thành.

1. Phải thật công bằng mà nói, góp phần mạnh mẽ tạo ra xu hướng mới ấy chính là chính sách “ đổi mới ” của Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện từ 1986 cho đến nay. Mặc dù khó khăn, giục giặc, mặc dù vẫn còn bị cái đuôi ý thức hệ “ xã hội chủ nghĩa ” thời chiến tranh trì kéo nặng nề, nhưng nội dung của sự chuyển động đó không phải cái gì khác hơn là một hình thức từ bỏ chính cái ý thức hệ mệnh danh là “ xã hội chủ nghĩa ” ấy, với tác dụng rành rành của nó là giam hãm đất nước trong cô lập, nghèo nàn. Và cũng nhờ vào sự chuyển động đó mà bộ mặt của Việt Nam ngày nay đã khác rất nhiều so với 30 năm trước đây – đất nước đã giải quyết xong vấn đề “ ai thắng ai ” rồi ! Trong tình hình ấy, việc mở cửa với thế giới bên ngoài, đặc biệt việc đặt lại quan hệ bình thường với Mỹ là tiền đề quan

trọng để lôi kéo những người Việt Nam bỏ nước ra đi (trong đó có rất nhiều nhân vật thuộc chính quyền Việt Nam Cộng Hoà) nay có thể nhìn lại quê hương như một xứ sở đã có được những điều kiện bình thường để trở về thăm viếng, sinh sống, làm ăn. Sự khác biệt giữa cái gọi là cộng sản và không cộng sản vẫn còn tồn tại nhưng cũng đã thu hẹp lại phạm vi bất đồng và không còn đưa đến những căng thẳng có thể gây “ xung đột ” như trước đây. Sự khác biệt trong vấn đề này dường như đang có thiên hướng trở thành thứ yếu khi đặt bên cạnh những vấn đề khác quan trọng hơn nhiều lần : vấn đề tìm kiếm một mô hình phát triển dân chủ để đuổi kịp những nước trong vùng.

2. Chính quá trình đổi mới này đã có tác động tạo ra từ hai phía một xu hướng suy tưởng thoát ra khỏi những ràng buộc của những ý thức hệ ra đời trong chiến tranh để nhìn lại lịch sử theo một viễn quan thực tế, từ đó cùng nhau tìm kiếm lời giải đáp thích hợp cho những vấn đề đang đặt ra cho đất nước hiện nay. Hàng ngũ những người cộng sản trong nước (ngay cả những người thuộc vị trí lãnh đạo) cũng đã phân hoá thành rất nhiều “ quang phổ ” khác nhau : bên cạnh một số bảo thủ cứng rắn ngày càng già nua và bị cô lập, đa số đều đi theo xu hướng cải cách dưới nhiều mức độ, từ việc chấp nhận những “ đổi mới ” như hiện nay đến việc đòi hỏi canh tân nhiều hơn trong vấn đề luật pháp, hành chính, quản lý xã hội, từ việc đòi hỏi phải thực hiện dân chủ thực sự ở “ cơ sở ” một cách thiết thực đến việc đề xuất một cơ chế dân chủ trong đảng, tạo ra một hệ thống kiểm soát để tránh độc đoán và lạm quyền, rồi từ trong đảng mở rộng ra toàn bộ xã hội. Chính những chuyển động nội tại đó đã có tác động hình thành xu hướng rất mới ở Việt Nam hiện nay, thường được gọi là “ cấp tiến ”, bao gồm rất nhiều thành phần khác nhau, thuộc nhiều thế hệ khác nhau, với nội dung ngày càng được xác định minh bạch là phải từ bỏ chế độ toàn trị stalinít để chuyển sang xây dựng chế độ dân chủ đa nguyên hiện đại. Mặc dù bị những phần tử cứng rắn đương quyền bôi nhọ, cô lập, bắt bớ, ngăn cấm bằng mọi hình thức nhưng xu hướng này vẫn không thể dập tắt được.

3. Ở hải ngoại, xu hướng mới cũng đã hình thành với rất nhiều sắc độ. (...) giới văn nghệ trong và ngoài nước đã xoá bỏ được triết để sự cách biệt trước đây để cùng nhau hình thành nên một số khuynh hướng sáng tác mới, nay đã bộc lộ trong một số báo điện tử hải ngoại. Nhiều người khác, riêng rẽ hoặc kết tập thành nhóm, đã nói đến những chuyện hoà hợp, hoà giải một cách trực tiếp, với những quan điểm chính trị không phải lúc nào cũng giống nhau, từ việc nhìn lại cuộc chiến tranh đã qua về nhiều mặt, giải thích sự thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản lẫn sự thất bại của phe quốc gia đến việc xây dựng một cương lĩnh cho đất nước trong tương lai... Nhưng hầu như tất cả đều không chấp nhận thái độ quá khích, chỉ biết chăm chăm chống cộng một cách mù quáng (...) hết sức cực đoan. Chủ nghĩa cộng sản vẫn là đối tượng phê phán của xu hướng mới này nhưng điều đó chỉ xuất phát từ ý hướng muốn dân chủ hoá đất nước chứ không phải vì thù hận cần phải dùng bạo lực để triệt tiêu.

4. Sự xuất hiện những xu hướng trên đây, từ trong nước đến hải ngoại, đang đóng vai trò đầu tiên của chúng là hạn chế và cô lập dần dần những tiếng nói của những thành

phân bảo thủ hiếu chiến của hai bên. Nhưng quan trọng hơn là chúng đã tạo ra được một môi trường thuận lợi để những khác biệt về tư tưởng có thể cọ xát và tranh luận trong đối thoại và hoà bình, không những có lợi cho đời sống văn hoá mà còn có tác động tích cực trong việc tìm ra những giải pháp thích hợp cho việc xây dựng một nước Việt Nam trong tương lai, ở đó sự phát triển đời sống kinh tế xã hội không thể nào tách rời khỏi nhu cầu dân chủ hoá đời sống chính trị, văn hoá. Trong viễn cảnh đó, những khác nhau về ý thức hệ phải được xem là cần thiết, nó làm phong phú những hoạt động tinh thần và ngăn ngừa khả năng một hệ tư tưởng nào đó trượt dài vào cái vũng lầy độc tôn, tệt hại hơn nữa biến sự khác nhau về tư tưởng thành cuộc chém giết lẫn nhau. Sự phát triển của những xu hướng văn hoá lành mạnh đó chưa phải là đã gặp được mảnh đất màu mỡ để phát triển dễ dàng nhưng được cuộc sống thực tế yểm trợ, nên có rất nhiều triển vọng.

Cái đồng hồ đã bị ai đó làm cho dừng lại vào ngày 30-4-1975 đến nay tưởng đã có thể điều chỉnh ngày tháng và cho chạy lại được rồi!

Lữ Phương

26-5-2005

© 2005 talawas

[5] Hãy đọc nhận định sau đây của Giáo Hoàng Jean-Paul II về chủ nghĩa cộng sản : " Le communisme en tant que système est, d'une certaine manière, tombé tout seul. Sa chute est la conséquence de ses erreurs et de ses excès. Il s'est révéilé ' un remède plus dangereux que la maladie elle-même ' " (*Entrez dans l'Espérance*, Plon/Mame, Paris, 1994, tr. 204). *Một thang thuốc trị bệnh nguy hiểm hơn bản thân căn bệnh*, chứ không hề là một CÁI ÁC TUYỆT ĐỐI như một số người công giáo (và không chỉ là công giáo) hải ngoại đã cho là như vậy!

[6] Vấn đề lịch sử phức tạp này đến nay vẫn đang còn được bàn cãi theo những định kiến thuần ý thức hệ, đơn giản, dễ dãi. Điều này không những chỉ xảy ra trong hàng ngũ những tác giả cộng sản mà còn trong hàng ngũ những người đã từ bỏ cộng sản, những người chống cộng và không cộng sản.

[7] Nguyễn Mộng Giác, *Hợp lưu* tháng 4 và 5-2005.

*

Nhận xét :

Sau đây và một vài nhận xét có tính phê phán, xin nêu ra để khơi mào cho thảo luận :

1) Có lẽ có thể bỏ qua đoạn đầu đã quá xa vời.

2) Về sự hình thành ý thức hệ, tiểu đoạn 2.2 và 2.3 , tác giả có giản lược quá không ? Cái đặc thù của lịch sử và xã hội thuộc địa Pháp của VN không đưa đến khác biệt gì đặc thù giữa TQ và VN trong thực tại xã hội và khía cạnh ý thức hệ hay sao ?

3) Mặt khác, quan điểm của tác giả hình như là : " ý thức hệ làm nên lịch sử ", do đó phê phán thành bại cũng như xấu tốt của một sự kiện lịch sử thông qua ý thức hệ của các bên tham dự (nếu coi khả năng tổ chức cũng là một bộ phận của ý thức hệ). Các động cơ khác của lịch sử như kinh tế, truyền thống văn hoá... hình như bị xem nhẹ ?

4) Đoạn 3, các điểm 3.1, 3.2 nói chung chí lý ; 3.3 thì có thể bàn thêm. Điểm 3.4 thì là giả thuyết mà người viết những dòng

này không thể chấp nhận. Người ta cũng có thể lấy những trường hợp khác để so sánh, như các nước Nam Mỹ, ở sân sau của Mỹ, thì sao ? Và cũng có thể đặt giả thuyết nếu không có chiến tranh VN thì liệu số đô la đổ vào các nước Nam Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Indonesia v.v... được bao nhiêu ? Và tình hình kinh tế sẽ như thế nào ?

5) Điểm 4 nói chung chí lý, chỉ tiếc hai điều, một là ở 4.2, vì quan niệm giới hạn đã nói ở 2) và 3) trên đây nên 4.2 cũng quy tất cả tội lỗi cho Đảng và ý thức hệ Mác Lê. Không thấy những tác hại của kích thước văn hoá cổ truyền (phong kiến, Tống nho...) và kích thước tư bản rừng rú. Vì thế cũng sẽ không thấy những nguy hiểm tiềm tàng trong thời kỳ đổi mới và hậu đổi mới. Đặc biệt không giải thích được hiện tượng « mafia » chính trị đang chi phối xã hội.

6) Tương tự : 5.1. cũng đổ cái " thất bại trong hoà bình "... cho ý thức hệ CS. Thời đen tối 75-86 cần có một phân tích kỹ lưỡng và đa diện hơn, trong đó ý thức hệ CS không đóng một vai trò quan trọng bằng tinh thần quốc gia, dù " đại bá " hay " tiểu bá "... cũng như trách nhiệm về sự kiệt quệ kinh tế (mà phần nào có hậu quả là các thuyền nhân) không phải chỉ ở phía VN, còn có sự phong toả KT của Mỹ.

7) Mục 7 hình như lạc đề : không thể và cũng không cần hoà hợp hoà giải bằng lý lẽ giữa những người Cộng Sản và Quốc Gia quá khích mà quá khứ cũng như tuổi tác đã hằn sâu những thành kiến trong tâm hồn. Vấn đề là làm sao cho họ có được đời sống tâm linh thoải mái. Phải chăng nếu cần đến tiềm năng kinh tế, tri thức, quan hệ, của các Việt Kiều này thì cũng cần chấp nhận những thành kiến chủ quan về « sự thực lịch sử » của họ ? Còn nếu không thì thôi chứ bắt cả hai tay chắc là không được.

8) Ngược lại mục cuối cùng, mục 8 là điều quan trọng nhất, vì nó hướng tới tương lai, và coi trọng những yếu tố có tiềm năng. Tuy nhiên ở đây phân tích quá mờ nhạt : phải chăng ở đây cần những nhận định sâu rộng hơn về xã hội VN, cũng như về tập thể người VN ở nước ngoài, đặc biệt các trí thức và doanh nhân trẻ. Ở đây lại tiếc không có những phân tích « ý thức hệ » và tác động của chúng, sở trường của tác giả. Sự thiếu vắng này làm cho người đọc không thấy những lý do cho hy vọng và cả cho lo ngại. Đặc biệt có thể nêu lên một thí dụ nữa : đó là những người trong môi trường của tác giả : những người không CS mà đi theo CS. Họ bây giờ ở những đâu và làm những gì ?

Hàn Thuỳ

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ

Imprimé par Point Concept, Vitry sur Seine

Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 3)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)